

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập cũng như thực hiện khóa luận em gặp không ít những khó khăn nhưng em đã được các thầy cô giáo trong khoa văn hóa du lịch và các phòng ban của trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, giảng dạy, giúp đỡ tận tình.

Em xin được bày tỏ lòng cảm ơn tới các thầy cô trong khoa văn hóa du lịch và các phòng ban của trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng. Em xin cảm ơn các cô chú trong Sở thương mại du lịch tỉnh Hải Dương đã nhiệt tình cung cấp tài liệu cho em trong quá trình nghiên cứu. Và đặc biệt em xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Thạc Sĩ Bùi Thị Hải Yến – người đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em làm khóa luận này.

Do thời gian tìm hiểu ít và kiến thức lý luận, thực tế còn nhiều hạn chế nên nội dung bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để bài khóa luận được hoàn chỉnh hơn.

Hải Phòng ngày 1 tháng 7 năm 2010

Sinh viên thực hiện

Đỗ Thị Lương

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cùng với nhịp độ tăng trưởng của du lịch Việt nam, ngành du lịch Hải Dương cũng đang hoà nhập với sự phát triển sôi động của cả nước và đạt được kết quả ban đầu quan trọng, đóng góp đáng kể vào công cuộc xây dựng kinh tế, xã hội của địa phương. Đây là kết quả tất yếu của sự đổi mới, vươn lên, tự khẳng định mình của du lịch Hải Dương. Điều đó có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển du lịch tỉnh nhà trong những thập kỉ đầu của thế kỉ 21 và cả trong tương lai.

Hải Dương là một tỉnh nằm ở trung đồng bằng bắc bộ, cái nôi của nền văn minh sông hồng, lại cận kề kinh thành Thăng Long trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của cả nước. Văn minh sông hồng, văn hóa Thăng Long trực tiếp tác động và kết tinh nhiều thành tựu rực rỡ trên đất này.

Hải Dương chứa đựng chiều sâu văn hóa lịch sử của một vùng đất xứ Đông. Hải Dương còn là một tỉnh có nguồn tài nguyên du lịch đa dạng và giàu bản sắc có thể phát triển được nhiều loại hình du lịch như du lịch văn hóa, du lịch văn hóa sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch tham quan...

Tuy vậy hoạt động du lịch của Hải Dương lại chưa thực sự phát triển tương xứng với tiềm năng. Nhắc đến du lịch Hải Dương du khách chỉ biết đến 2 di tích được xếp hạng đặc biệt quan trọng đó là Côn Sơn - Kiếp Bạc, gần đây nhất là sân Golf (Chí Linh). Còn rất nhiều di tích khác của tỉnh chưa được du khách biết và để ý đến. Hình ảnh Hải Dương chưa thực sự tạo được dấu ấn và sự quan tâm trong lòng du khách. Nhìn chung điều đó cũng rất dễ hiểu bởi bản thân họ chưa biết gì, thậm chí là chưa từng nghe qua tên di tích thì họ không thể quyết định mua sản phẩm du lịch của tỉnh. Vậy, vấn đề đặt ra là làm sao để giúp cho du khách có thêm được sự hiểu biết rõ ràng hơn về các điểm du lịch ở Hải Dương để từ đó có được những quyết định đúng đắn khi mua sản phẩm du lịch của Hải Dương. Với những lý do đó tôi xin mạnh dạn

lựa chọn đề tài “ *Nghiên cứu nguồn lực, thực trạng, giải pháp khai thác tuyến điểm du lịch sinh thái nhân văn ở Hải Dương. Xây dựng tuyến Hà Nội - Cẩm Giàng – Thanh Miện - Ninh Giang - Chí Linh – Thành Phố Hải Dương*” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài:

2.1. Mục đích, ý nghĩa nghiên cứu:

Nhằm nâng cao nhận thức của mình về nghiên cứu, vận dụng những lý luận đã học vào nghiên cứu ở địa phương. Qua quá trình nghiên cứu có thể học hỏi, thu nhận thêm những kiến thức thực tiễn, cọ sát thực tế mở rộng thêm tri thức, bổ xung kiến thức đã hổng ở thực tế.

Cung cấp kiến thức nghiên cứu cho các bạn sinh viên và những người có quan tâm về vấn đề nghiên cứu.

Khai thác phát triển các tuyến điểm du lịch sinh thái nhân văn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Lịch sử nghiên cứu

Tài nguyên du lịch của Hải Dương đã có rất nhiều nhà khoa học nghiên cứu, tìm hiểu ở các góc độ khác nhau như:

1- Tăng Bá Hoàn – Hải Dương di tích và danh thắng.

2- Bùi Thị Hải Yến – Tuyến điểm du lịch, nhà xuất bản giáo dục.

Và rất nhiều những đề tài nghiên cứu tài nguyên du lịch Hải Dương.

Song các tác giả chủ yếu đi sâu giới thiệu các tài nguyên mà chưa đánh giá được đầy đủ khả năng phát triển du lịch của Hải Dương.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài tập trung vào các nguồn lực, hoạt động du lịch sinh thái, nhân văn của Hải Dương. Đề tài khóa luận nghiên cứu được giới hạn trong phạm vi lãnh thổ, không gian tỉnh Hải Dương.

4. Thời gian nghiên cứu.

Thời gian nghiên cứu đề tài được kéo dài từ ngày 15 tháng 4 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Số liệu thống kê sử dụng trong bài khóa luận được cập nhật từ năm 2001- 2009.

5. Khó khăn và thuận lợi khi chọn đề tài.

Để hoàn thành khóa luận này tác giả cũng gặp phải những khó khăn trong quá trình thực hiện: nguồn tài liệu mang tính cập nhật chưa phong phú và còn tản mạn.

Bên cạnh đó tác giả cũng có thuận lợi: được sự giúp đỡ, chỉ bảo nhiệt tình của cô giáo hướng dẫn, sự giúp đỡ tư liệu của các bác ở Sở Văn Hóa thông tin tỉnh Hải Dương.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp thực địa và thu thập tài liệu :

Đến những địa điểm có các di tích, danh lam để tìm thông tin thực tế, chụp ảnh. Khảo sát địa hình.

Các nguồn tài liệu sưu tầm từ SGK, nguồn từ Internet, các sách chuyên đề về du lịch, du lịch Hải Dương, các bài báo đăng tải vấn đề có liên quan, tài liệu xin từ sở Văn Hoá - Thể Thao - Du Lịch Hải Dương, báo cáo tổng kết về hoạt động ngành du lịch, báo cáo định hướng phát triển du lịch. Và các bài nghiên cứu của những người nghiên cứu trước.

6.2. Phương pháp so sánh tổng hợp thống kê:

Dựa trên các tài liệu sưu tầm được các nguồn như đã nêu trên, phân tích tổng hợp lại thành các mục đích cụ thể cho việc thống kê và trình bày nội dung của đề tài.

6.3. Phương pháp biểu đồ và bản đồ:

Biểu diễn các số liệu trên biểu đồ. Sử dụng bản đồ hành chính, bản đồ du lịch Hải Dương.

6.4. Phương pháp toán học:

Khoá luận có sử dụng các phương pháp tính toán cơ bản trong việc tính toán cân đối các bảng biểu và tính toán giá Tour.

7. Kết cấu của khóa luận.

Khoá luận ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, phần nội dung chia làm 3 chương:

Chương 1: Các nguồn lực để xây dựng tuyến điểm du lịch sinh thái nhân văn ở tỉnh Hải Dương.

Chương 2: Thực trạng kinh doanh du lịch của Hải Dương.

Chương 3: Một số giải pháp cho phát triển du lịch Hải Dương. Xây dựng tuyến du lịch Hà Nội – Cẩm Giàng – Thanh Miện – Ninh Giang – Chí Linh – Thành Phố Hải Dương.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ XÂY DỰNG TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI NHÂN VĂN Ở TỈNH HẢI DƯƠNG.

1.1. Khái quát chung về tỉnh Hải Dương

1.1.1. Vị trí địa lý và lịch sử hình thành – phát triển

Hải Dương là một tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng Sông Hồng với diện tích tự nhiên là 1.647,52 km², Năm 2008 Hải Dương có 1.723.319 người với mật độ dân số 1.044,26 người/km². Nông thôn: 86%, Thành thị: 14%.

Hải Dương bao gồm 01 thành phố trực thuộc 01 thị xã và 10 huyện. Hải Dương có 262 xã, phường và thị trấn. Tỉnh Hải Dương nằm trong toạ độ địa lý từ 20°36 bắc Phía bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, Đông bắc giáp tỉnh Quảng Ninh. Phía đông giáp thành phố Hải Phòng. Phía nam giáp tỉnh Thái Bình. Phía tây giáp tỉnh Hưng Yên. Hải Dương nằm trung tâm vùng du lịch Bắc Bộ, trong tam giác động lực tăng trưởng du lịch Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tuyến du lịch Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh dù đi theo đường ô tô, đường sắt đường sông đều đi qua địa phận tỉnh Hải Dương. Từ đó có thể thấy vị trí trung chuyển của Hải Dương đối với trung tâm du lịch Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Đường quốc lộ số 5 và tuyến đường xe lửa nối Hà Nội với cảng Hải Phòng chạy suốt tỉnh. Trong đó thành phố Hải Dương – Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật của tỉnh nằm trên trục đường quốc lộ 5 cách thành phố Hạ Long 80km. Vì vậy đây là điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá cũng như vận chuyển khách du lịch.

Đường quốc lộ số 18 nối Hà Nội - Bắc Ninh - Hạ Long cũng đi qua địa phận Hải Dương với chiều dài là 20km đặc biệt là qua các khu di tích danh thắng của tỉnh Bắc Ninh và Côn Sơn - Kiếp Bạc. Do đó thuận lợi cho việc xây dựng các tuyến điểm du lịch giữa 2 tỉnh.

Hải Dương cũng nằm trong hệ thống giao thông đường thủy chính của vùng châu thổ đặc biệt là hệ thống sông Thái Bình có điểm gặp sông Đuống ở Phả Lại, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách muốn tham quan bằng đường sông. Du khách có thể từ Hà Nội đi cano theo sông Đuống đến Phả Lại ghé thăm Côn Sơn - Kiếp Bạc, rồi theo sông Thái Bình, sông Kinh Môn đến với Kênh Chủ (Nam thiên đệ lục động) - Đền Cao hay xuôi theo dòng sông Kinh Thầy đến khu Nhị Chiểu thăm hệ thống hang động, chùa chiền. Từ Nhị Chiểu bằng đường thủy du khách có thể tiếp tục đến với Hạ Long- Một di sản thiên nhiên nổi tiếng thế giới.

***Đánh giá:** do nằm gần Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh là những trung tâm du lịch, kinh tế lớn của cả nước. Như vậy Hải Dương có vị trí rất thuận lợi cho hoạt động du lịch.

1.1.2. Lịch sử hình thành

Hải Dương là một vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Theo kết quả điều tra nghiên cứu những di chỉ khảo cổ khai quật được trên Hải Dương từ thời đồ đá, trên vùng đất Hải Dương đã có con người sinh sống. Qua các cuộc khai quật ở sông Kinh Thầy (Kinh Môn) người ta đã tìm thấy những di vật cách đây 3000 - 4000 năm ở Tứ Thông, Ngọc Uyên, Đồng Niên (Thành phố Hải Dương) cũng tìm thấy mộ táng trong đó có những di vật tùy táng bằng gốm từ thời Hùng Vương.

Năm 1965 tìm thấy được trống đồng ở làng Hữu Chung (Tứ Kỳ) có niên đại cách nay khoảng 2.500 năm.

Ngành khảo cổ học còn tìm thấy ở Ngọc Lặc (Tứ Kỳ) và ở nam Sách nhiều mộ táng các quan lại người Việt và người Hán thời đầu công nguyên có chôn theo vật tùy táng như vò, nậm rượu, cối giã trầu, dùi, cung, nỏ, dao, kiếm, khuôn đúc đồng.... Bằng sành sứ, bằng đồng hoặc bằng sắt...

Những kết quả khai quật trên đã phần nào phản ánh đời sống vật chất, tinh thần phong phú đa dạng của cư dân Việt cổ sống trên vùng đất Hải Dương xưa.

Hải Dương là vùng đất tiếp giáp từ Kinh Đô Thăng Long (xưa) kéo dài tới bờ biển Đông (xưa kia vừa có biển, núi, sông...), Trong suốt chiều dài lịch sử từ khi dựng nước tới nay Hải Dương đã có những tên gọi khác nhau:

Thời Hùng Vương thuộc Bộ Dương Tuyền, thời kỳ chống phong kiến Phương Bắc lần I là huyện An Định, Hồng Châu thời Khúc Thừa Dụ (906).

Thời Lý - Trần có tên là Nam Sách lộ, Hồng Lộ.

Thời Lê có tên là Thừa Tuyên Nam Sách, năm Quang Thuận thứ 10 (1469) thời vua Lê Thánh Tông đổi thành Thừa Tuyên Hải Dương, cuối đời Lê lại đổi thành sứ Hải Dương.

Thời Nguyễn đời vua Minh Mạng, năm 1831 tỉnh Hải Dương được thành lập (còn gọi là tỉnh Đông) gồm 3 phủ với 17 huyện.

Lúc mới thành lập, Hải Dương là một tỉnh rộng lớn bao gồm từ Bình Giang đến Thủy Nguyên. Đến thời vua Đồng Khánh (1888) thì tách dần một số xã của huyện Thủy Nguyên, Tiên Lãng... tách khỏi tỉnh Hải Dương để lập tỉnh Hải Phòng.

Thời Việt Nam dân chủ cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam), năm 1952 huyện Vĩnh Bảo nhập về Kiến An, 1960 huyện Đông Triều nhập về Hồng Quảng. Do đó từ 1960 trở đi, Hải Dương có 11 huyện và 1 thị xã.

Tháng 3/1968 tỉnh Hải Dương hợp nhất với tỉnh Hưng Yên thành tỉnh Hải Hưng gồm 20 huyện và 2 thị xã, thủ phủ đóng tại thị xã Hải Dương.

Năm 1997, Hải Hưng lại chia thành 2 tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Tỉnh Hải Dương hiện nay có 1 thành phố (Thành phố Hải Dương) và 11 huyện: Chí Linh, Nam Sách, Thanh Hà, Kinh Môn, Kim Thành, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Cẩm Giàng, Bình Giang, Thanh Miện, Ninh Giang.

1.1.3. Dân số và nguồn nhân lực.

Hải Dương là một tỉnh đông dân cư ở đồng bằng Sông Hồng. Hải Dương có một lực lượng lao động dồi dào. Tại thời điểm điều tra 1/4/2009 tổng số nhân khẩu toàn tỉnh Hải Dương là 1.703.492 người, chiếm 2% dân số cả nước (dân số

cả nước: 85.798.573 người). Trong đó nam chiếm 48,9%, nữ chiếm 51,1%, nhân khẩu thành thị chiếm 19,1%, nhân khẩu nông thôn chiếm 80,9%.

Trình độ dân trí và trình độ lao động ngày càng được nâng cao. Hải Dương đã phổ cập giáo dục tiểu học và đang từng bước tiến tới phổ cập giáo dục phổ thông trung học cơ sở, số người được đào tạo ngày càng cao trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm gần 23%, lao động phổ thông có trình độ văn hóa cấp 3 chiếm gần 65% đây có thể coi là một nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong đó có ngành du lịch.

Với lực lượng lao động đông đảo có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp qua nhiều đời nhất là lại có kinh nghiệm sản xuất ra nhiều loại sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu của du khách như: Thâm canh cây vải thiều và nhiều nông sản nhiệt đới khác. Chế biến các món đặc sản (Bánh đậu xanh, bánh gai) và nhiều sản phẩm thủ công truyền thống. Đây là một nguồn lực để phát triển du lịch của Hải Dương.

1.2. Kiểm kê đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên.

1.2.1. Địa hình

- Địa hình của Hải Dương được chia thành 2 phần rõ rệt:

+ **Vùng đồng bằng:** có diện tích 1.466,3 km² chiếm 89% diện tích tự nhiên của tỉnh do phù sa sông Thái Bình bồi đắp gồm các huyện: Cẩm Giàng, Nam Sách, Thanh Hà, Kim Thành, Thành phố Hải Dương, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Ninh Giang, Thanh Miện và một phần diện tích của huyện Kim Môn, Chí Linh.

Nhìn chung địa hình đồng bằng tương đối bằng phẳng, đơn điệu, đất đai khá màu mỡ, tuy không có giá trị cho phát triển du lịch, nhưng cũng tạo nên những bức tranh thủy mặc, trữ tình. Đây lại là nơi định cư rất sớm nên đã tạo ra nhiều công trình kiến trúc: Đình, đền, chùa, miếu và cũng là nơi cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm, những món ăn đặc sản phục vụ cho nhu cầu ăn uống của du khách.

+ **Vùng đồi núi thấp:** Có diện tích 181,22km² chiếm 11% diện tích tự nhiên của tỉnh thuộc 2 huyện Chí Linh và Kim Môn. Đây là khu vực địa hình

được hình thành trên miền núi tái sinh có nền địa chất trầm tích Trung Sinh. Trong vận động tân kiến tạo được nâng lên với cường độ trung bình đến yếu. Hướng núi chính chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Địa hình bị chia cắt khá mạnh, những đỉnh núi cao > 500m còn phủ đầy rừng.

Các dạng đại hình có phong cảnh đẹp, có giá trị đối với hoạt động du lịch của Hải Dương.

+ *Dạng địa hình đồi núi:*

Vùng đồi núi Chí Linh cao ở phía Bắc, thấp dần xuống phía nam. Phía bắc của huyện là dãy núi Huyền Đinh chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, có độ cao trung bình 300m, có một số đỉnh cao trên 500m, cao nhất là đỉnh Dây Điều 618m, Đèo Chê 533m, Núi Đai 508m. Địa hình phân cắt phức tạp, có nhiều dòng suối chảy xuống sông Lục Đầu và Hồ Béné Tắm. Dãy núi này có nhiều rừng bao phủ với nhiều loại sinh vật quý.

Vùng đồi núi Côn Sơn- Kiếp Bạc tuy địa hình không cao nhưng nhiều đỉnh núi có thể nhìn toàn cảnh như đỉnh Côn Sơn cao gần 200m (tục gọi là Bàn Cờ Tiên), từ đây có thể nhìn được toàn cảnh Côn Sơn và vùng núi kế cận. Các núi Ngũ Nhạc (238m), ngọn Nam Tào, Bắc Đẩu đều là những địa danh có giá trị đối với du lịch.

Dãy núi Yên Phụ (Kim Môn) có hướng Tây Bắc - Đông Nam với chiều dài 14km, chạy gần song song với quốc lộ 5. Dãy núi có nhiều đỉnh nhỏ với các đèo có tên tuổi: Đèo Mông, Khe Gạo, Khe Tài, Khe Đá, đỉnh cao nhất là Yên Phụ tuy không cao nhưng nằm sát với đồng bằng thấp và bằng phẳng nên nó vẫn mang dáng vẻ sừng sững uy nghi.

Về mặt kết cấu, dãy Yên Phụ là dãy núi đất pha sa thạch và sỏi kết, thoải thoải dễ leo, có thể lên từ bất cứ hướng nào. Đứng trên đỉnh Yên Phụ nhìn về phía Đông Bắc xa xa đỉnh Yên Tử cao ngất tầng mây, nóc nhà miền Đông Bắc, nơi bảo lưu nhiều di tích lịch sử đời Trần, chốn Phật tử của thiền phái Trúc Lâm Việt Nam, gần hơn là dãy núi đá vôi Dương Nham (Kính Chủ) như hòn non bộ khổng lồ giữa bể cạn mênh mông sóng lúa. Tây Bắc Dương

Nham, dòng Kinh Thầy lượn sát chân núi tạo nên cảnh sơn thủy hữu tình. Từ An Phụ nhìn về phía Tây Nam miền châu thổ bát ngát tận chân trời. Sông ngòi uốn lượn như những dải lụa nối tiếp nhau vô tận. Làng xóm, đồng ruộng trù phú, xanh tươi tạo nên bức tranh màu rực rỡ.

Địa hình vùng đồi núi Chí Linh thích hợp với việc tổ chức một số loại hình du lịch như du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, cắm trại thu hút được nhiều thanh niên, sinh viên học sinh. Một sự kết hợp độc đáo là vùng đồi núi ở Chí Linh, Kim Môn thường gắn liền với các di tích lịch sử, các danh nhân thời Trần – Lê: Côn Sơn đã từng chứng kiến thừa thiếu thời và những năm tháng về ở ẩn của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, Kiếp Bạc gắn với tên tuổi Trần Hưng Đạo... Mặt khác Côn Sơn còn là chốn Phật tử của thiền phái Trúc Lâm. Hàng năm, ở các di tích này còn tổ chức các lễ hội lớn.

Chính sự kết hợp độc đáo này càng làm tăng thêm sức hấp dẫn đối với du khách, có thể tổ chức được một số loại hình du lịch lễ hội, du lịch tôn giáo.

+ *Dạng địa hình Karst:*

Dạng đại hình Karst của Hải Dương nằm trong địa phận 5 xã Hoàn Sơn, Duy Tân, Tân Dân, Phú Thứ, Minh Tân thuộc khu Nhị Chiểu (32 hang động) và ở dãy núi Dương Nham thuộc xã Phạm Mệnh huyện Kim Môn. Vùng này không có những mạch, những dải núi đá vôi tinh thể cẩm thạch, có vách dựng đứng. Quá trình Karst độc đáo: Những khối sót lởm chởm đá tai mèo và hệ thống hang động. Có những hang động đẹp là một trong những thắng cảnh nổi tiếng của đất nước: Động Kính Chủ (Nam thiên đệ lục động), hang chùa Hàm Long, hang Tâm Long...

Hệ thống hang động Karst ở Kim Môn còn gắn liền với những dấu tích lịch sử hào hùng của đội quân Trần Hưng Đạo 3 lần chiến thắng quân Nguyên- Mông. Đây là nơi diễn ra nhiều trận đánh trong chiến dịch Bôlêrô (1952) “Thung xanh còn tanh máu giặc” chính là đây. Có những hang động còn lưu giữ các văn bia của nhiều thế kỉ như động Kính Chủ (40 văn bia), hang chùa Hàm Long (còn 7 văn bia).

Thắng cảnh thiên nhiên kết hợp với cảnh quan văn hoá trong các hang động Karst ở Kim Môn càng làm tăng thêm sức hấp dẫn cho vùng địa hình này và nó đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn của Hải Dương.

***Đánh giá:**

Địa hình Hải Dương có ý nghĩa lớn đối với du lịch là vùng đồi núi và Karst ở Chí Linh, Kim Môn. Địa hình này đã tạo nên cảnh quan thiên nhiên đẹp, quanh năm mát mẻ với những tán thông già rợp bóng. Bên cạnh đó nó còn kết hợp với các di tích lịch sử văn hóa nên càng làm tăng thêm sức hấp dẫn đối với du khách.

Địa hình đồi núi, hang động ở Hải Dương thích hợp cho việc tổ chức các loại hình du lịch leo núi, tham quan, nghỉ dưỡng, cắm trại.

1.2.2. Khí hậu

Địa hình Hải Dương mang đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc Việt Nam đó là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh rất điển hình.

Khí hậu Hải Dương có tiềm năng nhiệt ẩm lớn. Hằng năm lãnh thổ Hải Dương nhận được một lượng nhiệt lớn từ mặt trời, năng lượng bức xạ tổng cộng vượt quá 100kcal/cm²/năm, cân cân bức xạ vượt 70Kcal/cm²/năm. Số giờ nắng đạt từ 1600 -1800h/năm, nhiệt độ trung bình là 23,3°C, có 8 tháng nhiệt độ trung bình trên 20°C, tổng nhiệt độ hoạt động cả năm là 8500°C.

Khí hậu Hải Dương khá ẩm ướt: Độ ẩm tương đối trung bình giao động từ 80 - 90%, lượng mưa trung bình năm từ 1400 - 1700mm, có 6 tháng lượng mưa >100mm và chỉ có 2 tháng mưa xấp xỉ 20mm.

Sự phối hợp của địa hình và hoàn lưu gió mùa Đông Bắc Tây Nam đã phân hoá khí hậu Hải Dương thành 2 vùng khí hậu: vùng bán sơn địa và vùng đồng bằng. Tuy nhiên sự khác biệt về khí hậu giữa 2 vùng này cũng không thật rõ rệt. Điều này được thể hiện đặc điểm của chế độ mưa và chế độ nhiệt.

Đặc điểm chế độ nhiệt

Trên 2 vùng lãnh thổ sự phân bố nhiệt được thể hiện như sau:

Bảng 1: Phân bố nhiệt theo vùng của Hải Dương

Vùng khí hậu	Nhiệt độ TB năm (°C)	Nhiệt độ TB tháng 1(°C)	Nhiệt độ TB tháng 7 (°C)
Bán sơn địa	23,3	15 - 16	28 - 29
Đồng bằng	23,3	16 - 17	28 - 29

Chế độ nhiệt ở cả 2 vùng khí hậu của Hải Dương có sự phân hoá theo 2 mùa rõ rệt là mùa đông và mùa hè. Mùa đông nhiệt độ trung bình ở vùng bán sơn địa xuống thấp hơn vùng đồng bằng khoảng 1°C, biên độ năm của nhiệt độ trung bình ở vùng đồng bằng là 12°C, vùng bán sơn địa là 13°C.

Bảng 2: Đánh giá khí hậu theo chỉ tiêu của các nhà học giả Ấn Độ

Hạng	Ý nghĩa	Nhiệt độTB năm(°C)	Nhiệt độ TB tháng nóng nhất (°C)	Biên độ năm của t°(°C)	Lượng mưa năm (mm)
1	Thích nghi	18 – 24	24 – 27	< 6	1250 – 1900
2	Khá thích nghi	24-27	27 – 29	6 – 8	1900 – 2550
3	Nóng	27 – 29	29 – 32	8 – 14	> 2250
4	Rất nóng	29 – 32	32 – 35	14 – 19	< 1250
5	Không thích nghi	> 32	> 35	> 19	< 650

Như vậy chế độ nhiệt của cả 2 vùng khí hậu của Hải Dương nếu đánh giá theo chỉ tiêu của các nhà khoa học Ấn Độ là khá thích nghi đối với hoạt động du lịch. Tuy nhiên trong tháng 1 và tháng 7 không thích hợp cho khai thác hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh bởi vào các tháng này là các tháng nóng nhất và lạnh nhất trong năm.

Đặc điểm chế độ mưa.

Mưa là yếu tố khí hậu có ảnh hưởng lớn đối với hoạt động du lịch, nó gây ra một số trở ngại cho các chuyến du lịch của du khách. Vì vậy phải xem xét những biến động của chế độ mưa kết hợp với công tác dự báo thời tiết của tỉnh và của cả nước để có thể tổ chức các chuyến đi được thuận lợi.

Chế độ mưa ở Hải Dương khá phong phú nhưng biến động rất thất thường theo không gian và thời gian, do những diễn biến phức tạp của hoàn lưu gió mùa với các nhiễu động thời tiết kèm theo kết hợp với điều kiện địa hình.

Lượng mưa ở Hải Dương ít hơn một chút so với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, lượng mưa trung bình năm từ 1400 – 1700mm và phân bố không đều trên hai vùng lãnh thổ.

Khu vực mưa ít là vùng bán sơn địa ở phía đông bắc của tỉnh, lượng mưa trung bình hằng năm đạt 1400 - 1500mm. Đây là vùng khuất gió mùa đông bắc tương đối bởi cánh cung Đông Triều.

Khu vực mưa nhiều là vùng đồng bằng, lượng mưa trung bình năm vượt 1600mm; Ninh Giang 1630mm; Thanh Hà 1670mm; thành phố Hải Dương 1630mm

Lượng mưa trong năm có sự phân hóa thành 2 mùa rõ rệt:

Mùa mưa nhiều (lượng mưa tháng từ 100mm trở lên) bắt đầu từ cuối tháng 4 và kéo dài đến giữa tháng 10. Lượng mưa chiếm 80 – 85% lượng mưa cả năm.

Mùa mưa ít nhất bắt đầu từ giữa tháng 10, kết thúc vào cuối tháng 4. Lượng mưa này chỉ chiếm 15 – 20% lượng mưa cả năm.

Những tháng mưa nhiều lại rơi vào những tháng nóng nhất như tháng 7, tháng 8. Do đó trong các tháng này khai thác du lịch không thuận lợi.

Những hiện tượng thời tiết bất lợi cho hoạt động du lịch.

Bão: Hải Dương nằm gần trung tâm đồng bằng bắc bộ, không giáp biển nên không bị bão đổ bộ trực tiếp vào mà khi đến Hải Dương bão đã đi qua một số tỉnh khác: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, sức gió đã giảm đi.

Sự diễn biến của bão rất phức tạp qua các năm khác nhau và về số lượng cơn bão trong năm, cường độ và đường đi của bão cũng hết sức phức tạp. Có những năm mùa bão đến sớm từ tháng 4, tháng 5, có những năm mùa bão kết thúc muộn đến tận cuối tháng 9 vẫn còn. Vào tháng 7 và tháng 9 là thời gian có nhiều bão nhất trong năm sau đó đến tháng 8.

Lượng mưa do bão chiếm tỷ trọng lớn tới 20 - 30% tổng lượng mưa của cả năm, trong tháng 8 lượng mưa do bão chiếm tới 50 - 69% tổng lượng mưa trong tháng.

Khi bão đổ vào đất liền, ở Hải Dương có mưa to và gió giật mạnh (Tốc độ gió tới 38m/s) gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương và ảnh hưởng lớn đến hoạt động du lịch, phá huỷ những công trình kiến trúc, cảnh quan môi trường du lịch.

Gió mùa đông bắc: Hằng năm trung bình có khoảng 20 - 25 đợt gió mùa đông bắc ảnh hưởng tới Hải Dương. Thông thường từ cuối tháng 9 đã bắt đầu có gió mùa kéo dài tới tháng 4, tháng 5 năm sau. Các tháng 12 và tháng 1, tháng 2 gió mùa đông bắc hoạt động nhiều nhất và mạnh nhất làm nhiệt độ trong tháng này giảm mạnh mẽ. Có những đợt rét kéo dài tới hàng chục ngày liền, nhiệt độ dưới 15°C.

Khi gió mùa đông bắc về nhiệt độ giảm rất nhanh, sau một vài giờ nhiệt độ có thể hạ thấp từ 5 - 6°C sau 24 giờ có thể giảm tới 10°C. Sự giảm mạnh của nhiệt độ cùng với các đợt rét đậm, rét hại gây tác động xấu tới sức khỏe con người và cũng là một yếu tố gây cản trở cho hoạt động du lịch.

***Đánh giá:**

Tài nguyên khí hậu của Hải Dương được đánh giá theo các học giả Ấn Độ (bảng 2) là khá thích nghi đối với hoạt động du lịch.

Tài nguyên khí hậu của Hải Dương và nhất là khí hậu ở Chí Linh quanh năm mát mẻ rất thuận lợi cho một số loại hình du lịch: Du lịch tham quan, thể thao, giải trí đặc biệt là chơi Gofl (Sân Golf ngôi sao Chí Linh).

Đối với việc triển khai các hoạt động du lịch: nhìn chung khí hậu thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động du lịch ở hầu hết các tháng trong năm. Tuy nhiên có một số tháng (Tháng 7, 8, 9) thường hay có bão nên gây cản trở cho du lịch.

1.2.3. Nguồn nước

Tài nguyên nước được chia làm 2 loại: Nước trên mặt và nước ngầm.

Nước trên mặt gồm: sông, suối và nước hồ

Sông ngòi: Mạng lưới sông ngòi của Hải Dương khá dày đặc với 700km đường sông và được giải đều trên phạm vi toàn tỉnh. Các dòng chính thuộc hệ thống sông Thái Bình (vùng hạ lưu), chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Dòng sông chính Thái Bình chảy trong địa phận thuộc tỉnh Hải Dương dài 63km và phân làm 3 nhánh: Sông Kinh Thầy, Sông Gù và Sông Mía. Nhánh chính Kinh Thầy lại được phân làm 3 nhánh khác là Kinh Thầy, Kinh Môn và sông Rạng. Sông Thái Bình thông với Sông Hồng qua sông Đuống và Sông Luộc.

Các sông này có đặc điểm: lòng rộng, độ dốc lòng sông nhỏ có giá trị lớn về giao thông. Đối với du lịch thì hệ thống sông Thái Bình kết hợp với hệ thống sông Hồng có ý nghĩa to lớn bởi vì đây là hệ thống đường thủy chính của vùng Châu thổ Bắc Bộ

Suối: Chủ yếu ở vùng Chí Linh với những con suối nhỏ, chảy rì rào: Suối Đá Bạc, Suối Côn Sơn... tạo nên phong cảnh trữ tình nên thơ và từ lâu đã đi vào thơ ca như bài “*Côn Sơn ca*” của Nguyễn Trãi:

*“Côn Sơn suối chảy rì rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai”.*

Các suối này là nguồn tiếp nước quan trọng cho các hồ: Bền Tắm, hồ Côn Sơn, cung cấp nước ngọt cho hoạt động du lịch đồng thời làm tăng thêm sức hấp dẫn cảnh quan thiên nhiên cho vùng núi Chí Linh đẹp và nên thơ.

Hồ: Hải Dương có nhiều hồ đẹp và khá rộng như hồ Bền Tắm 35ha, hồ Côn Sơn, hồ Tiên Sơn 50ha, hồ Mật Sơn 30ha, hồ Bình Giang 45ha (Chí Linh) hồ Bạch Đằng 17ha (Thành Phố Hải Dương), hồ An Dương 10ha (Thanh Miện). Những hồ này rộng, có cảnh quan đẹp, nguồn thủy sản phong phú.

Hiện nay hồ Bạch Đằng cùng với công viên Bạch Đằng đã trở thành nơi vui chơi giải trí (Bơi thuyền, câu cá) cho du khách khi đến thăm thành phố

Hải Dương. Hồ An Dương (Thanh Miện) có khu Đảo Cò ở giữa hồ đã được mở rộng và trở thành một trong những khu du lịch sinh thái mang tầm cỡ quốc gia trên địa bàn của tỉnh. Hồ Bến Tắm, Hồ Côn Sơn trong tương lai sẽ có nhiều camping được xây dựng quanh hồ nhằm khai thác du lịch cuối tuần.

Nước ngầm: Nguồn nước ngầm ở Hải Dương rất phong phú, đủ đáp ứng nhu cầu khai thác du lịch tại các điểm. Nước ngầm ở vùng đồng bằng hết sức rộng lớn, khai thác rất thuận tiện. Ở vùng bán sơn địa nước ngầm nằm sâu hơn một chút nhưng nước trong sạch và mát rất phù hợp với nhu cầu, sở thích của khách du lịch.

Đặc biệt ở Hải Dương có nguồn nước khoáng ở Thạch Khôi (Gia Lộc) cách thành phố Hải Dương 5km. Mạch nước khoan ở độ sâu 76m, nhiệt độ nước là 40°C. Đây là nhóm nước khoáng Brôm - Iốt có tác dụng chữa bệnh ngoài da, thần kinh, phụ khoa. Nguồn nước khoáng là tài nguyên hấp dẫn có thể khai thác để phục vụ cho du lịch. Do đó nhu cầu nghỉ ngơi, chữa bệnh ở các suối nước khoáng này càng tăng. Mặt khác nguồn nước khoáng này ở vị trí khá thuận lợi chỉ cách thành phố Hải Dương 5km nên có khả năng khai thác du lịch, thu hút khách du lịch vào cuối tuần. Tuy nhiên tốc độ phun của nguồn suối khoáng này không ổn định. Vì vậy ngành du lịch ở Hải Dương cần nghiên cứu kỹ và cần có sự đầu tư cơ sở, vật chất kỹ thuật, xây dựng các công trình để đưa nguồn nước khoáng này vào khai thác du lịch.

***Đánh giá:**

Tài nguyên nước (Trên mặt) của Hải Dương có ý nghĩa đối với du lịch
Hệ thống sông của Hải Dương đủ để cung cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân địa phương và của du khách.

Các con sông này bao bọc xung quanh tỉnh và nối liền với các tỉnh lân cận nên có thể lập các tuyến du lịch bằng đường sông theo 2 hướng:

Hà Nội – Hưng Yên – Bắc Ninh – Côn Sơn – Kiếp Bạc và Quảng Ninh – Hải Phòng – Hải Dương. Các con sông này cũng uốn lượn hữu tình tạo cảnh quan đẹp và thơ mộng cho các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở 2 bên triền sông.

Mặt khác một số con sông còn là nơi diễn ra những sự kiện lịch sử, những trận chiến đấu như sông Lục Đầu Giang nơi tập kết huấn luyện quân của Trần Hưng Đạo hay bến Bình Than (năm 1282) khi nhà Nguyên Mông sắp cử đại binh sang xâm lược nước ta vua Trần Nhân Tông đã đến bến Bình Than họp các chư hầu và trăm quan bàn cách giữ nước... Do đó ngành du lịch Hải Dương cần nghiên cứu để đưa tiềm năng về du lịch đường sông vào khai thác, trước mắt cần phải cắm bảng chỉ dẫn tại khúc sông lịch sử, để giới thiệu cho du khách.

Hệ thống các hồ của Hải Dương như hồ Bến Tắm, hồ An Dương, hồ Bạch Đằng... cũng có giá trị du lịch, hấp dẫn du khách bởi cảnh quan thiên nhiên đẹp, có thể phát triển một số loại hình du lịch: Bơi thuyền, câu cá, lướt ván, xây dựng các nhà hàng bên hồ.

Theo chỉ tiêu đánh giá sức chứa đảm bảo sự phát triển bền vững đối với du lịch bơi thuyền ở Hà Lan là 8 du thuyền/ha mặt nước và chỉ có 1/2 số du thuyền được hoạt động. Qua đó xác định số du thuyền được hoạt động ở các hồ ở Hải Dương như sau:

Tên hồ	Diện tích (ha)	Số du thuyền được hoạt động
Hồ Bến Tắm	35	140
Hồ Tiên Sơn	50	200
Hồ Mật Sơn	30	120
Hồ Bình Giang	45	180
Hồ Bạch Đằng	17	68
Hồ An Dương	10	40

Bên cạnh đó nguồn nước khoáng ở Thạch Khôi (Gia Lộc) còn có thể khai thác để phát triển du lịch chữa bệnh.

1.2.4. Tài nguyên sinh vật

1.2.4.1. Thực vật

Ở Hải Dương, thảm thực vật tự nhiên quan trọng nhất là rừng Chí Linh với diện tích 1300 ha tập trung chủ yếu ở xã Hoàng Hoa Thám. Đây là kiểu

rừng ẩm thường xanh trên núi thấp có thành phần, loại khá phong phú và đa dạng. Hiện nay qua điều tra đã xác định được 117 họ, 304 chi và 400 loài:

Cây cho gỗ có 103 loài trong đó có các loài quý như lát hoa, lim xanh, táu, mật, gụ.

Cây dược liệu gồm 128 loài chiếm 32% tổng số loài thực vật hiện có, cao hơn tỷ lệ của cả nước là 28%. Dưới thời Trần Hưng Đạo đã cho xây dựng Dược Sơn ở Kiếp Bạc. Hiện nay vẫn còn dấu tích và luôn thu hút các nhà Đông Nam Á dược đến tìm hiểu và nghiên cứu.

Thực vật quý hiếm có 9 loại gồm sung, lim xanh, lát hoa, rau sắng, đẹn 5 lá, chân chim, gụ lau, đại hải, san hô.

Cây làm cảnh có 13 loại phục vụ cho du lịch. Ở Hải Dương đã thành lập được hội sinh vật cảnh và thường xuyên tổ chức các cuộc triển lãm cây cảnh đã thu hút được nhiều du khách đến thăm quan.

Ở Côn Sơn có rừng thông mã vĩ, có cây tuổi vài thế kỉ. Ngoài thông còn có trúc, lúa sim, mẫu đơn...

Hiện nay ở Hải Dương đã xây dựng được vườn thực vật Côn Sơn với diện tích 21ha với 136 loại cây bản địa. Ngoài rừng tự nhiên đang được phục hồi bảo vệ và phát triển thì rừng trồng mới đang được quan tâm với dự án 327 đã phủ xanh được nhiều khu đất trống đồi núi trọc.

Thảm thực vật ở Chí Linh khá phong phú với những loài quý hiếm, cùng với vườn thực vật Côn Sơn có tác dụng thu hút khách du lịch tới tham quan, nghiên cứu. Đồng thời nó tạo ra cảnh quan thiên nhiên hài hòa tươi đẹp cho các di tích lịch sử văn hóa nơi đây: Đền Kiếp Bạc, Chùa Côn Sơn, Chùa Thanh Mai...

Thực vật trồng của tỉnh phải kể đến vườn vải ở Chí Linh, Thanh Hà với hàng nghìn cây vải được trồng trong các khu vườn đồi, dọc 2 bên bờ sông, kênh, mương. Đến mùa vải chín vào độ tháng 5, màu xanh xen lẫn với màu vàng mơ, màu đỏ thắm của quả đương độ chín chạy thẳng tới chân trời, tạo nên một bức tranh đồng quê tuyệt vời. Do đó rất hấp dẫn du khách đến thưởng thức đặc sản vải thiều.

1.2.4.2. Động vật

Động vật hoang dã ở rừng Chí Linh ít về loài nhưng cũng có những loài quý hiếm:

Về chim: có gà lôi trắng, gà tiền mặt vàng, sáo mỏ gà và 2 loại dù di, gà lưng nâu đã được ghi vào sách đỏ Việt Nam.

Về chim nước: có làng cò vạc ở xã Chi Lăng Nam huyện Thanh Miện với hơn 5.000 con vạc, 15.000 con cò của 3 loại vạc: vạc lưng xanh, vạc xám, vạc sao, và 9 loại cò: cò trắng, cò lửa, cò bộ, cò ruồi, cò đen, cò hương, cò nghênh, cò ngang, cò diệc.

Về côn trùng: có 218 loài trong đó có 32 loài có ích, 36 loài có ý nghĩa trong du lịch: các loài bướm ngày, ve sầu, càn cạc, đế mèn, bọ dừa bọ mây, cà cuống...

Thú quý hiếm (đã ghi vào sách đỏ): Cu li lớn, gấu ngựa, beo lửa, sóc bay lớn, tê tê vàng...

Lưỡng cư quý hiếm có ếch xanh.

Bò sát quý hiếm có Tắc kè, Kỳ đà hoa, Trăn mốc.

Về cá nước ngọt có rất nhiều loài trong đó có một số loại như cá chép, cá quả...

*** Đánh giá:**

Tài nguyên sinh vật có ý nghĩa đối với loại hình du lịch tham quan nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái như các cây dược liệu ở Dược Sơn và một số nơi trong tỉnh thu hút các nhà nghiên cứu về đông nam dược. Ngoài còn có thể tổ chức các chương trình du lịch tham quan, thưởng thức đặc sản vải thiều ở vùng đất Thanh Hà.

Về động vật phải kể đến đó là khu vực Đảo Cò (Thanh Miện) nơi đây đã trở thành điểm du lịch sinh thái, tạo những ưu thế nổi bật hấp dẫn hơn so với các tỉnh lân cận như Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh...

Tài nguyên sinh vật của Hải Dương đặc biệt là tài nguyên rừng có giá trị rất lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường. Tuy nhiên hiện

nay ở cả nước nói chung và ở Hải Dương nói riêng thì rừng tự nhiên đang bị con người tàn phá một cách quá mức đã làm nghèo kiệt và mất đi một số động thực vật quý hiếm: Lát hoa, lim xanh, tấu, mật... Việc đưa vào khai thác Đảo Cò cho mục đích du lịch đã gây ra một số nhiều động ảnh hưởng xấu tới sinh hoạt của đàn cò. Hải Dương đã có kế hoạch bảo vệ môi trường. Nghị quyết 28 NQ/TW của ban thường vụ tỉnh ủy đã chỉ rõ “*Bảo vệ và phát triển sự đa dạng sinh học các loài cây, con quý hiếm đang có nguy cơ bị tiêu diệt. Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên*”. Nhiều kế hoạch bảo vệ và phát triển đàn cò do Sở khoa học công nghệ và môi trường tỉnh triển phát triển một cách bền vững những tài nguyên sinh học vốn có nhằm nâng cao kinh tế địa phương đặc biệt là áp dụng trong lĩnh vực du lịch.

1.2.5. Một số điểm du lịch tự nhiên.

Đảo Cò Chi Lãng Nam xã Chi Lãng Nam (huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) nổi giữa lòng hồ An Dương, được biết đến bởi hệ sinh thái, động, thực vật phong phú, với khoảng 20.000 con cò, vạc và nhiều loài chim. Đảo Cò Chi Lãng Nam đã trở thành điểm du lịch sinh thái "*độc nhất vô nhị*" của miền Bắc.

Đến Đảo Cò ấn tượng đầu tiên là cảm giác choáng ngợp trước một cảnh tượng thiên nhiên hy hữu. Hàng vạn chú cò, vạc đậu san sát trên các ngọn tre, cành cây, trông xa như những cành hoa điểm đầy bông trắng.

Người dân Chi Lãng Nam vẫn truyền cho nhau nghe về truyền thuyết vùng đất này. Truyện kể rằng vào đầu thế kỷ 15, những trận đại hồng thủy đã làm dải đê lớn ven sông Hồng trải qua 3 lần vỡ đê liên tiếp. Đến lần vỡ đê thứ hai thì tạo thành hòn đảo nổi giữa hồ. Rồi "*đất lành chim đậu*", từng đàn cò, vạc, chim nước đủ loại từ khắp nơi đổ về đây cư trú. Theo nhịp thời gian, cò, vạc sống trên đảo ngày càng đông về số lượng cá thể và đa dạng về thành phần loài. Hiện nay, với diện tích hơn 3.000m², đảo Cò đã tập trung tới 15.000 con cò và hơn 5.000 con vạc.

Khách du lịch lại đến với đảo Cò để được thoả mắt ngắm nhìn những chú cò. Cả một đảo với những chú cò trắng muốt mang đến cho người xem một sự vui thích thực sự. Cò bay về làm tổ từ tháng 9 cho đến tận tháng 4 rồi đi, và những ngày này, khách du lịch càng thích thú hơn khi được ngắm những chú cò con vừa mới sinh ra đời, đôi chân vẫn còn chưa vững khi đứng trên những cành tre mềm mại. Sáng sớm và chiều tối là khoảng thời gian nhộn nhịp nhất của Đảo Cò. Đó là lúc cò bay đi kiếm ăn và kéo về tổ để nghỉ ngơi sau một ngày làm việc vất vả.

Những chú cò bay kín cả mặt hồ, bay kín cả đảo, những chiếc cánh trắng muốt trao lượn tạo nên một khung cảnh thật tuyệt vời nhưng cũng thật hoang dã. Tiếng kêu của chúng vang xa, lúc trầm lúc bổng tạo thành một bản hoà tấu tuyệt vời như để khởi động một ngày mới hoặc kết thúc một ngày làm việc mệt mỏi.

Một chiếc xuồng cỡ nhỏ để không làm náo động không gian sống của cò sẽ chậm chậm đưa du khách đi vòng quanh hồ và ngắm cuộc sống của những chú cò. Nhưng nếu du khách muốn quan sát cuộc sống của cò một cách tỉ mỉ thì hãy ở một đêm bên Đảo Cò. Đêm lúc 9 - 10h tối là lúc cò về nhiều nhất, sự đoàn tụ gia đình cũng bắt đầu từ lúc này cho đến sáng hôm sau. Lúc ấy du khách sẽ có nhiều thời gian hơn để nghiên cứu cuộc sống của những chú cò trên đảo và sẽ phải ngỡ ngàng vì phát hiện: cùng với cò, vạc, trên đảo còn có vô số loài chim nước khác như: chim chả, bói cá, cuốc, cú mèo. Hiện nay trên đảo cò tập trung 9 loại cò: cò trắng, cò lửa, cò bộ, cò ruồi, cò đen, cò hương, cò ngênh, cò ngang, diệc, 3 loại vạc: vạc lưng xanh, vạc xám, vạc sao và rất nhiều loài chim quý hiếm: bồ nông, mòng két, lele... cùng trú ngụ.

Hồ An Dương còn là nơi sinh sống của nhiều loài cá và các loại thủy sinh khác, trong đó một số loài đã có tên trong Sách Đỏ Việt Nam.

Được thả mình vào khung cảnh vẫn còn mang đậm vẻ đẹp hoang sơ của thiên nhiên thì thật là tuyệt. Đảo Cò thực sự sẽ mang đến cho du khách những khoảng khắc sống cùng thiên nhiên.

1.2.6.Đánh giá chung về tài nguyên du lịch tự nhiên.

Tài nguyên du lịch tự nhiên của Hải Dương tuy không có gì nổi bật nhưng cũng đã có sức thu hút nhất định đối với du khách như các vùng đồi núi ở Chí Linh, khu Đảo Cò ngoài ra còn có những tài nguyên du lịch tự nhiên có giá trị đối với việc phát triển du lịch như hệ thống hang động khu vực Nhị Chiêu, các miệt vườn ven bờ sông Hương (Thanh Hà), các hồ trên địa bàn tỉnh như Hồ Côn Sơn (Chí Linh), Hồ An Dương (Thành Phố Hải Dương)... với những điều kiện trên có thể tổ chức được các hoạt động du lịch như: Du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, cắm trại ở các vùng núi Chí Linh, Kim Môn. Và một nét độc đáo nữa là cảnh quan thiên nhiên của Hải Dương còn kết hợp hài hòa với các di tích lịch sử văn hóa ở nơi đây càng làm tăng thêm sức hấp dẫn cho du khách. Bên cạnh đó nguồn tài nguyên khí hậu của Hải Dương được đánh giá là khá thích nghi đối với các hoạt động du lịch thể thao giải trí và các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng trên núi.

Nguồn tài nguyên nước cũng đủ phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của du khách, tạo cảnh quan thiên nhiên đẹp và thơ mộng đồng thời cũng có những tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch bằng đường sông.

Tài nguyên du lịch của Hải Dương còn góp phần nuôi dưỡng các tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh.

Trong số các loại tài nguyên du lịch tự nhiên thì trừ hệ thống các hồ, các hang động, khu du lịch sinh thái Đảo Cò còn lại các giá trị tài nguyên khác chỉ có giá trị phong cảnh.

1.3.Tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên kinh tế kỹ thuật phục vụ du lịch ở Hải Dương.

Hải Dương là tỉnh nằm ở phía đông kinh thành Thăng Long nên việc giao lưu kinh tế văn hóa hết sức thuận lợi. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, mảnh đất này đã lưu giữ trong mình nguồn tài sản nhân văn vô cùng quý giá. Đó là các công trình kiến trúc độc đáo (đình, chùa, nghề, đền, miếu) gắn với tên tuổi của Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, danh y Tuệ Tĩnh...

những làng nghề truyền thống với những sản phẩm tinh xảo thể hiện tâm hồn và tài năng của các nghệ nhân ở các làng nghề hay các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đặc biệt là các lễ hội, các loại hình nghệ thuật đặc sắc hấp dẫn. Tất cả đã tạo nên cho Hải Dương một tiềm năng nhân văn phong phú đa dạng

Tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Dương được chia làm 2 loại:

Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể: các di tích lịch sử văn hóa.

Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể: làng nghề lễ hội, văn hóa nghệ thuật và các đặc sản.

1.3.1. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.

1.3.1.1. Các di tích lịch sử văn hóa.

Hải Dương là một trong những vùng đất "*Địa linh nhân kiệt*", vùng văn hoá và văn hiến tâm linh chính của cả nước. Theo dòng lịch sử đã để lại cho Hải Dương 1.098 di tích lịch sử, trong đó có 133 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và nhiều di tích được xếp hạng đặc biệt như Côn Sơn, Kiếp Bạc. Hải Dương cũng là miền đất sinh ra và gắn liền với tên tuổi của nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới như: thế giới Trần Hưng Đạo, một trong mười tướng tài trên thế giới, vị anh hùng dân tộc Việt Nam với chiến công hiển hách - ba lần chiến thắng quân Nguyên; Danh sư Chu Văn An, nhà giáo tài đức vẹn toàn, lịch sử tôn ông là nhà nho có đức nghiệp lớn nhất; Danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi, người có tầm tư tưởng vượt lên nhiều thế kỷ; Lương quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi với học vấn đứng đầu cả nước, ông đã góp phần làm rạng danh đất nước; Đại danh y Tuệ Tĩnh, vị thánh thuốc nam được cả nước ngưỡng mộ.

Trí tuệ, tài năng của người Hải Dương cũng đóng góp cho sử sách Việt Nam 486 tiến sỹ (tính theo đơn vị hành chính mới, 637 vị tính theo đơn vị hành chính cũ) trong tổng số 2.989 vị đỗ đại khoa qua các triều đại, chiếm 16% (22%) đứng đầu cả nước, tiêu biểu là làng Mộ Trạch (Bình Giang – Hải Dương) được gọi là “lò tiến sỹ xứ Đông” có 36 vị đỗ đại khoa, đứng đầu số người đỗ tiến sỹ tính theo đơn vị làng xã trong cả nước. Vào thời Lê sơ, ở Hải

Dương đã có trường thi và miếu thờ các vị đại nho, tiêu biểu là Văn miếu Mao Điền.

Hiện nay, trong địa bàn tỉnh Hải Dương còn nhiều di tích lịch sử - văn hóa như: Đền Kiếp Bạc thờ Đức thánh Trần, đền Đuan và đền Tranh thờ Quan lớn Tuần Tranh, chùa Côn Sơn gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi, đền Cao, Văn miếu Mao Điền, di tích gốm sứ Chu Đậu - Mỹ Xá, di tích lịch sử chùa Bạch Hào. Khu di tích Kính Chủ - An Phụ, đảo cò Chi Lăng Nam... Với những thuận lợi trên, Hải Dương có vị trí khá quan trọng trong vùng du lịch Bắc bộ và cả nước.

Một số di tích lịch sử tiêu biểu:

Văn miếu Mao Điền

Văn miếu Mao Điền, di tích lịch sử quốc gia, thuộc xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương Văn miếu Mao Điền, được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia năm 1992. Nơi đây thờ Khổng Tử và tôn vinh các bậc nho học tiêu biểu cho truyền thống văn hiến của tỉnh Hải Dương. Địa danh Mao Điền theo văn bia ghi lại mang ý nghĩa: Mao là cỏ lau, Điền là ruộng cấy. Như vậy, từ xa xưa Mao Điền là một vùng đất bằng phẳng có nhiều cỏ lau. Văn miếu Mao Điền nguyên là Văn miếu trấn Hải Dương xưa. Di tích được khởi dựng vào thời Lê Sơ (TK XV) tại xã Vĩnh Lại, huyện Đường An, Phủ Thượng Hồng (nay thuộc xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang). Công trình gồm 5 gian Bái đường và 3 gian Chính Tẩm đặt trên một gò đất cao. Đồng thời với Văn miếu là trường thi Hương của trấn Hải Dương, được xây dựng tại xã Mao Điền, huyện Cẩm Giàng. Hai công trình này nằm cách nhau khoảng 1 km theo đường chim bay.

Đầu thế kỷ XVI, do Thăng Long bất ổn về chính trị nên nhà Mạc đã tổ chức 4 khoa thi Hội tại trường thi Mao Điền. Trong đó có khoa thi Ất Mùi năm Đại Chính thứ 6 (1535), trấn Hải Dương có Nguyễn Bình Khiêm, người nổi tiếng Thủ khoa cả ba kỳ thi: Hương - Hội - Đình, được triều đình phong tặng Trạng nguyên. Đến thời Tây Sơn (1788 - 1802), để thuận tiện cho việc

quản lý của bản trấn, Văn miếu được di chuyển từ xã Vĩnh Lại, huyện Đường An về xã Mao Điền huyện Cẩm Giàng, hợp nhất với trường thi Hương (nay là Văn miếu Mao Điền và cánh đồng Tràng). Quy mô công trình rộng tới 10 mẫu (3,6ha). Văn miếu xây dựng theo hướng Nam gồm các hạng mục: Bái đường, Hậu cung mỗi toà 7 gian, xây theo kiểu chữ Nhị, Đông vu, Tây vu, gác khuê văn, gác Chuông, gác Khánh, đài Nghiên, tháp Bút, Nghi môn, Thiên Quang tinh và Khải thánh thờ thân Phụ và thân Mẫu của Khổng Tử. Các hạng mục được quy hoạch cân đối và đẹp mắt. Việc tế lễ và học tập diễn ra rất đông vui. Hàng năm vào ngày "Đinh" (T) đầu tháng "trọng xuân" (tháng Hai) và "Trọng thu" (tháng tám), trấn Hải Dương tổ chức lễ tế Khổng Tử, các quan đầu trấn, đầu phủ cùng cử nhân, tiến sỹ về làm lễ trọng thể, nêu cao truyền thống "Hiếu học và tôn sư, trọng đạo" của người tỉnh Đông. Văn miếu và trường thi trấn Hải Dương có một lịch sử vẻ vang. Tại đây đã đào tạo hàng ngàn cử nhân, tiến sỹ nho học đứng vào hàng đầu cả nước. Nếu chỉ tính số người đỗ Đại khoa trong 185 kỳ thi (từ 1075 - 1919), cả nước có 2898 tiến sỹ thì trấn Hải Dương có 637 vị, trong số 46 Trạng Nguyên, Hải Dương có 12 người. Văn miếu Mao Điền tồn tại khá nguyên vẹn tới năm 1947, đến năm 1948, giặc Pháp chiếm đóng và lập quận Mao Điền. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Văn miếu được sử dụng làm nơi chứa lương thực và vật tư của Nhà nước. Do năm tháng và chiến tranh, vào những năm 1980 - 1990, Văn miếu Mao Điền bị xuống cấp rất nghiêm trọng, hầu hết đồ thờ tự bị phá huỷ hoặc thất lạc. Năm 1991, cán bộ và nhân dân xã Cẩm Điền đã đóng góp công sức tu bổ cấp thiết di tích. Năm 1992, Bộ VH-TT đã ra Quyết định số 97/QĐ-VH xếp hạng Văn miếu Mao Điền là di tích lịch sử quốc gia ngày 22/3/1995, đoàn cán bộ khảo miếu Trung Quốc, do ông Khổng Tường Lâm, cháu 75 đời của Khổng Tử, giám đốc Bảo tàng Khổng Miếu dẫn đầu tới thăm Văn miếu Mao Điền. Ông thực sự xúc động khi nghe giới thiệu về lịch sử Văn miếu và truyền thống hiếu học của các thế hệ người Hải Dương. Văn miếu Mao Điền đã thu hút hàng vạn lượt khách tham quan học tập. Trong đó

có nhiều đoàn cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ, ngành Trung ương, nhiều đoàn khách nước ngoài và chục vạn lượt khách trong nước về dự lễ hội và tìm hiểu thân thế sự nghiệp của các danh nhân, các anh hùng. Trong thời gian tới, Văn miếu Mao Điền tiếp tục được đầu tư tu bổ tôn tạo và quy hoạch mở rộng. Các hạng mục kiến trúc tiếp tục được xây dựng và cải tạo, tu bổ cùng với hệ thống cây xanh bao bọc sẽ tạo nên vẻ đẹp mới, xứng với một di tích lịch sử quốc gia tôn thờ các danh nhân và các anh hùng đã làm vẻ vang đất nước. Tại nơi đây diễn ra các hoạt động: Lễ hội truyền thống, tuyên dương học sinh giỏi, gặp mặt các tiến sỹ Hải Dương thời hiện đại, hội thảo khoa học, diễn xướng văn nghệ dân gian, hội trại học sinh sinh viên... Với những hoạt động có ý nghĩa trên, Văn miếu Mao Điền xứng đáng là nơi tôn vinh văn hiến tỉnh Đông và là địa chỉ du lịch hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước về thăm tỉnh Hải Dương.

Chùa Giám

Ngôi chùa có tên chữ là Nghiêm Quang tự ở xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương. Tương truyền chùa được xây dựng vào đời Lý, trùng tu vào cuối thời Lê. Lúc đầu, xã Cẩm Sơn nằm ở ngoài bãi bồi sông Thái Bình. Năm 1970, 1971 liền 2 năm nước sông Thái Bình lên to, gây vỡ đê ngập lụt, người dân phải di dời toàn bộ đến vị trí hiện nay, ngôi chùa cũng được dời theo.

Chùa Giám là ngôi chùa có quy mô kiến trúc to đẹp, mang đậm dấu tích nghệ thuật thế kỷ XVII. Chùa tọa lạc trên một khoảng đất rộng 2ha. Toàn bộ công trình kiến trúc bao gồm Tam quan, Tiền đường, Tam bảo, Nhà tổ, Hành lang, Nhà tháp cửu phẩm, Nhà khách, Nhà tăng, Vườn cây, Pháp sư, Nghè giám.

Nhà tiền đường 7 gian, 2 chái, đao tàu, néo góc. Nhà tháp mái, cột to hơn một người ôm, cột quân chỉ cao 2,1m. Các vì chạm hoa lá giản dị, các bức cốn và cửa võng với bức chạm quần long, bênh bong tinh xảo. Bờ nóc giữa mái và các bờ góc mái kết hoa thị, gắn con giống đắp vôi vữa sinh động.

Nhà tháp cửu phẩm hình vuông mỗi chiều 8m, 3 tầng mái, 12 chái, cao 8m bày toà cửu phẩm liên hoa 9 tầng hoa sen, cao trên 6m, hình lục giác đều, mỗi cạnh 1,24m. Giữa các tầng hoa sen là tượng Phật, mỗi mặt 3 pho, mỗi tầng 18 pho, tầng cao nhất chỉ có 1 pho tượng ngồi cao 1m, đầu đội trần nhà cửu phẩm. Như vậy toà cửu phẩm có tất cả 145 pho tượng. Toàn bộ kết cấu đặt trên một trụ gỗ lim lớn, có ngỗng đá và ô bi. Vào ngày lễ Phật, với 2 người đẩy, toà tháp có thể quay nhẹ nhàng. Đây là toà tháp đặc sắc nhất của chùa Giám, mang nghệ thuật kiến trúc cuối thế kỷ XVII. Ngoài ra chùa có hơn 100 pho tượng cổ, 2 chuông lớn đúc năm Cảnh Hưng 13 (1765) và Thiệu Trị 8 (1848), 15 bia đá có niên đại thế kỷ XVII – XIX. Trong số tượng cổ có pho tượng đại danh y Tuệ Tĩnh. Ông vốn người cùng huyện và là người có công xây dựng ngôi chùa, được nhân dân tôn là thánh sư Nam dược.

Hằng năm, chùa mở hội lớn từ 13 - 15 tháng Hai. Ngày 13, rước tượng Tuệ Tĩnh từ chùa về nghè, đặt tại gian giữa. Lễ rước trình trọng theo nghi thức cổ truyền. Ngày 14 là ngày lễ chính. Dân các nơi đến dự hội suốt 3 ngày có tới hàng vạn lượt người. Hàng quán chật kín hai bên đường trục của xã. Trên sân hội trường và sân chùa, các trò vui dân gian diễn ra suốt 3 ngày đêm. Chùa Giám đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá quốc gia năm 1974. Chùa Giám, Đền Bia, đã kết hợp với Văn Miếu Mao Điền tạo nên những giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hóa cho huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nói riêng và cho Việt Nam nói chung.

Đền Bia

Ngôi đền ở thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, thờ đại danh y Tuệ Tĩnh. Trong đền có tấm bi ghi tiểu sử ông. Đền được xây dựng theo kiểu tiền — (Nhát), hậu 丁 (Đinh), kiến trúc thời Nguyễn, được trùng tu năm 1993. Chùa và đền đã được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia năm 1994.

Tuệ Tĩnh sinh năm 1330, tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, quê ở bản thôn. Ông mồ côi cha mẹ từ lúc 6 tuổi, phải sống ở trong chùa. Năm 22 tuổi, ông đỗ

Thái học sinh thời Trần Dụ Tông. Nhưng ông không làm quan mà quyết định đi tu, lấy pháp hiệu là Tuệ Tĩnh. Ông được xem là ông tổ của ngành dược ở Việt Nam. Ông đã tổng hợp y dược dân tộc cổ truyền trong bộ sách giá trị là bộ Nam dược thần hiệu chia làm 10 khoa. Đặc biệt, ông có bộ Hồng Nghĩa tư giác y thư (2 quyển) biên soạn bằng quốc âm, trong đó có bản thảo 500 vị thuốc nam, viết bằng thơ Đường luật (nôm), và bài Phú thuốc Nam 630 vị cũng dùng quốc ngữ.

Năm 55 tuổi, ông bị đưa đi cống Trung Quốc, ở Giang Nam làm thuốc rồi mất ở đây. Tương truyền, mặt sau trên bia mộ Tuệ Tĩnh có dòng chữ “Về sau có ai bên nước sang, nhớ cho hài cốt tôi về với”. Tiến sĩ Nguyễn Danh Nho trong một lần đi sứ Trung Quốc, đọc được dòng chữ này, vô cùng xúc động, nên cho dập mẫu bia mang về nước, thuê thợ làm lại và chở về quê ông lập miếu thờ. Sau xây dựng thành đền, gọi là đền Bia.

***Đánh Giá các di tích lịch sử: Văn Miếu Mao Điền, Chùa Giám, Đền Bia**

Văn Miếu Mao Điền, Chùa Giám, Đền Bia là những di tích lịch sử tiêu biểu của huyện Cẩm Giàng. Huyện Cẩm Giàng là một huyện được đánh giá là một huyện có rất nhiều di tích được xếp hạng quốc gia (161 di tích trong đó có 16 di tích xếp hạng quốc gia). Với một vị trí rất thuận lợi cách thành phố Hải Dương khoảng 16km cách thành phố Hải Phòng khoảng 30km và nằm trên tuyến quốc lộ 5A đây là điều kiện thuận lợi cho du lịch Cẩm Giàng nói riêng và du lịch Hải Dương nói chung. Khu Văn Miếu Mao Điền có lịch sử hình thành và phát triển gần 300 năm, có giá trị hấp dẫn, độc đáo (kết cấu kiểu chông diềm, tám mái, tảng cổ bông kẻ bẩy chạm hoa lá, nét chạm nông thoáng nhưng sắc sảo, chuẩn mực). Chùa Giám là ngôi chùa có quy mô kiến trúc to đẹp, mang đậm dấu tích nghệ thuật thế kỷ XVII. Các vì chạm hoa lá giản dị, các bức cốn và cửa võng với bức chạm quần long, bành bong tinh xảo. Đền Bia mang đậm kiến trúc thời Nguyễn. Việc tổ chức tôn tạo, bảo vệ khai thác ở các điểm này được tiến hành tốt, đúng nguyên tắc. Môi trường tự nhiên nhân văn có chất lượng tốt không bị xâm hại. Tuy nhiên ở các điểm này

có phong cảnh đơn điệu, kém hấp dẫn, nội thất các hạng mục công trình được giữ gìn, tôn tạo, bảo vệ kém nhiều hạng mục công trình đã bị xuống cấp tuy nhiên tu bổ lại không giữ nguyên được giá trị công trình. Việc nghiên cứu tuyên truyền quảng bá được tiến hành còn chưa có hiệu quả. Công tác quản lý và giới thiệu tại điểm còn kém. Chỉ ở Văn Miếu Mao Điền có hướng dẫn viên điểm. Ngoài những ngày hội lớn thì những ngày thường không thu hút được khách đến thăm di tích còn bị lãng quên. Hy vọng trong thời gian tới phòng văn hóa huyện Cẩm Giàng và Sở Văn Hóa Thể Thao Du Lịch Hải Dương có sự phối, kết hợp quản lý tu bổ và khai thác các di tích trên địa bàn một cách có hiệu quả. Nhằm gìn giữ, phát huy các giá trị đặc sắc của di tích phục vụ tốt nhu cầu thăm quan nghiên cứu, tìm hiểu của du khách. Để du lịch Cẩm Giàng, Hải Dương có được ấn tượng đối với du khách.

Cụm đình đền thờ Khúc Thừa Dụ Thôn Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Họ Khúc là một họ lớn lâu đời ở Hồng Châu. Khúc Thừa Dụ tính khoan hòa, hay thương người, được dân chúng suy tôn. Gặp thời buổi loạn lạc, nhân danh là hào trưởng một xứ, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ... Sau khi đã nắm được quyền lực thực tế trên đất Tĩnh Hải quân, ông đã cho xây dựng chính quyền dựa trên danh xưng của chính quyền đô hộ nhà Đường, nhưng thực chất là một chính quyền độc lập và do người Việt quản lý. Ông khéo léo dùng danh nghĩa "xin mệnh nhà Đường" buộc triều đình nhà Đường phải công nhận chính quyền của ông. Ngày 7 tháng 2 năm 906, vua Đường phong thêm cho Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ Khúc Thừa Dụ tước "Đồng bình chương sự". Sau đó, Khúc Thừa Dụ tự lấy quyền mình, phong cho con là Khúc Hạo chức vụ "Tĩnh Hải hành quân tư mã quyền tri lưu hậu", tức là chức vụ chỉ huy quân đội và sẽ kế vị quyền Tiết độ sứ. Ngày 23 tháng 7 năm 907, Khúc Thừa Dụ mất. Con ông là Khúc Hạo lên kế vị. Dù ông không xưng vương xưng đế, nhưng đời sau nhớ ơn và gọi ông là Khúc Tiên chủ. Sau đó ông mất thì con trai là Khúc Thừa Mỹ lên kế ngôi vị.

Công lao sự nghiệp Khúc Thừa Dụ được xem là người mở đầu cho chính sách ngoại giao khôn khéo của người Việt đối với triều đình phương Bắc: "độc lập thật sự, thần thuộc trên danh nghĩa". Tuy còn chính quyền vẫn còn mang danh hiệu của nhà Đường, nhưng về thực chất, Khúc Thừa Dụ đã xây dựng một chính quyền tự chủ, về cơ bản kết thúc ách thống trị hơn 1.000 của phong kiến phương Bắc. Lịch sử ghi nhận công lao của ông như là người đầu tiên đặt cơ sở cho nền độc lập dân tộc.

Đền thờ Khúc Thừa Dụ khánh thành ngày 11 - 9 - 2009 Đền thờ thờ 3 pho tượng : Khúc Thừa Dụ - Khúc Thừa Hạo - Khúc Thừa Mỹ. Công trình có tổng diện tích hơn 57.000m², gồm 5 hạng mục chính, được khởi công xây dựng năm 2005, với tổng vốn đầu tư 38 tỷ đồng. 3 loại vật liệu quý để làm đền thờ là đá xanh, gỗ lim và đồng.

Đền thờ Anh hùng Dân tộc Khúc Thừa Dụ nằm giáp đê sông Luộc, mặt đền quay theo hướng Nam. Từ ngoài vào trong đền qua chiếc cầu đá, đến sân hội, với hai bức phù điêu ghép bằng các tảng đá lớn. Các họa tiết được chạm khắc công phu, mô tả quang cảnh nhân dân tụ nghĩa theo Tiên Chúa Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ và cuộc sống thái bình, an cư lạc nghiệp.

Đây là một công trình có ý nghĩa lịch sử, văn hóa và du lịch to lớn, nhằm tôn vinh người Anh hùng dân tộc có công đặt nền móng cho nền độc lập, tự chủ của Việt Nam sau 1.000 năm chịu ách thống trị của phong kiến phương Bắc, là một biểu tượng đẹp về truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hải Dương.

Cùng với những di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng trong tỉnh như Côn Sơn-Kiếp Bạc, Văn miếu Mao Điền, Đền thờ Nhà giáo Chu Văn An, Đền thờ Khúc Thừa Dụ sẽ là một địa chỉ thu hút khách tham quan, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ, nhất là thế hệ trẻ.

Đền Tranh Đền Tranh hay còn gọi là **đền Quan Lớn Tuần Tranh** nằm ở gần bến đò Tranh, thuộc xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, thờ vị thần sông nước coi khúc sông. Công trình hiện nay khá hoành

tráng với kinh phí xây dựng do nhân dân công đức. Đền Tranh là nơi tập trung và phong phú nhất về tín ngưỡng dân gian mà điển hình là nhân vật huyền thoại Quan Lớn Tuần Tranh. Một công trình làm nổi bật diện mạo thị trấn Ninh Giang.

Truyền thuyết về đền Tranh. Có tích kể rằng: “Tương truyền, Quan lớn Tuần Tranh là viên quan phủ Ninh Giang. Ngày xưa, tại bến sông Tranh, có hai con rắn dữ thường nổi lên quấy phá. Một hôm, chúng bắt đi nàng hầu xinh đẹp của quan. Vị quan này khởi kiện Diêm Vương. Rắn bị xử thua phải mang cả dòng họ dời đi nơi khác. Từ đó bến sông sóng yên nước lặng, nhân dân nhớ ơn vị quan phủ mà lập đền thờ, tôn là vị thần bảo vệ khúc sông”. hay nhân dân trong vùng còn lưu truyền nhau câu chuyện cổ tích “Ông Dài, Ông Cụt”. Ngày xưa, có hai vợ chồng già làm ruộng một hôm đi ra ngoài đồng, thấy hai quả trứng lạ, nhặt đem về nhà. Được ít lâu, hai quả trứng nở ra hai con rắn rất khôn, hai vợ chồng đi đâu chúng nó thường bò theo. Hai người không con nên cứ nuôi chúng nó, xem như là con, thường ngày cho ăn uống tử tế. Một hôm, người chồng cuốc vườn, vô ý cuốc đứt một khúc đuôi của một con. Sau đó, vợ chồng mới gọi hai con rắn đặt tên cho là con Dài, con Cụt. Hai con rắn lớn lên, ăn rất tợn, nhà nghèo không đủ nuôi, chúng nó thường đi bắt gà, chó của hàng xóm mà ăn. Hai vợ chồng không nuôi nổi, mới đem thả xuống sông Tranh, bây giờ thuộc Hải Dương. Hai anh em rắn Dài và Cụt được Thủy Vương nhận làm bộ hạ và cho cai quản cả một vùng sông rộng. Rắn Cụt tính khí dữ tợn hơn rắn Dài, hoành hành khắp vùng, làm cho dân chúng phải kiêng sợ gọi tên là ông Dài và ông Cụt. Có khi chúng bắt cả người, còn cướp súc vật là chuyện thường xảy ra. Ghe thuyền qua lại trên khúc sông, thường bị ông Cụt nổi sóng dữ tợn làm cho đắm. Cha mẹ nuôi ông Dài, ông Cụt thỉnh thoảng lại phải ra bờ sông van lơn xin con nuôi đừng làm hại người ta. Chúng cũng nghe theo được ít lâu, rồi lại đâu vẫn hoàn đấy. Vì gây quá nhiều tội ác nên 2 con rắn đã bị đày đến ở sông Kỳ Cùng, thuộc về Lạng Sơn ngày nay. Ngày ông Cụt bị giáng chức đi đày, các loài thủy tộc đi

theo tiền chân đầy cả một khúc sông. Được biết hiện nay gần cầu Kỳ Lừa trên bờ sông Kỳ Cùng có ngôi đền thờ “ Thần sông nước” bị đuổi từ huyện Vĩnh Lại đất Hồng Châu lên, được nhiều người đến bái và cầu tài cầu lộc.

Đền hiện nay có 11 ban thờ:

- 1- Ban thờ Phật
- 2- Ban thờ Thánh mẫu
- 3- Ban thờ Ngọc hoàng Thượng đế
- 4- Ban thờ Ngũ vị tôn ông
- 5- Ban thờ Tứ phủ châu bà (Thiên phủ, Địa phủ, Thủy phủ, Nhạc phủ)
- 6- Ban thờ Quan lớn Tuần Tranh
- 7- Ban thờ Sơn trang.
- 8- Ban thờ Động chúa sơn lâm
- 9- Ban thờ Thành hoàng: Quý Minh và Vũ Đô Mạnh
- 10- Ban thờ Mẫu địa
- 11- Ban thờ Đức thánh Trần

***Đánh giá Cum đình đền Khúc Thừa Du, Đền Tranh.**

Cách thành phố Hải Dương 30 km về phía nam thị trấn Ninh Giang được gọi là “Thị Trấn ngã ba sông” bởi nơi đó là nơi tiếp giáp của 3 tỉnh Hải Dương – Hải Phòng – Thái Bình (một con gà gáy 3 tỉnh cùng nghe). Theo một số tài liệu đáng tin cậy thì Ninh Giang trước kia gọi là Phủ có thành đất bao quanh, đó là thành Đô Dương , thành có hình tứ diện, phía nam giáp sông Luộc, còn 3 mặt kia có hào sâu bao bọc xung quanh, thời Pháp thuộc Ninh Giang là một thị xã sầm uất. Có sự xâm nhập của phương tây khá sớm. Ninh Giang sớm hình thành các phố, phường, hội, buôn bán và các dịch vụ ăn chơi xã xỉ khác. Các phố chính như phố Bờ Sông, có tên tây là Mazchloch, phố Giữa, phố Ninh Lãng, phố Cô Đầu... chính vì thế mà Ninh Giang trở thành đầu mối buôn bán sản phẩm nông nghiệp chính trong vùng như: lúa gạo, rau quả và thực phẩm. Ninh Giang đồng thời cũng là một trung tâm văn hóa đại diện cho cả vùng thuộc đôi bờ sông Luộc sớm hình thành các rạp hát các hý

viện... đặc biệt nơi đây còn có phong trào “Cần Vương” đánh pháp. Trải qua nhiều biến cố lịch sử, nơi đây còn lưu giữ được nhiều di tích lịch sử như: Đền Tranh với lễ hội đặc sắc vào tháng 2 thu hút nhiều du khách thập phương, nhà thờ thiên chú giáo, nhà thờ đạo tin lành, chùa chiền đền miếu, lăng tẩm, mộ cổ... cho đến nay nhiều di tích còn lưu giữ và được trùng tu hoặc xây mới đã và đang là điểm đến của du khách. Hiện nay Ninh Giang hệ thống đường giao thông đã được trải nhựa và được nâng cấp, giao thông thuận tiện. Tốc độ giao lưu tăng lên, khu phố, dân cư được mở rộng, có hệ phố dành cho người đi bộ, nhiều công trình cao tầng đã được mọc lên, dịch vụ tăng nhanh. Các mặt nổi trội của Ninh Giang đó là giao thông và bưu điện phát triển cơ bản đã hòa nhập với sự phát triển của các vùng miền lân cận. Với vị thế ngã ba sông của mình thì Ninh Giang sẽ đạt được những điều đang dự cảm cho một tương lai.

Không nổi tiếng về du lịch nhưng Ninh Giang cũng có một vài đền chùa mang đậm dấu ấn lịch sử như: Đền Quan Lớn Tuần Tranh (Đền Tranh) là một trong những ngôi đền lớn và nổi tiếng ở Ninh Giang, cụm Đình Đền thờ Khúc Thừa Dụ, Đình Lăng Xuyên Hử, Đền La Khê... tạo một tổng thể các di tích lịch sử khá quan trọng của nhân dân huyện Ninh Giang nói riêng và nhân dân tỉnh Hải Dương nói chung và hiện nay bước đầu đã dần dần được đưa vào khai thác cho phát du lịch kết hợp với một số điểm du lịch khác trong tỉnh.

Đền Tranh: Đây là một ngôi đền lớn mang tín ngưỡng của đạo mẫu, là nơi tập trung và phong phú nhất về tín ngưỡng dân gian, thờ nhân vật mang tính huyền thoại theo tín ngưỡng dân gian, thờ vị thần coi khúc sông. Đền Tranh một năm có 3 mùa lễ hội, mang quy mô rộng lớn, thu hút khách nhiều tỉnh phía Bắc, là một trong những hội lớn của Hải Dương, có sức hấp dẫn lạ thường, đặc biệt đối với các bà các cô ở các thành phố bởi thế khách rất đông và lộng lẫy. Ngày hội thường kéo dài tới 7 ngày đây là điều kiện quan trọng để phát triển và khai thác du lịch vào đây. Chúng ta biết rằng một ngôi đền mới được khôi phục và chưa được xếp hạng mà thu ngót một tỷ đồng công đức thì quả là một vấn đề cần quan tâm.

Cụm đình Đền thờ Khúc Thừa Dụ: đây là một công trình văn hóa lịch sử lớn bên bờ sông Luộc là hành động tôn vinh người có công với đất nước hơn nghìn năm trước. Đây là một ngôi đền lớn mang nét cổ xưa, sân thềm lát đá xanh, hai bức phù điêu hoành tráng. Rồi sân hành lễ, giếng mắt rồng với quy mô xây dựng thành quần thể “Đền nước – Đình Làng”... đây là một địa chỉ du lịch văn hóa hấp dẫn bên cạnh Đền Tranh trên đất Ninh Giang.

Đền Thờ Chu Văn An

Trên núi Phượng Hoàng (Chí Linh), thờ người thầy giáo mẫu mực muôn đời - nơi đó một thắng cảnh hùng vĩ, nhưng tĩnh lặng, đắm chất thơ, văn và tâm đức sáng ngời của một nhân tài. Nơi đó có rừng thông, bạch đàn bạt ngàn xanh thẫm, suối nước trong rì rào, đá núi lô xô, chùa tháp cổ kính, với 72 ngọn... Đúng là một vùng núi non hiểm trở, một quần thể di tích đầy linh thiêng và nhân văn của đạo lý và nghiệp làm thầy. Đó lại là nơi tĩnh dưỡng tinh thần của danh nhân từ thời Lý - Trần như Côn Sơn, Kiếp Bạc, Thanh Mai, Trần Xá Loan, Lục Đầu Giang... Đây là những di tích gắn liền với cuộc đời các danh nhân: Trần Hưng Đạo, Trần Nguyên Đán, Trần Khánh Dư, Trần Quốc Chẩn, Pháp Loa, Huyền Quang... Trần Nguyên Đán là người nhiều lần đến thăm các di tích của Phụng Hoàng và có nhiều bài thơ về danh thắng này như: Đề Huyền Thiên Tử cực cung, Chí Linh Sơn, Phụng Hoàng Phong.

Đền thờ Chu Văn An đang được xây dựng đúng tầm vóc, thân thể sự nghiệp của một nhà giáo mẫu mực của muôn đời, người đã làm rạng rỡ nền giáo dục nước ta hơn 600 năm qua. Vì vậy, việc quảng bá di tích phục vụ cho du lịch và ý nghĩa tâm linh là rất cần thiết, song việc quan trọng và sâu sắc hơn đó là việc khơi dậy truyền thống giáo dục, đạo học, đạo làm thầy của tổ tiên ta, tiếp tục chấn hưng nền giáo dục của quê hương, đất nước. Chúng ta, đến dâng hương tại đền, là tự tâm đến với thầy vì lòng kính trọng, tôn thờ thầy về tâm đức, đạo làm thầy, người đã đắp nền móng cho nền giáo dục nước ta bằng tâm đức và chính cuộc đời của mình, thật là vĩ đại. Người làm sáng ngời về đạo học, đạo làm thầy và đã làm vẻ vang cho nền giáo dục của nước nhà, là tấm gương để chúng ta soi chung.

Ai đó đến đây xin thầy tiền bạc, cầu khẩn giàu sang, đòi hỏi nhiều thứ cùng danh lợi để tiến thân... hãy nhìn vào ánh mắt dịu hiền và nghiêm khắc của thầy thì biết mình là ai và mình phải làm gì để sống cho có ý nghĩa.

Di tích lịch sử- Danh thắng Côn Sơn miền đất từng là nơi người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi quy ẩn.

“Côn Sơn suối chảy rì rầm.

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.

Côn Sơn có đá rêu phơi.

Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm”,

Nằm giữa hai dãy núi Phượng Hoàng và Kỳ Lân, Côn Sơn (thuộc xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) là một quần thể núi non, rừng thông, khe suối, chùa tháp cổ kính, nên thơ.

Điểm dừng chân đầu tiên là chùa Côn Sơn hay còn gọi là chùa Hun, tọa lạc ngay dưới chân núi. Chùa được xây dựng từ trước đời Trần nguy nga đồ sộ, trải bao biến thiên của lịch sử, nay chỉ còn là một nếp chùa nhỏ ẩn mình dưới tán rừng xanh biếc. Dân gian có câu:

“Côn Sơn, Yên Tử, Quỳnh Lâm.

Ai chưa tới đó, thiền tâm chưa đành”.

Ngay từ thời Trần, chùa Côn Sơn là một trong ba trung tâm của thiền phái Trúc Lâm (Côn Sơn - Yên Tử - Quỳnh Lâm).

Du khách không khỏi tò mò với truyền thuyết về “*Bàn cờ tiên*” trên đỉnh Côn Sơn, một di tích gắn với truyền thuyết có từ lâu đời.

Tương truyền đây là nơi hội quần tiên xuống chơi cờ, múa hát. Ngày nay, bàn cờ tiên là một khu đất bằng phẳng đẹp đẽ. Từ chùa Côn Sơn leo lên khoảng 600 bậc đá là lên tới nơi. Từ đây phóng tầm mắt ra xa, khung cảnh núi non hùng vĩ “*như tranh họa đồ*”.

Đặc trưng của núi Côn Sơn là được bao phủ bằng rừng thông bạt ngàn. Những cây thông lớn, cao vút, lá vi vu reo trong gió. Mùi nhựa thông dịu dịu lan tỏa khắp không gian. Đến thăm Côn Sơn, không mấy ai lại không muốn

được vào chiêm bái đền thờ Nguyễn Trãi. Đền tọa lạc dưới chân núi Phụng Hoàng, nằm giữa bốn bề núi non hùng vĩ, hoa cỏ hữu tình.

Được nghiêng mình kính cẩn trước người anh hùng dân tộc, nghe văng bèn tai triết lý xưa: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân...”, lòng ta không khỏi bồi hồi xúc động.

Theo lối mòn từ đền Nguyễn Trãi đi lên là đền Trần Nguyên Đán và Thạch Bàn - tương truyền khi xưa Nguyễn Trãi lấy làm "*chiếu thăm*" nghỉ ngơi, ngắm cảnh, làm thơ và mưu việc nước. Nơi đây còn lưu giữ lại những vết tích nền nhà Nguyễn Trãi xưa kia.

Đây không chỉ là một "*danh lam nơi đất Bắc, tiêu biểu của trời Nam*" mà còn lưu giữ được những dấu tích lịch sử vô cùng quý giá.

Đến với di tích lịch sử Côn Sơn là hướng lòng về sự thanh trong, cao thượng, trọng đức, dụng tài; hướng về lòng vị tha cội nguồn, ôn lại truyền thống anh hùng của dân tộc và tìm hiểu, học tập về đạo đức, công lao, sự nghiệp, nhân cách của các bậc danh nhân, các anh hùng và thấp hương tưởng nhớ các vị tiền nhân vĩ đại - nơi ấy, sử tích còn ghi đầy những vinh quang chói sáng mãi mãi muôn đời như "Sao Khuê" và cũng có đấng cay, đầy oan nghiệt đến tận cùng. Chùa Côn Sơn tên chữ là "Thiên Tư Phúc Tự", nghĩa là chùa được trời ban cho phước lành. Chùa kiến trúc theo kiểu chữ công, gồm Tiền đường, Thiêu lương, Thượng điện là nơi thờ Phật, trong đó có những tượng Phật từ thời Lê cao tới 3 mét. Tiếp đến nhà Tổ là nơi thờ các vị tổ có công tu nghiệp đối với chùa, đặc biệt có tượng của ba vị tổ Thiền phái Trúc Lâm: Điều ngự Trúc Lâm Trần Nhân Tông, Thiền sư Pháp Loa và Thiền sư Huyền Quang. Đường vào Tam quan lát gạch, chạy dài dưới hàng thông trăm năm phong trần xen lẫn những tán vải thiều xum xuê xanh thắm. Tam quan được tôn tạo năm 1995, kiểu cổ, có 2 tầng 8 mái với các họa tiết hoa lá, mây tản cách điệu của nền nghệ thuật kiến trúc thời Lê. Sân chùa có 4 nhà bia, đặc biệt là bia "Thanh Hư Động" tạo từ thời Long Khánh (1373 - 1377) với nét chữ của vua Trần Duệ Tông và bia hình lục lăng "Côn Sơn Thiên tư bi

Phúc tự" đã được Bác Hồ đọc khi Người về thăm di tích (15-2-1965) Sau chùa có hồ non bộ, Giếng Ngọc (mắt Kỳ Lân) nước trong vắt không lúc nào voi. Chùa nằm dưới chân núi Côn Sơn. Núi có hình giống một con sư tử khổng lồ quay đầu trông về Đông bắc như đang canh giữ cho sự yên lành, u tịch của chốn thiền lâm. Tương truyền nơi đây là nơi hun gỗ làm than và đã từng diễn ra trận hoả công hun giặc, dẹp loạn 12 sứ quân của Đinh Bộ Lĩnh ở thế kỷ X. Côn Sơn vốn được coi là nơi "Tôn quý của đất trời", có địa linh nhân kiệt nên sớm trở thành nơi hội tụ danh nhân của mọi thời đại và có những người đã đi vào lịch sử Côn Sơn.

Thiền sư Huyền Quang (1254 -1334) vị tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm - một thiền phái mang màu sắc dân tộc Việt Nam đã về tu ở chùa Côn Sơn. Tại Côn Sơn Huyền Quang cho lập đài Cửu phẩm liên hoa, biên tập kinh sách, làm giảng chủ thuyết pháp phát triển đạo phái không ngừng. Ngày 22 tháng giêng năm Giáp Tuất (1334) Thiền sư Huyền Quang viên tịch tại Côn Sơn. Vua Trần Minh Tông đã cấp cho ruộng để thờ và cho xây tháp tổ sau chùa, đặc phong Tự Tháp "Huyền Quang tôn giả".

Ngày nay Côn Sơn mang nặng tính du lịch và tín ngưỡng cả hội xuân và hội thu. Với đường xá thuận tiện, núi non hùng vĩ, những rừng thông bạt ngàn, nhiều loại cây ăn trái, khoe muôn sắc màu với thời gian và không gian cùng với nhiều huyền thoại để các nhà thơ, nhà văn, các nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu, viết, khám phá và phỏng đoán những điều khó tin nhưng vẫn được dân gian truyền lại.

Chùa Côn Sơn xưa nay là danh lam cổ tích của đất nước, hiện còn nhiều dấu tích và cổ vật có giá trị. Một năm Côn Sơn có hai mùa hội. Hội mùa xuân bắt nguồn từ kỷ niệm ngày mất của Trúc Lâm đệ tam tổ Huyền Quang (22/1). Hội mùa thu bắt nguồn từ kỷ niệm ngày mất của Nguyễn Trãi (16/8). Hội mùa xuân có từ sau khi Huyền Quang qua đời (1334). Hội mùa thu hình thành từ năm 1962, thực sự trở thành hội lớn từ năm 1980, khi Nguyễn Trãi được tôn vinh là DANH NHÂN VĂN HOÁ thế giới

Đền nay chưa phát hiện tài liệu nói về quy mô hội thờ Trần. Từ thời Lê đến trước năm 1945, hội xuân không lớn nhưng giữ vai trò quan trọng của Phật giáo Việt Nam, được ghi nhận trong Đại Nam nhất thống chí. Hội không chỉ của tín đồ Phật giáo, mà còn là dịp du xuân của thanh thiếu niên. Hội bắt đầu vào rằm tháng Giêng.

Hội xuân, hay hội thu Côn Sơn ngày nay, không chỉ thuần túy mang tinh chất tôn giáo và dân gian mà nó là ngày hội của mọi tầng lớp nhân dân, đủ các lứa tuổi. Hội thu Côn sơn trùng với hội Kiếp Bạc, nên lâu nay người ta thường gọi bằng tên ghép hội Côn Sơn - Kiếp Bạc. Phần lớn khách đến hội Kiếp Bạc có sang Côn Sơn, ngược lại, khách đến hội thu Côn sơn đều sang hội Kiếp Bạc. Hàng triệu du khách đã đến đền Kiếp Bạc và di tích Côn Sơn.

Khu di tích lịch sử - văn hóa Đền Kiếp Bạc.

Đền Kiếp Bạc thuộc địa phận xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, là nơi thờ phụng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, nay là Khu di tích lịch sử - văn hóa Kiếp Bạc.

Kiếp Bạc là vùng bán sơn địa ở tả ngạn Sông Thương. Kiếp Bạc là tên ghép của hai vùng Vạn Yên (làng Kiếp) và Dục Sơn (làng Bạc). Nơi đây là một thung lũng trù phú, xung quanh có dãy núi rồng bao bọc tạo cho Kiếp Bạc một vẻ đẹp vừa kín đáo vừa thơ mộng. Từ Kiếp Bạc có sáu đường sông và đường bộ tiến lui đều thuận lợi: về Thăng Long ra biển, lên bắc, xuống miền đồng bằng. Sông Lục Đầu có thể tập kết được hàng chục vạn quân thủy bộ, hàng nghìn chiến thuyền. Từ đỉnh núi Nam Tào, Bắc Đẩu có thể quan sát một miền rộng lớn, núi sông làng mạc bao la, thuyền bè tấp lập. Vì thế Kiếp Bạc không chỉ là một cảnh quan hùng vĩ mà còn là một vị trí quân sự quan trọng, một vùng đất giàu có của đất nước.

Theo truyền thống, ngày lễ hội đền Kiếp Bạc là một ngày rất thiêng liêng vì từ bao đời nay nhân dân tôn thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn như người cha, và truyền nhau câu ngạn ngữ "Tháng tám giỗ cha" là để chỉ ngày giỗ của ông.

Vào thế kỷ XIII, đây là nơi Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn lập căn cứ, tích trữ lương thực, huấn luyện quân sĩ trong các cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông.

Sau kháng chiến chống quân Nguyên Mông, ông sống những năm tháng thanh bình tại Kiếp Bạc và mất ngày 20 tháng 8 năm 1300. Do có nhiều công hiến cho đất nước, sau khi mất đền thờ ông được xây dựng tại Kiếp Bạc.

Qua nhiều thế kỷ, các công trình kiến trúc ở Kiếp Bạc từ thời Trần và thời Lê đã bị hủy hoại. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khu đền được trùng tu, tôn tạo.

Hàng năm ở đây thường tổ chức lễ hội để dâng hương tưởng niệm vị anh hùng dân tộc, một thiên tài quân sự, nhà tư tưởng - văn hóa lớn tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại văn minh Đại Việt và được dân gian tôn sùng là Đức Thánh Trần.

Kiến trúc: Đền Kiếp Bạc được xây dựng từ năm Canh Tý (1300), là năm Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn qua đời. Cổng đền uy nghi bề thế với bức đại tự trên tam quan “Dĩ thiên vô cực” (Sự nghiệp này còn mãi với trời đất), hàng chữ bên dưới là “Trần Hưng Đạo Vương từ”. Ở 2 bên là 2 câu đối:

*"Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí,
Lục Đầu vô thủy bất thu thanh"*

Dịch:

*"Vạn Kiếp núi lòng hình kiếm dựng,
Lục Đầu vang dậy tiếng quân reo"*

Qua cổng tam quan là vào một sân rộng tục truyền là “Bãi Kiếm”, là nơi xét xử Phạm Nhan, tên tướng giặc có nhiều bùa phép gian ngoa. Hai bên sân là 2 dãy nhà dài, để khách thập phương dừng chân sửa soạn mâm lễ vật.

Sau đó, đi một cửa sẽ tới một khuôn viên nhỏ có hồ, có hoa và hòn non bộ, ở giữa đặt một bàn thờ nhỏ. Tiếp đến là 2 gian nhà đại bái lớn và hậu cung nằm liền nhau.

Nhà đại bái phía trong ở giữa đặt bàn thờ lớn, 2 bên là 4 ngai thờ 4 người con trai của Trần Quốc Tuấn là Trần Quốc Hiếu (Hiện), Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng, Trần Quốc Uy (Uất).

Bên trong hậu cung có 3 toà điện: toà điện ngoài cùng thờ Phạm Ngũ Lão, toà điện thứ hai thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, toà điện trong cùng thờ phu nhân Trần Quốc Tuấn là công chúa Thiên Thành và hai con gái được gọi là Nhị vị Vương cô.

Trong đền hiện còn 7 pho tượng bằng đồng: Tượng Trần Quốc Tuấn, phu nhân, 2 con gái, con rể là Phạm Ngũ Lão, Nam Tào, Bắc Đẩu và 4 bài vị thờ các con trai của ông cùng 2 gia tướng là Yết Kiêu và Dã Tượng. Toàn bộ khu đền dựa lưng vào dãy núi Dục Sơn.

*** Đánh Giá cụm di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc.**

Với một vị trí thuận lợi: cách thành phố Hải Dương 30km, cách Hà Nội 70km trên trục đường giao thông 18A (Bắc Ninh – Hạ Long) do vậy rất thuận tiện cho việc đi lại tham quan của du khách. Bên cạnh đó cụm di tích này có lịch sử hình thành và phát triển trên 700 năm với các giá trị còn được bảo tồn gần như nguyên vẹn. Nơi đây có phong cảnh đẹp quy mô lớn kết hợp nhiều tài nguyên có giá trị hấp dẫn, rất phù hợp với việc phát triển du lịch sinh thái nhân văn. Nội thất các hạng mục công trình được giữ gìn, tôn tạo, bảo vệ khá tốt. Nơi đây có giá trị kiến trúc độc đáo: những mảng kiến trúc theo mô tuýp thời Trần: mái ngói, hình rồng lượn... việc tổ chức tôn tạo bảo vệ khai thác được tiến hành tốt đúng nguyên tắc. Gắn liền với các giá trị văn hóa đặc sắc (tôn vinh Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, là chốn phật tử, nơi diễn ra lễ hội lớn). Nhìn chung việc nghiên cứu, tuyên truyền quảng bá được tiến hành tốt. Di tích đã được xếp loại quốc gia. Theo số điểm được đánh giá nhận xét thì cụm di tích này đạt tổng số điểm là 95 điểm là di tích được xếp loại tốt. Qua những đặc điểm trên của cụm di tích ta thấy cả 2 di tích Côn Sơn và Kiếp Bạc xét về mặt giá trị là rất hấp dẫn. Bên cạnh đó Côn Sơn - Kiếp Bạc còn là điểm du lịch có quy mô lớn có thể đón tiếp được số lượng khách lớn. Hệ thống cơ

sở vật chất kỹ thuật được đảm bảo tốt càng làm tăng sức hấp dẫn cho hai di tích này.

Chùa Thanh Mai thuộc xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chùa xây dựng trên sườn núi Phật Tích, nay gọi là núi Tam Bảo. Trước chùa là núi Bái Vọng, nơi có phần mộ cụ Nguyễn Phi Khanh, thân phụ của anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi. Chùa xây dựng từ thế kỷ 13. Đây là một trong những trung tâm của Phật giáo Việt Nam, nơi trụ trì của Pháp Loa tôn giả - vị tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Trải qua năm tháng mưa nắng, chiến tranh, chùa cổ đã sụp đổ. Các cổ vật bị mất và hư hại gần hết, chỉ còn lại Viên Thông Bảo Tháp xây dựng năm 1334 và 7 ngôi tháp mộ nhà sư, trong đó có tháp Phổ Quang xây dựng năm Chính Hoà 23 (1702), tháp Linh Quang xây dựng năm Chính Hoà 24 (1703). Hiện nay chùa đang được khôi phục từng phần trên nền móng của một số công trình lớn gồm: Tiền đường 7 gian, tam bảo 5 gian, 2 dãy hành lang, nhà tổ, nhà tăng.

Ngày mất của Pháp Loa trở thành hội chùa Thanh Mai. Hội bắt đầu từ mồng một đến mồng ba tháng ba (âm lịch). Lễ hội hàng năm được nhân dân tổ chức trọng thể với nhiều nghi lễ như giảng kinh, chay đàn, mộc dục... Chùa Thanh Mai cùng với Côn Sơn, Yên Tử là những trung tâm của Thiền phái Trúc Lâm phát triển rực rỡ của dòng Phật giáo thời Trần. Chùa hiện còn giữ được một hệ thống các công trình kiến trúc độc đáo như hệ thống tháp, bia ký có giá trị.

Đền Sượt

Đền Sượt còn có các tên gọi khác nhau như: Thanh Cương linh từ, Quang Liệt miếu, ở phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Đền đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia năm 1992. Đền thờ Vũ Hựu đại vương, một công thần thời vua Lê Thánh Tông (thế kỷ XV), có công giữ gìn, bảo vệ đất nước. Ông mất ngày 16/ 11 năm Tân Ty 1521, được tôn là Thượng đẳng phúc thần, Minh quốc linh ứng, Hiên Hựu đại vương và Thành hoàng làng. Tương truyền đền được xây dựng

ngay khi ông mất thế kỷ XVI, ngôi đền hiện nay là kết quả đợt trùng tu dưới triều Tự Đức 34 (1881) và Khải Định 9 (1924).

Đền Sượt có diện tích khoảng 1.000m², bố cục kiểu chữ 工.Công, gồm Bái đường, Ống muống và Hậu cung. Bên ngoài là Nghi môn đắp đôi rồng châu mặt nguyệt. Phía trước cổng có 3 chữ Quang Liệt miếu, phía trong cổng là 4 chữ Thanh Cương linh từ. Phía sau là một tắc môn nhằm tạo sự kín đáo cho ngôi đền. Sân đền lát gạch, rợp bóng cây xanh, góc sân có giếng tròn, xây gạch bát giác, tương truyền Vũ Hựu sinh bên giếng này. Trong đền còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị cổ xưa như: ngai thờ, bài vị, 2 câu đối khảm trai, 1 câu đối chữ triện, 1 bộ đòn bát công cùng bát bửu, thanh đao, ngọc phả. Lễ hội đền Sượt mở từ ngày 10-20 tháng Ba âm lịch hàng năm. Trong hội có trò đánh bệt là đặc sắc hơn cả, nhằm diễn tả lại cảnh dân làng Thanh Cương xưa vây bắt hổ dữ.

*** Đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.**

Theo số liệu thống kê của bảo tàng Hải Dương thì đã có 1098 di tích ở Hải Dương được kiểm kê, đăng ký bảo vệ theo quy định của pháp lệnh trong đó có: 289 ngôi đình, 448 ngôi chùa, 76 ngôi đền, 72 miếu, 28 nghè, 50 nhà thờ họ, 98 nhà thờ công giáo, hàng trăm di tích lịch sử cách mạng kháng chiến, 14 di tích khảo cổ học và hàng chục di tích là danh lam thắng cảnh. Hải Dương cũng là tỉnh có số di tích được xếp hạng quốc gia vào hạng nhiều trong cả nước. Tính đến hết năm 2003 Hải Dương có 126 di tích và cụm di tích được xếp hạng quốc gia.

Mật độ di tích nói chung của Hải Dương là 66,6 di tích/100km² mật độ di tích được xếp hạng quốc gia là 7,6 di tích/100km² (cả nước: 2,2 di tích/100km²) là một trong những tỉnh có mật độ di tích dày đặc đã tạo điều kiện thuận lợi để Hải Dương có thể khai thác phát triển du lịch văn hóa.

Các di tích lịch sử văn hóa của Hải Dương phân bố tương đối không đồng đều trên địa bàn toàn tỉnh.

Những huyện có rất nhiều di tích: Nam Sách (130 di tích trong đó có 11 di tích đã xếp hạng quốc gia), Cẩm Giàng (161 di tích, có 16 di tích xếp hạng quốc gia), Thanh Hà (111 di tích trong đó có 12 di tích đã xếp hạng quốc gia), Kim Môn (109 di tích trong đó có 13 di tích đã xếp hạng quốc gia), Bình Giang (125 di tích trong đó có 12 di tích đã xếp hạng quốc gia).

Những huyện có nhiều di tích như Ninh Giang (86 di tích trong đó có 6 di tích đã xếp hạng quốc gia).

Những huyện có số lượng di tích trung bình là: T.P Hải Dương (63 di tích trong đó có 6 di tích đã xếp hạng quốc gia), Gia Lộc (70 di tích trong đó có 18 di tích đã xếp hạng quốc gia), Thanh Miện (79 di tích trong đó có 12 di tích đã xếp hạng quốc gia).

Những huyện có số lượng di tích ít là: Chí Linh (59 di tích trong đó có 9 di tích đã xếp hạng quốc gia), Kim Thành (55 di tích trong đó có 7 di tích đã xếp hạng quốc gia), Tứ Kỳ (50 di tích trong đó có 5 di tích đã xếp hạng quốc gia).

Ở các huyện của hải Dương không có huyện nào có di sản văn hóa thế giới và huyện có di tích đặc biệt quan trọng chỉ có ở Chí Linh, còn lại các huyện khác chỉ có các di tích được xếp hạng.

Di tích lịch sử văn hóa là tài sản văn hóa quý giá của mỗi địa phương, mỗi một đất nước và của cả nhân loại. Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam đồng thời phát huy những giá trị văn hóa cha ông để lại người Hải Dương cũng ý thức trong việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa. Trải qua các cuộc chiến tranh và thiên nhiên tàn phá, phần lớn các di tích đều bị xuống cấp nghiêm trọng. Nhận rõ tầm quan trọng của sự nghiệp bảo tồn di tích, ngay từ năm 1957 tổ chuyên trách bảo tồn, bảo tàng được thành lập. Từ đó đến nay với sự cố gắng của ngành bảo tồn, bảo tàng hàng loạt những di tích đã được trùng tu, tôn tạo. Kết quả từ năm 1998 đến nay chỉ riêng những di tích được xếp hạng quốc gia là 126 di tích thì đã có 46 di tích được bộ văn hóa thông tin và 31 di tích được tỉnh cấp tiền tu bổ, phục hồi, chiếm 61,6% số di tích được xếp hạng trên toàn tỉnh. Nhiều di tích đã

xuống cấp nghiêm trọng và đã được phục hồi như Chùa Thanh Mai, Đền Phụng Hoàng (huyện Chí Linh), Văn Miếu Mao Điền (Cẩm Giàng), Chùa Hào Xá (Thanh Hà)...

Bên cạnh nguồn kinh phí do nhà nước cấp, hàng năm các tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh cũng đóng góp một khoản tiền lớn hàng chục tỷ đồng cho công tác tu bổ, phục hồi di tích. Nhiều di tích được tu bổ phục hồi phần lớn dựa vào kinh phí của nhân dân như Đền Chu Văn An (Chí Linh), Đền Tranh (Ninh Giang)... Hải Dương là tỉnh đã được bộ văn hóa thông tin đánh giá cao về thành tích xã hội hóa trong công tác giữ gìn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa.

Có thể nói, công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở Hải Dương tiến hành khá tốt, góp phần vào việc bảo vệ tài nguyên du lịch. Nhiều di tích sau khi được tu bổ, tôn tạo đã bước đầu phát huy tác dụng, mỗi năm đón hàng vạn lượt khách đến tham quan, chiêm bái như: Côn Sơn, Kiếp Bạc, An Phụ, Văn Miếu Mao Điền...

1.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể.

1.3.2.1. Lễ hội.

Lễ hội là một dạng tài nguyên có giá trị phục vụ du lịch rất lớn. Hiện nay ở Hải Dương vẫn còn bảo lưu được nhiều lễ hội truyền thống (556 lễ hội). Do đó đây là điều kiện thuận lợi để tỉnh phát triển du lịch lễ hội.

Tuy nhiên hoạt động du lịch lễ hội ở đây cũng chưa thực sự thu hút khách du lịch (trừ 2 lễ hội lớn là Côn Sơn - Kiếp Bạc). Trong khi đó ở Hải Dương còn rất nhiều lễ hội đền Quát, lễ hội đền Cao, lễ hội Đình Vạn Niên... ngành du lịch Hải Dương cần phải nghiên cứu, giới thiệu tuyên truyền các lễ hội cho du khách, góp phần phát triển loại hình du lịch lễ hội trên địa bàn tỉnh.

Một số lễ hội tiêu biểu

Lễ hội Côn Sơn

Côn Sơn không chỉ là một di tích và danh thắng thu hút nhiều du khách tới tham quan mà hằng năm ở Côn Sơn còn có mùa lễ hội cúng thu hút hàng vạn du khách từ mọi miền đất nước trở về đây dự hội.

Xuân thu nhị kỳ tại xã Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương diễn ra hai lần lễ hội.

Lần thứ nhất trong năm vào tháng giêng từ ngày 18 đến 22 tại chùa Côn Sơn diễn ra lễ hội tưởng nhớ một trong ba vị Tổ của thiền phái Trúc Lâm là Thiền sư Huyền Quang. Tam vị Tổ của Thiền phái Trúc Lâm gồm: vua Trần Nhân Tông, Huyền Quang và Pháp Loa. Vào thế kỷ 13, sư Huyền Quang đến ở chùa Côn Sơn và lập Cửu Phẩm Liên Hoa. Ngày 23 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1334). Huyền Quang viên tịch tại Côn Sơn. Từ đó đến nay đều đặn năm nào nhân dân dân trong vùng cũng tổ chức lễ hội tưởng nhớ vị thiền sư này.

Lễ hội thứ hai trong năm diễn ra từ ngày 9 đến 13 tháng 8 tưởng nhớ công ơn của Nguyễn Trãi, một nhà quân sự, chính trị thiên tài, một nhà văn hoá lớn của dân tộc Việt Nam thế kỷ XV được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới. Ông đã ở ẩn tại Côn Sơn trong những năm cuối đời.

Và hai lần trong năm, lễ hội tại Côn Sơn đều diễn ra trọng thể. Sau khi phần lễ kết thúc thì các trò vui của phần hội cũng bắt đầu với chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: đấu vật, các trò chơi dân gian...

Hội Côn Sơn ngày nay không chỉ giữ được bản sắc lễ hội truyền thống mà còn phong phú hơn bởi các hoạt động nghệ thuật, thể thao được tổ chức với những tiết mục đặc sắc cho mọi lứa tuổi.

Bên cạnh hội xuân là những hội chợ với nhiều loại hàng hóa, đặc sắc của cư dân địa phương và khắp mọi miền đổ về đây để phục vụ du khách.

Lễ hội Kiếp Bạc

Đền Kiếp Bạc thuộc địa phận hai thôn Dục Sơn và Vạn Kiếp, xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương là nơi thờ phụng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn - vị tướng có công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược ở thế kỷ XIII. Các lễ hội thờ Trần Hưng Đạo còn có ở rất nhiều nơi trên đất nước như hội đền Bảo Lộc (Nam Định), hội Đền Trần Hưng Đạo (Thành phố Hồ Chí Minh), hội đền Yên Cư (Ninh Bình).

Lễ hội kiếp Bạc diễn ra vào mùa thu, thời gian từ ngày 15 - 20 tháng 8 âm lịch và ngày chính hội là ngày 20/8 âm lịch. Lễ hội được tổ chức vào ngày giỗ Trần Hưng Đạo hàng năm.

Lễ hội Kiếp Bạc là một lễ hội văn hóa dân gian được hình thành từ lâu đời. Trong tín ngưỡng nhân dân coi Trần Hưng Đạo không chỉ là người có công chống giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc mà còn là một vị thánh có thể phù hộ cho mọi việc tâm, đức, đặc biệt là phù hộ, che chở cho phụ nữ, trẻ em, có tài trừ ma, chữa được nhiều loại bệnh nhất là bệnh “Hữu sinh vô dưỡng”. Xuất phát từ tín ngưỡng đó, người đến chầu hội Kiếp Bạc đều lấy việc lễ bái làm trọng nên hoạt động lễ hội xưa nặng về cúng tế, phù chú, lên đồng, xin thẻ. Ý nghĩa tôn vinh tài năng và nhân cách người anh hùng như thế giảm sút và không đúng hướng nên ngày nay chỉ tưởng niệm, dâng hương và tế rước.

Trước cách mạng tháng 8, nghi lễ được tiến hành theo quy chế “Quốc lễ” triều đình cử quan về đây dâng hương và tế lễ. Nay do tình đảm nhiệm.

Mở đầu hội Đền Kiếp Bạc là dâng hương và cử hành trịnh trọng. Sau lễ dâng hương và tế lễ: chiêng, trống rền vang, tế xong, kiệu cờ tân lọng và mọi nghi trượng đã chờ sẵn ở sân đền. Ba hồi chiêng trống vừa dứt, đám rước chuyển mình lộng lẫy như một rừng hoa. Chân dung Trần Hưng Đạo trên kiệu là trung tâm, đoàn múa rồng, múa lân lượn lên xuống vòng quanh. Qua tam quan, đám rước rồng tới bờ sông. Người xem vẫn thấy đây như một cuộc hành quân cờ rong, trống mở, của đạo quân hùng mạnh Đại Việt dưới sự chỉ huy của 1 trong 7 vị tướng thiên tài – Trần Hưng Đạo. Kiệu Đức Thánh Trần được rước lên thuyền rồng, cả đoàn lần lượt rời bến, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng loa, tiếng tù và ầm vang trên khúc sông dài. Dân chúng 2 bên bờ hò reo. Cuộc rước thủy binh đến khoảng cuối giờ mùi thì chấm dứt, đoàn thuyền cập bến, đám rước lên bộ đưa chân dung Ngài trở lại đền và dự lễ tạ, đồng thời kết thúc ngày hội lớn.

Trong phần hội đặc sắc nhất là trò thủy chiến thu hút nhiều du khách. Để chuẩn bị cho trò thủy chiến trước ngày hội các chiến thuyền, bè mảng đã

được chuẩn bị sẵn. Trên thuyền có treo đèn, kết hoa, cắm cờ của 2 phe. Thường mỗi bên có 3 bè thể hiện tiền quân, trung quân, hậu quân. Trên mỗi bè có một đội chèo tay và lính thủy chiến, giữa mỗi bè có một vị tướng bằng bù nhìn rơm, trang phục bằng các loại giấy màu lộng lẫy, vũ khí của hai bên thường là dao, kiếm, gươm bằng gỗ, đội quân được ém 2 bên. Khi đã sẵn sàng, nghe pháo lệnh nổ cả 2 bên đều xông ra giáp chiến. Trên bờ tiếng hò reo cổ động, tiếng chiêng trống âm vang. Hai bên xông vào nhau đánh giáp lá cà. Mục tiêu là chém tướng, bên nào cũng phải bảo vệ tướng của mình, đẩy tướng của đối phương xuống sông. Cuộc chiến diễn đến khi cả sáu tướng đều tan tác, các bè mảng trôi rời trên sông thì kết thúc. Khi đó cả 2 đội đều đánh trống thu quân. Trận đánh không phân biệt thắng bại thì cả 2 bên đều có thưởng.

Lễ hội Chùa Giám

Chùa Giám thuộc xã Cẩm Sơn huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Lễ hội này thường được tổ chức từ 13 đến 15-2 hàng năm để tưởng nhớ công đức của vị đại danh y Tuệ Tĩnh. Tương truyền, chùa Giám có từ thời Lý, đến cuối thế kỷ XVII, chùa được tôn tạo với quy mô lớn theo kiểu nội công ngoại quốc. Các công trình bố cục theo một trục dọc, hướng tây, gồm: Tam quan, tiền đường, tam bảo, nhà phật, nhà tổ, hai bên là hành lang. Phía bên trái là nghè Giám. Những công trình này được xây dựng công phu với tư duy nghệ thuật cao. Tuy bị chiến tranh tàn phá nhưng những công trình chính vẫn còn đến nay như: Tiền đường, tam bảo, nhà phật, nghè Giám, do vậy được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử quốc gia từ năm 1974. Chùa Giám, Đền Bia và Đền Xưa là ba di tích quan hệ mật thiết đến cuộc đời và sự nghiệp của Đại danh y Tuệ Tĩnh.

Lễ hội chùa Giám là một hình thức kỷ niệm Đại danh y. Lễ hội chùa Giám trước cách mạng không lớn, chỉ có quy mô làng xã. Chỉ từ khi di tích được xếp hạng và vai trò của Tuệ Tĩnh được đề cao, hội mới lớn dần lên. Năm 2001, được tổ chức với quy mô quốc gia. Hội do Bộ Y tế, Hội Đông y Việt Nam và chính quyền địa phương tổ chức. Tuy hội chỉ diễn ra trong 3 ngày

nhưng công tác chuẩn bị phải làm trước hàng tháng. Ban tổ chức do UBND xã trực tiếp chỉ đạo. Ngày 13-2, rước tượng Tuệ Tĩnh từ chùa về nghè, đặt tại gian giữa. Lễ rước trình trọng theo nghi thức cổ truyền. Dân các nơi đến dự hội suốt 3 ngày có tới hàng vạn lượt người. Hàng quán chật kín hai bên đường trục của xã. Trên sân hội trường và sân chùa, các trò vui dân gian diễn ra suốt 3 ngày đêm. Ngày 14-2 là ngày trọng hội. Buổi sáng tiến hành lễ tế danh y tại nghè. Đội tế gồm 17 cụ có khả năng về tế lễ, có uy tín và ngoại hình tốt. Sau khi tế tất, bắt đầu đến hội rước. Đoàn rước thường rất đông, gồm nhiều đội hình.

Đi đầu là đội múa kỳ lân, làm nhiệm vụ cổ động và dẹp đường.

Thứ hai là đội hình thanh niên đồng phục, cầm vòng hoa, vừa đi vừa múa như trong hội thể thao.

Thứ ba là đội rước hồng kỳ.

Thứ tư là đội trống.

Thứ năm, đội rước ảnh Bác Hồ.

Thứ sáu là đội siêu đao, chấp kích, bát bửu.

Thứ bảy là kiệu thuốc nam.

Thứ tám là đoàn tế nam.

Thứ chín là đoàn tế nữ.

Thứ mười là kiệu rước tượng Tuệ Tĩnh đặt trên đòn bát cống, có lọng che hai bên. Thứ mười một là đoàn tăng ni, Phật tử, trang phục theo nhà Phật.

Tiếp đó là đoàn các già làng và thập phương.

Cuối cùng là dân chúng.

Tại nghè Giám ngày thường cũng như ngày hội đều có phòng khám bệnh và cắt thuốc nam, thuốc bắc.

Lễ hội chùa Giám là sự kết hợp hài hòa giữ yếu tố văn hóa truyền thống và hiện đại một cách hiệu quả. Nó được xem là một niềm tự hào của ngành Văn hoá và nhân dân địa phương.

***Đánh Giá:**

Lễ hội là một dạng tài nguyên có giá trị phục vụ du lịch rất lớn. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Hải Dương vẫn còn bảo lưu được nhiều lễ hội truyền thống (556 lễ hội). Do đó đây là điều kiện thuận lợi để tỉnh phát triển loại hình du lịch lễ hội.

Tuy nhiên hoạt động du lịch lễ hội ở đây cũng chưa thực sự thu hút khách du lịch (trừ hai lễ hội lớn Côn Sơn – Kiếp Bạc). Trong khi đó ở Hải Dương còn rất nhiều lễ hội đặc sắc hấp dẫn nhưng lại chưa được nhiều người biết đến như lễ hội đèn Quát (Gia Lộc), lễ hội Chùa cao (Kính Chủ - Kim Môn), lễ hội đình Vạn Niên... ngành du lịch Hải Dương cần phải nghiên cứu, giới thiệu, tuyên truyền các lễ hội cho du khách, góp phần phát triển loại hình du lịch lễ hội trên địa bàn tỉnh.

1.3.2.2. Nghề và làng nghề thủ công truyền thống.

Hải Dương từ xa xưa đã nổi tiếng với các làng nghề truyền thống gắn với các địa danh như Kim Môn có nghề chạm khắc đá, Ninh Giang với làng nghề làm bánh gai, Hải Dương với làng nghề làm bánh đậu xanh, Đông Giao với làng nghề chạm khắc gỗ, Chu Đậu, Cậy, Quao nổi tiếng với làng nghề gốm sứ... các sản phẩm từ các làng nghề không chỉ được làm để phục vụ đời sống hàng ngày của nhân dân mà dưới bàn tay tài hoa của người thợ Hải Dương nó đã trở thành những sản phẩm mang tính nghệ thuật cao.

Theo thống kê của Sở văn hóa Thông Tin và bảo tàng Hải Dương, tỉnh Hải Dương có 35 nghề và làng nghề cổ truyền được phân bố rộng khắp ở các huyện trong tỉnh.

Các làng nghề truyền thống là những tiềm năng to lớn để khai thác phát triển du lịch, là nơi tạo ra các sản phẩm thủ công độc đáo, mang tính nghệ thuật cao, có sức thu hút lớn đối với khách du lịch đặc biệt là khách quốc tế. Tuy nhiên, ngày nay do có sự thay đổi của cơ chế thị trường, một số nghề thủ công truyền thống đang đứng trước nguy cơ bị mai một dần. Một số nghề hiện nay vẫn đang được duy trì thì hoạt động cầm chừng, không thường xuyên,

những người thợ tay nghề giỏi bị mai một đi, các tầng lớp kế cận không có hoặc tay nghề chưa cao. Thêm vào đó là sự thay thế của các nghề hiện đại thu nhập cao lại thu hút nhiều công nhân hơn, giới trẻ không quan tâm tới các nghề truyền thống. Do đó cần phải có các biện pháp để giữ gìn, bảo tồn và phục hồi các làng nghề truyền thống để các làng nghề trở thành điểm du lịch hấp dẫn và cung cấp những sản phẩm du lịch độc đáo mang đặc trưng của địa phương.

Một số làng nghề và nghề cổ truyền tiêu biểu.

Làng nghề vàng bạc Châu Khê

Làng vàng bạc Châu Khê thuộc xã Thúc Kháng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Có thể khẳng định rằng, chính nghề vàng bạc đã đưa làng quê này trở nên giàu có giữa vùng châu thổ sông Hồng, nơi tưởng như trù phú, nhưng thực tế luôn bị thiên tai, bão lụt, vỡ đê, mất mùa, đói kém đe dọa người nông dân.

Châu Khê có nghề vàng bạc nổi tiếng, lại có nghề vàng mã cũng được bán rộng rãi ở nhiều nơi trước đây. Dần dần, từ nghề đúc bạc, thợ Châu Khê đã tiến tới nghề làm đồ trang sức vàng bạc. Người ta sản xuất, buôn bán bạc, kể cả đổi bạc nén lấy bạc vụn làm nguyên liệu. Cho nên vào những năm đầu thế kỷ XX, phố này còn có tên tiếng Pháp: Rue des Changeus (phố đổi bạc).

Ngày nay, khi qua phố Hàng Bạc ở Thủ đô Hà Nội, bạn cần biết mấy địa điểm: số nhà 58 - xưa là Tràng Đúc bạc nén; số nhà 50 (trước là Đình Thượng) và số 42 (là Đình Hạ) - xưa là Ty Quan (cơ quan đại diện của Triều đình) thu nhận bạc nén thành phẩm. Người Châu Khê làm việc ở đây khá đông, tới mức đóng thuế đình 300 suất (vào cuối thế kỷ XIX). Ngoài hai ngôi đình họ còn mua thêm đèn Nội Miếu của phường thợ giấy Tam Lâm (phường Hải Tượng). Đó là những nơi hội họp và thờ thành hoàng của họ (gọi tên chữ là "Châu Khê vọng sở").

Bánh đậu xanh Hải Dương

Bánh đậu xanh Hải Dương ra đời tại thị xã Hải Dương vào khoảng đầu thế kỷ 20. Từ đây nhãn hiệu rồng vàng đã có mặt ở hầu hết các tỉnh Bắc kỳ.

Người Hải Dương xa nhà nhìn thấy bánh đậu xanh như nhìn thấy quê hương, lòng rạo rức nhớ quê. Những người luống tuổi hôm nay vẫn còn trong ký ức hình ảnh và hương vị bánh đậu xanh Bảo Hiên và Cự Hương ngày xưa.

Nguyên liệu để chế biến nên loại bánh đậu xanh thơm ngon béo bùi không phải khai thác từ đâu xa mà lấy ngay từ hoa mầu của đồng nội, hương vị của vườn quê. Thành phần của bánh cũng đơn giản: Đậu xanh, đường kết tinh, mỡ lợn và tinh dầu của hoa bưởi. Những nguyên liệu này đều phải chọn lọc chế biến tinh khiết. Bốn nguyên liệu trên pha trộn với nhau theo một tỉ lệ hợp lý, vượt tỉ lệ đó bánh sẽ kém chất lượng. Giấy gói bánh, màu sắc của nhãn phải nghiên cứu để bánh giữ được lâu và tôn vẻ đẹp của bánh: Bánh từ lâu đã được đóng theo quy ổn định: 10 khẩu mỏng xếp 5 hàng (8,5 x 3,2 x 1,1cm) nặng 45 gam, gần đây đã có những cải tiến, nhưng quy cách của khẩu không thay đổi.

Ngày xuân ngồi bên tách trà nóng, thưởng thức một khẩu bánh đậu xanh. Hương vị ngọt ngào của bánh kết hợp cùng vị chát của trà mới thấy cuộc sống này bình dị biết bao. Chiếc bánh đậu xanh nhỏ bé, giản dị nhưng đã mang tiếng thơm của tỉnh Đông đến muôn nơi và mang về cho quê hương một nguồn thu không nhỏ. Hiện nay đã có một số nhà hàng doanh thu trên 10 tỷ đồng một năm.

Bánh Gai Ninh Giang

Cách thành phố Hải Dương gần 30 km về hướng đông nam, giáp Hải Phòng và Thái Bình, Ninh Giang được ví là nơi có tiếng gà gáy ba tỉnh đều nghe rõ. Là một thị trấn duyên dáng, được con sông Luộc bao bọc, Ninh Giang đã ghim sâu tên mình vào lòng người bằng đặc sản quê mình: Bánh Gai Ninh Giang.

Theo sử sách ghi lại thì bánh gai có nguồn gốc từ Ninh Giang (Hải Dương). Theo dòng sông Luộc bánh gai đã được lưu truyền đến các địa phương vùng ven sông theo đường buôn bán trao đổi hàng hóa. Có thể nói cho đến ngày nay bánh gai được sản xuất ở rất nhiều nơi như: Thái Bình, Nam

Định, Ninh Bình... nhưng không có một nơi nào có thể có được hương vị đặc sắc, chính gốc như ở Ninh Giang Hải Dương.

Khó có thể xác định được nghề làm bánh có từ bao giờ. Cả huyện Ninh Giang có 15 xã thì duy nhất chỉ có thị trấn Ninh Giang là làm Bánh gai. Vòng quanh thị trấn, đâu đâu cũng thấy những chõng Bánh gai, như mời chào, níu kéo khách qua đường.

Đúng như tên của nó, cái làm lên hương vị của Bánh gai là lá gai. Lá gai trông giống như lá dâu, có răng cưa, thường được trồng ở vùng cao. Làm Bánh gai là cả một nghệ thuật. Từ cách chọn hạt gạo, hạt đỗ cũng phải sành. Gạo phải là gạo nếp cái hoa vàng, xẩy sạch, ngâm nước lạnh đến khi hạt gạo mềm, nấu được thì vớt ra, đãi sạch cho vào cối xay. Đây là loại bột khó tính. Không thể dùng máy nghiền khô mà phải là cối xay bột bằng nước. Bột phải sánh, chảy đều khắp cối, có những bong bóng li ti chạy dài theo dòng chảy xuống khăn lót. Sau đó bột phải được ép khô. Vỏ bọc Bánh gai là tổng hợp của bột gạo, lá gai và đường.

Việc pha nhân cũng phải có "ngón". Đỗ xanh giã nhỏ, mịn. Cho đường kính trắng, dứa, lạc rang, mút bí, mút sen, dầu chuối trộn đều lên. Nhân cũng không được nhão sẽ khó nắn và khi ăn bánh sẽ sậm màu không đẹp. Giữa miếng nhân là miếng mỡ lợn ướp đường trong suốt, thảng màu xanh, cầm cứng và khi cắn thì giòn giòn. Vê tròn lại, phủ lớp vỏ gạo và lăn chút vừng bên ngoài.

Lá gói bánh phải là lá chuối khô, loại lá khô tự nhiên. Bánh gai không luộc mà hấp như thổi xôi. Tết mà có chục bánh gai đặt cạnh mâm ngũ quả, cạnh chiếc bánh Chung trông thật sung túc và ấm áp. Về Ninh Giang, mấy ai quên được hương vị của bánh. Những cái tên mộc mạc: Bánh gai bà Tới, Lan Trạm. Liên Hương... chỉ cần nghe nhắc tới đã thấy đâu đây mùi bánh gai thoang thoảng. Bánh gai Ninh Giang vẫn chưa có thương hiệu riêng vì người làm bánh không bon chen theo cơ chế thị trường, làm bánh chỉ cốt một điều: Giữ được hương vị truyền thống quê mình.

Gốm Chu Đậu, tinh hoa văn hóa Việt

Thông thường, khi nhắc đến nghệ thuật gốm Việt Nam, người ta nghĩ ngay đến gốm Bát Tràng. Nhưng ít ai biết rằng, nếu xét về lịch sử và tính thuần Việt thì gốm Chu Đậu, Nam Sách, Hải Dương vẫn được giới chuyên môn đánh giá cao hơn Bát Tràng. Theo 1 số tài liệu nghiên cứu, gốm Chu Đậu đã đạt tới đỉnh cao về kỹ thuật và nghệ thuật từ thế kỷ 14 - 15. Từ đó gốm Chu Đậu tản rộng ra một vùng trong châu thổ đồng bằng Bắc Bộ mà Bát Tràng cho đến nay đã lưu lại được một phần thần thái của gốm Chu Đậu.

Thương hiệu lịch sử bị thất truyền và mới chỉ được tìm thấy và khôi phục lại trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây. Nhưng qua các tài liệu khảo cổ, có thể thấy gốm Chu Đậu là một thương hiệu tồn tại từ cách đây hàng trăm năm và cũng là mặt hàng được xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới. Ở Chu Đậu, niên đại phát triển rực rỡ nhất của gốm là vào thế kỷ thứ 16. Đó cũng là thế kỷ mà mỹ thuật Việt Nam trở về các làng xã, mang hơi thở trực tiếp của đời sống gốm Mạc. Nói một cách cụ thể, gốm Chu Đậu có thể được coi là chìa khóa mở ra niên đại của mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 16, đồng thời nó chính là đỉnh cao nhất của nghệ thuật gốm mang tính chất thuần Việt. Di chỉ Chu Đậu là hình ảnh thu nhỏ và cô đọng những bước phát triển của lịch sử nghệ thuật gốm Việt Nam với những mốc kỹ thuật điển hình: men ngọc, hoa nâu, hoa lam. Gốm men ngọc với mô típ cánh sen khắc chìm là tiêu biểu của thời Lý. Men trắng ngà hay men vàng nhạt điểm trang trí hoa nâu, đôi khi dưới chân còn được bôi nâu của đời Trần.

Kỹ thuật gốm hoa lam được Chu Đậu phát triển thời kỳ đỉnh cao và chuyển thành nghệ thuật gốm thuần Việt để rồi truyền bá mãi tới sau này và Bát Tràng là một ví dụ tiêu biểu nhất.

Mặt khác, qua các sản phẩm gốm Chu Đậu được tìm thấy ta có thể nhận thấy sự phong phú về mặt hàng gốm sứ từ thời xa xưa. Hiện nay, rất nhiều hiện vật gốm Chu Đậu cổ đang được trân trọng lưu giữ tại hơn 46 bảo tàng danh tiếng trên thế giới.

Một sản phẩm gốm muốn đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật cần đáp ứng được các tiêu chí: Sáng như gương, trong như ngọc, trắng như ngà, kêu như chuông. Và tất cả các tiêu chí đó đều có thể tìm thấy được trong mỗi tác phẩm gốm Chu Đậu. Qua những sản phẩm gốm tìm thấy được qua các cuộc khai quật và tìm thấy ở làng gốm Chu Đậu và nhiều nơi khác ở cả Việt Nam và thế giới, có thể nhận thấy cách trang trí phong phú từ khắc vạch nổi chìm, vẽ công bút, phóng bút cho đến thần bút điêu luyện. Xét về họa tiết, như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng nói: “Gốm Chu Đậu là tinh hoa văn hóa Việt Nam”. Trên các tác phẩm người ta đã mô tả đời sống Việt Nam ở họa tiết gốm. Đó là cỏ, cây, hoa, lá, côn trùng... Gốm Chu Đậu còn được coi là gốm đạo, gốm bác học, nó thấm đẫm văn hóa vật chất tâm linh, in đậm những giá trị nhân văn của Phật giáo, Đạo giáo, đạo nhà, đạo nho.

Gốm Chu Đậu, người ta thấy được vẻ đẹp dung dị của người Việt Nam, một bản sắc thuần Việt biểu trưng của nền văn minh đồng bằng châu thổ sông Hồng. Sản phẩm tiêu biểu, đặc sắc nhất của gốm Chu Đậu cổ là chiếc bình hoa lam và bình tỳ bà còn được gọi là bình cha, bình mẹ, tượng trưng cho tín ngưỡng phồn thực âm dương – trời đất – vợ chồng.

Với những giá trị về nghệ thuật, có thể khẳng định gốm Chu Đậu là một thương hiệu mang đậm những phẩm chất của con người Việt Nam.

Rượu Phú Lộc

Theo truyền thuyết Ma Há và Minh Kha là hai thôn nằm bên đường cái quan Nam Sách đi Cẩm Giàng. Vào thời kỳ giặc phương Bắc xâm lược, chúng đóng quân tại địa phương, mượn có mất một con ngựa, giặc triệt hạ cả hai thôn này, những người sống sót phiêu bạt bốn phương, khi đất nước giải phóng, họ trở về làng hợp nhất hai thôn thành một làng lấy tên là Phú Lộc. Mong cuộc sống hạnh phúc, phồn vinh, dân làng lấy nghề nấu rượu và nuôi lợn làm một nguồn sống bên cạnh nghề nông.

Đến thời Nguyễn cả làng Phú Lộc được phép nấu rượu và rượu Phú Lộc đã nổi tiếng từ thời Thiệu Trị, Tự Đức, có mặt hầu khắp thị trường trong tỉnh và

ra tới hải đảo thuộc Hải Phòng. Rượu ngày xưa chuyên chở cho vào bong bóng trâu để đảm bảo an toàn, giảm nhẹ bao bì và vẫn đảm bảo chất lượng.

Người ta nhớ đến rượu Phú Lộc bởi đặc trưng của rượu trong suốt, tinh khiết, thơm, nồng hương nếp uống ngọt giọng, không xốc mặc dù nồng độ thường rất cao, có khi rót rượu ra chén có bọt bám vào thành, châm lửa bắt cháy ngay. Rượu Phú Lộc dùng ngâm thuốc rất tốt. Để có được sản phẩm rượu đặc biệt ấy, người ta đã phải tích lũy kinh nghiệm nhiều thế kỷ, chú ý đến chất lượng của men, nguyên liệu, quá trình ủ và chưng cất, còn phương pháp chưng thì không khác phương pháp cổ truyền mà các làng xưa nay vẫn làm. Phú Lộc có bài thuốc làm men 21 vị như: Quế, đại, hồi, tiêu, hồi, cam thảo, cát cánh, xuyên khung... nay có phần giảm bớt một số vị nhưng vẫn là bài thuốc ưu việt hơn nhiều địa phương khác. Tuy vậy, biết các vị chưa đủ, quan trọng hơn là tỷ lệ trọng lượng giữa các vị trong bài thuốc và cách ủ men là bí quyết nâng cao chất lượng của rượu. Hiện nay cả thôn Phú Lộc có khoảng 400 hộ chuyên nấu rượu. Cả làng sống trong rượu nhưng việc thực hiện nếp sống văn hóa đã được ghi nhận bằng danh hiệu Làng văn hóa.

Chạm khắc gỗ Đông Giao Từ Quán Gỏi theo đường 38, ngược lên phía bắc hai cây số, chúng ta đến một làng quê đầy sức sống. Khắp làng, suốt ngày không ngớt tiếng cưa, đục của thợ chạm, thợ khảm. Đây chính là Đông Giao, quê hương của những nghệ nhân chạm gỗ cổ truyền.

Đông Giao thời Lê là một xã của tổng Mao Điền, huyện Cẩm Giàng, phủ hương Hồng, trấn Hải Dương.

Đông Giao còn một ngôi đình lớn, văn bia cho biết, khởi dựng từ năm Vĩnh Hựu thứ tư (1739). Trước đình, xưa có ngôi miếu thờ ông tổ nghề chạm, hàng năm, xuân thu nhị kỳ những người thợ chạm vào hàng cuộc làm lễ tế tổ để biết ơn người dạy nghề cho làng. Miếu nay đã mất, thần tích cũng không còn. Cuối làng còn một ngôi nghề, như một bảo tàng nhỏ, lưu trữ các hiện vật do thợ làng điêu khắc Nghề chạm gỗ ở nước ta nổi tiếng từ thời Lý- Trần. Những bức chạm ở thượng điện chùa Thái Lạc, (Lạc Hồng, Mỹ Văn), cánh

cửa chùa Phổ Minh (Hà Nam)... là những bằng chứng hùng hồn về tài năng điêu khắc của nghệ nhân thời lý huy hoàng ấy. Thợ Đông Giao chuyên làm các loại đồ thờ và vật trang trí bằng gỗ như: Ngai, y, bài vị, long đình, hương án, bát biểu, đao, kiếm, kiệu, song loan, cưa võng, cuốn thư, hoành phi, câu đối voi ngựa... và một số đồ dùng gia đình: Sập tủ, tạn. Phần lớn đồ thờ trong tỉnh và các tỉnh miền Đông Bắc do thợ làng Đông Giao điêu khắc.

Đề tài chạm khắc trên một số đồ thờ thường là tứ linh: Long, ly, quy, phượng; tứ quý: Thông, mai, cúc, trúc, hoặc trích các tích trong kinh Phật hay truyện cổ. Các họa tiết phải đăng đối, cân xứng. Nhiều tác phẩm trạm khắc của nước ta trải qua 3, 4 thế kỷ, nóng ẩm nhiệt đới mà gỗ vẫn chắc, nước sơn mịn màng, tươi màu như mới.

Thợ chạm Đông Giao xưa tuy nghề có tinh nhưng chẳng mấy mấy lúc được tôn vinh.

Tủ chè là mặt hàng chính của Đông Giao hiện nay.

Nhờ khôi phục nghề cổ truyền với cách làm ăn mới trong nông nghiệp, đời sống làng thợ Đông Giao được cải thiện nhanh. Họ say mê làm việc suốt ngày.

Chạm khắc là một nghề có giá trị kinh tế và văn hóa cao, cần được phục hồi và phát huy đúng hướng. Nghề chạm của Đông Giao phục hưng là rất đáng mừng, song còn mang tính tự phát, thiếu sự hướng dẫn và tổ chức của tập thể và Nhà Nước.

Qua nghề chạm ở Đông Giao, chứng minh rằng, với tri thức văn hoá hiện đại, chúng ta có khả năng khôi phục và phát huy những nghề cổ truyền của dân tộc. Điều quan trọng là biết tổ chức tiến hành, khai thác đúng hướng và trả công thích đáng cho người thợ.

*** Đánh Giá:**

Làng nghề và nghề cổ truyền của Hải Dương rất phong phú và đa dạng, nhiều làng nghề đã nổi tiếng khắp trong và ngoài nước: Nghề thêu Xuân Nẻo (Tứ Kỳ), Chạm khắc gỗ Đông Giao, nghề làm bánh đậu xanh, bánh gai, nghề gôm Chu Đậu... những sản phẩm của làng nghề đã thể hiện được những nét

văn hóa nghệ thuật, phong phú. Phản ánh được cuộc sống, tâm tư tình cảm của người dân Hải Dương. Do đó rất hấp dẫn du khách và đặc biệt là khách nước ngoài. Chính vì vậy mà ngành du lịch Hải Dương đã khảo sát 20 làng nghề trên địa bàn tỉnh để lập tuyến du lịch làng nghề (điểm nhấn là Chu Đậu) đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu của du khách. Tỉnh cũng đã quy hoạch những điểm du lịch trọng tâm: huyện Chí Linh, huyện Kim Môn, huyện Nam Sách, thành phố Hải Dương trong đó có tuyến du lịch làng nghề Hải Dương. Tuy nhiên để đưa các làng nghề này vào vào phục vụ du lịch thì cần phải tiến hành đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật: Bãi đỗ xe, nhà trưng bày, xưởng sản xuất, quy hoạch lại các làng nghề, đồng thời phải xây dựng được thương hiệu cho các làng nghề để các sản phẩm của làng nghề đứng vững và ngày càng phát triển.

1.3.2.3. Văn hóa nghệ thuật.

Nằm giữa vùng châu thổ Sông Hồng, Hải Dương là vùng quê văn hiến, có nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống như: hát chèo, tuồng, hát trống quân, múa rối nước...

Nghệ thuật chèo:

Hải Dương được coi là một trong những cái nôi của nghệ thuật chèo. Nơi đây đã sản sinh ra nhiều nghệ nhân ưu tú như: Nguyễn Đình Nghi, Trịnh Thị Lan, Nguyễn Thị Minh Lý, Hoa Tâm...

Hải Dương có nghệ thuật chèo xuất hiện từ rất sớm, theo truyền thuyết còn ghi lại: ở đất Hồng Châu xưa có bà Phạm Thị Trân (926-976), có tài ca múa và làm trò. Vua Đinh Tiên Hoàng cho vời về Hoa Lư phong cho bà là Ưu Bà dạy quân lính múa hát, gảy đàn, đánh trống, diễn các tích trò (trò nhời = hát chèo), nghệ thuật chèo manh nha từ đó, khi mất bà được tôn làm tổ nghề chèo.

Qua tìm hiểu và sưu tầm thì Xứ Đông xưa kia là một vùng có nghệ thuật chèo rất phát triển và có làng chèo nổi tiếng là làng Kim Uyên xã Thạch Lỗi (Tứ Kỳ). Các nghệ nhân chèo thường diễn xuất được cả 3 loại hình: hát chèo, hát ca trù (ả đào, nhà tơ) và tuồng (tuồng pho).

Xưa kia, chèo thường được biểu diễn trong những ngày hội làng và được tổ chức theo gánh hát chèo trong đó có ông trùm là người đứng đầu tập hợp các nghệ nhân, bỏ tiền mua đạo cụ quần áo, phong màn, các diễn viên gồm có 2 - 3 kép nam đóng vai quan văn, thư sinh, quan võ, kẻ trung, người nịnh... 2 - 3 nữ đóng vai nữ chính, nữ lệch, 2 - 3 nhạc công. Nhạc cụ gồm: nhị, trống bỏi, trống con, 1 thanh la to, mõ, trống cái.

Các vở diễn bao gồm: Tuồng có vở *Giang Tả Cầu Hôn*, *Trụ Vương Đắc Kỳ*, *Triệu Tử Long Đoạt A Đầu*, *Quan Vân Trường*. Các vở chèo gồm vở *Lưu Bình Dương Lễ*, *Quan Âm Thị Kính*, *Tổng Chân Cúc Hoa*... hiện nay ở Hải Dương nghệ thuật chèo vẫn được lưu giữ với các đội chèo ở các làng văn hóa và ở đoàn chèo Hải Dương.

Chèo là loại hình nghệ thuật lâu đời và độc đáo của dân tộc có sức hấp dẫn đối với du khách nước ngoài. Họ rất muốn tìm hiểu về nền văn hóa Việt Nam qua nghệ thuật chèo. Tuy nhiên hiện nay nghệ thuật này ở cả nước nói chung và ở Hải Dương nói riêng đang có nguy cơ mai một, thị hiếu của các tầng lớp thanh niên đang bị thay đổi, các nghệ nhân say mê với nghệ thuật chèo đang già đi, các chiếu chèo biểu diễn trong các lễ hội hầu như không còn. Hiện nay các vở chèo chủ yếu chỉ còn trong các nhà hát. Số lượng khán giả cũng không nhiều. Vì vậy cần phải có biện pháp để bảo lưu loại hình nghệ thuật đặc sắc này.

Nghệ thuật ca trù xứ đông

Ca trù là một loại hình ca hát có nguồn gốc dân gian sau được giới quan lại, nho sĩ, quý tộc ưa thích, nâng lên thành lối hát “bác học”, với những kỹ thuật biểu diễn tinh tế đòi hỏi luyện tập công phu. Ban đầu, ca trù được biểu diễn ở chón cửa đình, sau đó được lan rộng trong sinh hoạt đời thường như hát khao vọng, hát mừng lên lão rồi xuất hiện ở các nhà hàng phục vụ khách yêu thích nghệ thuật ca trù. Hát ca trù còn gọi là hát ả đào, hát cô đầu, hát cửa đình, hát nhà tơ... với những lối hát như hát thờ (hát ở đình khi làng vào đêm hội), hát chơi (hát trong đám khao vọng), và hát thi thường dành cho

các đào nương và kếp đàn cựa phách. Một số làn điệu nổi tiếng như “Hồng hồng, tuyết tuyết”, “tỳ bà hành”, “hương sơn phong cảnh ca”...

Nghệ thuật ca trù tồn tại và phát triển ở xứ đông từ khá lâu, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, hát ca trù ở Hải Dương diễn ra rất sôi nổi, nhiều nơi thành lập giáo phường, mở quán cô đầu với nhiều trùm đào kếp có tiếng. tiêu biểu là giáo phường của cụ Nguyễn Phú Tăng ở xã Dân Chủ (Tứ Kỳ). Trong đó có các kếp đàn nổi tiếng như: Lê Bốn, Nguyễn Thế Lãng, Nguyễn Phú Độ... Đến nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 60 người biết đàn hát, chơi trống châu, với 5 câu lạc bộ đang hoạt động ở trung tâm văn hóa - thông tin tỉnh. Toàn tỉnh đã có 2 người đã được phong danh hiệu nghệ nhân dân gian là cụ Nguyễn Phú Đệ, nghệ nhân đàn đáy và ông Trương Quang Hiến nghệ nhân chơi trống châu.

Vừa qua nghệ thuật ca trù của nước ta được thế giới công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Đây là sự ghi nhận vốn văn hóa truyền thống độc đáo của dân tộc nhưng cũng đặt ra thách thức lớn trong việc bảo tồn và phát huy vốn cổ của cha ông.

Nghệ thuật múa rối nước Hồng Phong:

Nghệ thuật múa rối nước là sản phẩm đặc sắc của vùng đồng bằng sông Hồng với nền văn minh lúa nước. Trong những năm gần đây, việc bảo tồn và phát huy môn nghệ thuật múa rối nước đang được nhiều địa phương quan tâm, trong đó có phường múa rối nước Hồng Phong.

Con rối bên ao Thủy Đình Trãi qua bao thay đổi của thời thế, xã Hồng Phong vẫn giữ cho mình một vẻ đẹp nguyên sơ, thanh bình. Vãn cây đa, giếng nước sân đình, vãn tiếng sáo diều vi vu trên những cánh đồng bát ngát... Nhưng điều đặc biệt, Hồng Phong vẫn còn giữ cho mình một loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống, đó là nghệ thuật múa rối nước. Trong làng bây giờ, kể cả các cụ cao tuổi nhất cũng không còn nhớ nổi ông tổ của nghệ thuật rối nước trong phường là ai. Và cũng chẳng ai hay nghệ thuật rối nước đã có mặt ở đây từ khi nào. Nhưng theo dấu tích trên các con rường ở đình làng (nơi

thờ tướng Cao Xuân Hựu, làm quan ở cuối thời nhà Lê), có chạm khắc hoa văn hình các con rối như: Tễu vuốt râu rồng, tiên đơn, đô vật, cáo leo cột... được chạm trổ tinh xảo, người ta có thể khẳng định rối nước đã có ở nơi đây từ trước thế kỷ XVII. Như vậy, cho đến hôm nay, nghệ thuật rối nước tồn tại ở xã Hồng Phong đã hơn 300 năm.

Tích và trò của phường rối nước được bắt nguồn từ tình yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên và tạo vật. Trò rối nước thường phản ánh cuộc sống thực tại của người dân thôn quê, nó gần gũi với cuộc sống như các trò tả cảnh sản xuất nông nghiệp, tát nước, cày bừa, gieo cấy. Tuy nó mô phỏng công việc thường nhật của nhà nông, nhưng những người xem như được hóa vào, được tái hiện như chính công việc mình trên sân khấu rối nước trong những giờ nghỉ trưa, giải trí và thư giãn thật thú vị.

Ngoài ra còn có các trò múa “tứ linh”, “múa sư tử”, múa rồng, rắn, chọi trâu... người xem lại cảm nhận được sắc thái của hội làng, phảng phất lòng chiêm ngưỡng, sùng bái những gì linh thiêng nhất, thần bí nhất của con người. Họ không quên nguyện cầu trời đất, từ việc cầu may, cầu phúc đến ước mơ được mùa. Hình ảnh chú tễu - nhân vật giáo trò thông minh hóm hỉnh. Chú chính là hình bóng của những người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ dưới thời phong kiến, với bản chất mộc mạc, hồn nhiên nhưng có những lúc lại oai nghiêm như vị quan tòa kết tội kẻ xấu nhưng lại có những lúc là nạn nhân bị buộc tội một cách chua xót.

Nhạc cụ hỗ trợ cho các trò diễn đơn giản là gồm trống, tù, mõ và kết hợp với các loại pháo.

Để có những tích trò biểu diễn đòi hỏi phải tạo được hình con rối chuẩn, đẹp. Đây là công đoạn đầu tiên và hết sức quan trọng đối với mỗi phường rối. Và để có được một con rối, phải trải qua nhiều công đoạn chuẩn bị như làm thủy đình, đóng cọc, dẫn dây, rồi tác tạo hình tượng những con rối phù hợp với từng tích, trò. Các công đoạn không phức tạp lắm nhưng lại đòi hỏi sự khéo léo, khiếu thẩm mỹ, sự kiên trì của các nghệ nhân tạo hình. Các

con rối của phường Hồng Phong luôn sinh động hơn nhiều nơi khác, do chúng được thực hiện bởi các nghệ nhân làng mộc Cúc Bò nổi tiếng với tay nghề tinh xảo.

Các con rối được làm bằng gỗ sung là loại gỗ nhẹ, nổi trên mặt nước, không bị mọt, không dập, không vỡ và dễ đẽo gọt. Sau khâu đẽo gọt, phơi khô là khâu quan trọng nhất của các con rối - công đoạn lắp ráp tay chân với máy điều khiển, trước khi chúng được “mặc” áo quần bằng những lớp sơn chống nước và vẽ mặt mày theo từng vở diễn. Để điều khiển các con rối diễn uyển chuyển trên mặt nước theo ý mình các nghệ nhân đã phải tập tay rất công phu hàng tháng trời cho mỗi vở diễn. Chính vì thế, những tích trò do phường biểu diễn luôn để lại những ấn tượng đặc biệt trong lòng du khách và bạn bè quốc tế.

Về kỹ thuật làm nhà rối: nhà rối được làm trên mặt nước các mái chông diêm, dài 4m rộng 2,5m, tổng diện tích là 10m² sân khấu có 2 bao lon cao 20cm nổi trên mặt nước kéo dài từ cửa màn ra 5m. Giữa 2 mái có khoảng trống để từ trong nhìn ra. Nhà có mái che vẽ hình rồng chầu mặt nguyệt, 2 đầu bao lon là một cửa sóc gồm 2 cột cao 2m, trên có xà ngang để giữ hệ thống xà điều khiển dây các con rối hoạt động, kỹ thuật biểu diễn kết hợp hệ thống sào, dây điều khiển các con rối hoạt động với lời ca tiếng hát phụ trợ.

Bên chiếc ao Thủy Đình của xã Hồng Phong, du khách không chỉ xem múa rối nước mà còn được thưởng thức các điệu múa đầy màu sắc của những con vật linh: long, lân, quy, phượng; xem các trò chơi dân gian như: thả đèn trời, đánh pháo đất, đốt pháo bông...

Gìn giữ và phát huy nghệ thuật truyền thống của dân tộc là một trong những nhiệm vụ đối với ngành văn hóa – du lịch và đặc biệt là nhiệm vụ của thế hệ trẻ. Nhằm tiếp nối những giá trị truyền thống của cha ông, làm phong phú thêm đời sống văn hóa nghệ thuật, đưa những nghệ thuật này vào hoạt động du lịch phục vụ du khách.

1.3.2.4. Nghệ thuật ẩm thực.

Mỗi món ăn không những chứng tỏ tài khéo léo, đảm đang của người nội trợ, nét đặc sắc của mỗi địa phương, hơn thế nữa, nghệ thuật ẩm thực còn là điểm nhấn thể hiện bản sắc văn hoá, trình độ văn minh của mỗi dân tộc. Là nước nông nghiệp miền nhiệt đới, "thiên đường" của hàng ngàn nông sản độc đáo, từ xa xưa, người Việt đã biết chế biến nhiều món ăn đặc trưng. Truyền thuyết còn ghi nguồn gốc món bánh chưng, bánh dày tượng trưng cho quan niệm về "trời tròn, đất vuông" được tạo nên bởi những nông sản từ thửa Hoàng tử Lang Liêu dâng lên vua Hùng. Song song với việc phát triển kinh tế - Về văn hóa - luôn giữ được nét đẹp thuần phong mỹ tục của người Việt Nam ta từ xa xưa. Một trong những nét đẹp văn hóa đó mà người dân "Hải Dương quê hương anh dũng kiên cường" còn mãi duy trì và phát triển đó là văn hóa ẩm thực.

Người Hải Dương vốn có truyền thống yêu lao động, cần cù, thông minh, khéo tay. Họ không những giỏi giang làm ra hạt thóc hạt lúa, hạt đậu củ khoai mà còn biết chế biến thành những món ăn đặc sản nổi tiếng khắp trong và ngoài nước và nó đã trở thành biểu tượng riêng của mảnh đất Hải Dương.

Khi nhắc đến Hải Dương người ta không thể không nhắc tới: bánh đậu xanh Hải Dương, bánh gai Ninh Giang, Bánh Khảo, vải thiều Thanh Hà. Và khi đến thăm Hải Dương hẳn du khách cũng muốn thưởng thức ẩm thực nơi đây như bánh cuốn Hàn Giang, Rươi Thanh Hà, bánh đa Kẽ Sặt hay nâng nâng với men rượu Phú Lộc ...

Ai từng đến đất Hải Dương

Món Rươi chưa thưởng - Thiên đường chưa qua.

Từ lâu các đặc sản này đã trở thành món quà của du khách mỗi khi có dịp đến Hải Dương đều mang về biếu người thân của mình. Hiện nay những đặc sản đó đều được bán ở khắp các khu phố, các khu du lịch của tỉnh nhằm giúp du khách có thể mua được thuận tiện hơn và có rất nhiều nhãn hiệu để khách lựa chọn.

Các tài nguyên nhân văn khác :**Làng Mộ Trạch - làng tiến sĩ**

xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo truyền thuyết được Vũ Hồn (804-853) lập ra với tên ban đầu mang đầy niềm hy vọng là Khả Mộ trang.

Truyền thuyết kể lại rằng Vũ Hồn cho nơi này là đất có phong thủy tốt, giữ làng này làm nguyên quán thì đời đời sẽ tiến phát về đường khoa bảng. Dưới con mắt của nhà phong thủy tài ba, Vũ Hồn cho rằng cả vùng Hải Dương là một đại cuộc, huyện Đường An là huyết trường và làng Chằm Thượng là huyết kết. Vì vậy ông quyết định cắm đất lập trại và đặt tên làng là Khả Mộ. Nghĩa là vùng đất khi đó còn cằn cỗi nghèo nàn nhưng có thể sau này sẽ trở nên trù phú hơn và sẽ được mến mộ. Mộ Trạch nghĩa là vùng đất được mến mộ. Truyền thống khoa bảng của làng Mộ Trạch. Vào thời điểm đó, làng Mộ Trạch đã trở nên đông đúc và đã phát tích khoa bảng rục rờ, trong khoảng thời gian của triều Lê (1428 - 1789) thì làng Mộ Trạch đã có đến 36 vị đỗ tiến sĩ mấy chục vị khác đỗ hương cống cử nhân, sinh đồ, tú tài; nhiều vị đảm đương các chức vị cao trong triều đình đương thời. Có gia đình mấy anh em cùng đỗ đại khoa; có chi họ, như chi họ Vũ Khắc đã đời nối đời đỗ đạt. Từ đó, tên làng Mộ Trạch đã tồn tại suốt gần tám trăm năm, cho đến ngày nay.

Sân Golf Ngôi Sao (Chí Linh)

Sân golf Ngôi sao Chí Linh được mệnh danh là "*sân golf thách thức nhất Việt Nam*" và các tay golf chuyên nghiệp khó thể bỏ qua địa điểm thi đấu thú vị này.

Sân golf ngôi sao Chí Linh (Star Golf Chí Linh) nằm tại thị trấn Sao Đỏ, huyện Chí Linh, Hải Dương, cách Hà Nội 48km, trên đường tới vịnh Hạ Long.

Sân golf Chí Linh nằm ngay trên vị trí trung tâm tam giác phát triển kinh tế du lịch phía Bắc và được đánh giá Ấn tượng đầu tiên về sân golf Chí Linh là sân rộng, diện tích 325 ha trong lòng một thung lũng tuyệt đẹp với một hồ nước tự nhiên nép mình bên những dải đồi xanh hùng vĩ bao quanh. Sân golf Ngôi

Sao Chí Linh được xây dựng 36 lỗ theo tiêu chuẩn quốc tế AAA. Những thảm cỏ xanh được chăm sóc, xén tỉa mỗi ngày, những con đường nhỏ uốn mình vòng quanh mép hồ, các rặng cây, các dốc thoải ven đồi, là điểm dừng chân với những quán nhỏ đơn sơ nép mình trong tán cây thơ mộng...

Ấn hiện trong khung cảnh thơ mộng ấy là 36 hố golf được bố trí khoa học với các bãi cát kín đáo sẵn sàng "bẫy" ngay cả các tay golf chuyên nghiệp. Điểm cao nhất của sân golf Ngôi sao Chí Linh chính là nhà Câu lạc bộ. Tòa nhà tròn với thiết kế độc đáo, toàn bộ hệ thống cửa và tường bao được xây dựng bằng kính trong suốt cho phép du khách và khán giả có thể chiêm ngưỡng phần lớn diện tích sân với 28/36 hố golf.

Các lỗ Golf được thiết kế rất thách thức, dựa vào địa hình đồi núi sẵn có của Chí Linh. Tay chơi golf nào thực sự có nghề và có bản lĩnh đều không muốn bỏ qua cơ hội thử sức ở đây bởi giải “*Sân Golf Thách thức nhất Việt Nam 2007*” đã dành cho sân Golf Chí Linh. Sân golf Chí Linh là một sân Golf hàng đầu, không chỉ tại Việt Nam mà cả vùng Đông Nam Á.

Các trò chơi

Từ xa xưa người dân Hải Dương đã tạo nên nhiều trò chơi nhất là trong những ngày hội đầu xuân. Ngoài các trò chơi thường thấy ở các hội như bái xướng, thì mỗi lễ hội lại có những trò chơi đặc trưng thường là hình thức thi đấu nhằm khuyến khích, động viên những người tham gia thi đấu. Có một số những trò chơi nổi tiếng như:

Lễ hội Kiếp Bạc có trò chơi thủy chiến.

Lễ hội Côn Sơn có thi hát quan họ, trò dù tiên lập đàn Mông Sơn

Lễ hội Đền Sượt có trò thi nấu rượu Hoàng tửu, trò đánh bệt.

Lễ hội chùa Hương có cuộc thi bày mâm ngũ quả

Lễ hội đền Quát có trò chơi Bơi Chải

Lễ hội Bạch Hào tổ chức thi nấu cơm

Lễ hội Đền Bia tổ chức thi bốc thuốc

Lễ hội đền Cuôi có thi đánh thố, bốc thuốc ...

1.3.2.5.Đánh giá chung về các tài nguyên nhân văn của tỉnh

Tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Dương khá phong phú và đa dạng. Đó là điều kiện thuận lợi để khai thác phát triển du lịch văn hóa.

Những điều kiện địa lý, lịch sử và con người thuận lợi, "Đất địa" đã là nguyên nhân làm cho xứ Đông trở thành nơi sinh ra nhiều danh nhân, thành nơi mời gọi nhiều anh tài 4 phương về đây lập nghiệp. Không phải ngẫu nhiên Lê Đại Hành chọn núi rừng An Lạc đóng đại bản doanh chỉ huy trận Bạch Đằng đại thắng năm 981; Trần Hưng Đạo - vị tướng tài kiệt xuất, Nguyễn Trãi - danh nhân văn hoá thế giới cùng Chu Văn An, người thầy tiêu biểu mẫu mực của muôn đời, đó là những nhân vật vĩ đại bậc nhất của đất nước, đã gắn bó máu thịt với Hải Dương. Cuộc đời, sự nghiệp của của các danh nhân cùng quá trình lao động sáng tạo của đông đảo nhân dân, qua nhiều thế hệ, đã làm cho Hải Dương - "*đất học*", "*đất danh nhân*", "*đất văn hiến*" - xây dựng được nhiều truyền thống quý báu, để lại một kho tàng văn hoá thật phong phú, đa dạng và độc đáo. Đó là một khối lượng lớn văn hoá vật thể và phi vật thể rất giá trị, với hàng ngàn di tích quý, hàng trăm làng nghề lâu đời, nhiều sản phẩm văn hoá ẩm thực và nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc, nhiều sinh hoạt văn nghệ dân gian nổi tiếng như hát chèo, hát đối, hát trống quân, cò lả và rất nhiều bài ca dao dân ca làm say đắm lòng người.

Toàn tỉnh hiện có 1.098 di tích lịch sử, văn hoá, danh thắng; trong đó có 133 di tích được xếp hạng quốc gia, tiêu biểu là Côn Sơn, Kiếp Bạc, Phượng Hoàng (*Chí Linh*) An Phụ, Kính Chủ (*Kinh Môn*). Văn hoá Lý - Trần, Lê, Nguyễn là một dòng chảy đậm đặc và liên tục trên vùng đất này, để lại dấu ấn đậm nét trong hàng loạt di tích, gắn liền với những sự kiện lịch sử trọng đại, những danh nhân nổi tiếng.

Hải Dương còn là quê hương của nhiều làng nghề truyền thống danh tiếng. Sản phẩm của các làng nghề truyền thống thể hiện sự sáng tạo, khéo léo, tài hoa của người xứ Đông, được khách hàng trong nước và quốc tế ưa chuộng.

Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá - danh thắng, đặc biệt là các di tích quan trọng của quốc gia trên địa bàn, cùng với hệ thống các làng nghề nổi tiếng, góp phần quan trọng làm cho Hải Dương trở thành một vùng văn hoá đặc biệt hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu của khách thập phương về các phương diện: tìm hiểu lịch sử - văn hoá, sinh hoạt tâm linh, thưởng ngoạn cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, chiêm ngưỡng bàn tay tài hoa, khéo léo và các sản phẩm nghệ thuật tinh xảo của các nghệ nhân làng nghề...

1.4. Dân cư và kinh tế - xã hội của Hải Dương năm 2009.

1.4.1. Dân cư

Tại thời điểm điều tra 1/4/2009 tổng số nhân khẩu toàn tỉnh Hải Dương là 1.703.492 người, chiếm 2% dân số cả nước (dân số cả nước: 85.798.573 người). Trong đó nam chiếm 48,9%, nữ chiếm 51,1%, nhân khẩu thành thị chiếm 19,1%, nhân khẩu nông thôn chiếm 80,9%.

1.4.2. Tình hình kinh tế - xã hội của Hải Dương năm 2009.

Theo dự thảo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2009, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010: Năm 2009, kinh tế của tỉnh cơ bản thoát khỏi đà suy thoái, tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước. Tổng sản phẩm trong tỉnh tăng 5,6% so với năm 2008, vượt kế hoạch đề ra. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản ước đạt 4.027,6 tỷ đồng, giảm 1,9% so với năm 2008. Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng ước đạt 21.115 tỷ đồng, tăng 5,9% so với năm 2008. Lĩnh vực văn hóa, xã hội có bước tiến bộ, đời sống nhân dân cơ bản bảo đảm. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, công tác quốc phòng, quân sự địa phương được giữ vững. Tổng vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước do địa phương quản lý năm 2009 (đến ngày 31-10) là 1.748 tỷ 666 triệu đồng.

GDP bình quân đầu người tăng gấp 2,5 lần; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gần hai lần; giá trị sản xuất công nghiệp tăng hơn năm lần; thu ngân sách tăng gần mười lần. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Đến nay, trên địa bàn Tp Hải

Dương đã được quy hoạch khu văn hóa - thể thao và đô thị mới phía đông (108 ha); Khu Thương mại - Văn hóa - Du lịch và đô thị mới phía tây (hơn 595 ha). Hải Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội-Hải phòng-Quảng Ninh; nằm trên hai hành lang kinh tế: Côn Minh (trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải phòng - Quảng Ninh và Nam Ninh (trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội -Hải phòng - Quảng Ninh; nằm sát vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ. Đối với quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội theo Quyết định số 490/QĐ-TTg, ngày 5-5-2008, Tp Hải Dương được xác định đóng vai trò đô thị trung tâm cấp vùng; phát triển công nghiệp nhẹ, kỹ thuật cao và hỗ trợ phát triển các loại công nghiệp chế biến của vùng phía nam, đông nam đồng bằng sông Hồng; đồng thời, có vai trò trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo. Đó là những lợi thế rất quan trọng để Tp Hải Dương giao lưu, trao đổi thương mại với Thủ đô Hà Nội, Hải phòng, Quảng Ninh và các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

1.5.Kết cấu hạ tầng.

1.5.1.Mạng lưới giao thông vận tải.

Hệ thống giao thông của tỉnh phân bố hợp lý, mạng lưới đường bộ, đường thủy, đường sắt thuận tiện cho việc kết hợp giữa các hình thức vận tải và giao lưu với cảng biển Hải Phòng, sân bay quốc tế Nội Bài, các tỉnh trong khu vực.

+Đườngbộ:

có 5 tuyến quốc lộ qua tỉnh dài 99 km đã được cải tạo nâng cấp; đi lại rất thuận tiện:

- Quốc lộ 5 từ Hà Nội đi thành phố cảng Hải Phòng, chạy ngang qua giữa tỉnh phần qua tỉnh dài 44 km. Đây là đường giao thông chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế hiện nay; vận chuyển toàn bộ hàng xuất khẩu của các tỉnh phía bắc đến các nước, cũng như hàng nhập khẩu từ nước ngoài đến các tỉnh qua cảng Hải Phòng - Quốc lộ 18 từ Hà Nội qua Bắc Ninh, Hải

Dương đến vùng than và cảng Cái Lân của tỉnh Quảng Ninh. Phần đường chạy qua huyện Chí Linh (Hải Dương) dài 20 km.

Quốc lộ 183, nối quốc lộ 5 với quốc lộ 18 qui mô cấp I đồng bằng, đường dài 22 Km, nằm trọn trên địa bàn tỉnh.

Quốc lộ 37 phần qua tỉnh dài 12,4 km, đây là đường vành đai chiến lược quốc gia, phục vụ trực tiếp cho khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc.

Quốc lộ 38 dài 14 km là đường cấp III đồng bằng.

Đường tỉnh: có 13 tuyến dài 258 km, nối thông với các tuyến quốc lộ chạy qua và nối các huyện, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, đã rải nhựa toàn bộ, đạt tiêu chuẩn cấp 3 đồng bằng và đảm bảo cho các xe trọng tải lớn lưu thông an toàn.

Đường huyện có 352,4km và 1448km đường xã đảm bảo cho xe ô tô đến tất cả các thôn, xã.

Tại thành phố Hải Dương và trung tâm các huyện, dọc theo các tuyến đường đều có bến và điểm đỗ xe để đón trả khách thuận tiện.

Đường sắt:

Tuyến Hà Nội - Hải Phòng chạy song song sát với đường 5, đáp ứng vận chuyển hàng hoá, hành khách qua 7 ga trong tỉnh.

Tuyến Kép - Bãi Cháy chạy qua huyện Chí Linh, là tuyến đường vận chuyển hàng lâm nông thổ sản ở các tỉnh miền núi phía bắc ra nước ngoài qua cảng Cái Lân (Quảng Ninh), cũng như hàng nhập khẩu và than cho các tỉnh

Đường thủy: có 16 tuyến sông chính nối với các sông nhỏ, 10 tuyến do Trung ương quản lý dài 281km, 6 tuyến do tỉnh quản lý dài 119km; tàu, thuyền 500 tấn qua lại dễ dàng. Cảng Cống Cầu công suất 300.000 tấn /năm và hệ thống bến bãi đáp ứng về vận tải hàng hoá bằng đường thủy một cách thuận lợi. Với hệ thống giao thông trên là điều kiện cho việc giao lưu kinh tế từ tỉnh đi cả nước và nước ngoài rất thuận lợi.

1.5.2. Hệ thống cung cấp điện.

Hải Dương có điều kiện thuận lợi về nguồn cung cấp điện, hệ thống trạm trên địa bàn của tỉnh có nguồn cung cấp điện từ nhà máy Phả Lại với công suất 1000kw. Nguồn điện bổ sung từ điện lưới quốc gia qua đường dây 35kv có độ dài trên 600km từ tuyến Hà Nội – Hưng Yên – Hải Phòng. Điện lưới 10kv tập trung ở các thị trấn, lưới 6kv chủ yếu ở vùng nội thành thành phố Hải Dương cung cấp cho xí nghiệp lớn là nhà máy sứ, đá mài, máy bơm. Thực trạng điện lưới 35kv tiết diện dây nhỏ nên không đảm bảo chất lượng vận hành, thường xảy ra sự cố nhất là vào mùa mưa bão.

Hải Dương có 7 trạm 35/10kv với 10 máy dung lượng 15.400kVA, 3 trạm 35/6 kv với 5 máy dung lượng 7800kVA. 1 trạm nâng thế 6/35 kv (3200+5600) ở Phả Lại. Tổng dung lượng điện hiện có 248,5 nghìn kVA.

Các trạm nguồn chính của tỉnh gồm: trạm Đồng Niên (2 x 25 MVA- 110/35/6 kv và nâng lên 105 MVA) trạm Phả Lại (2 x 6,3 MVA- 110/6 KV) trạm Hoàng Thạch (2 x 6MVA + 1 x 20 MVA, 110/6KV) xây mới trạm Chí Linh (25000KVA) mạng lưới đường dây điện đi đến tất cả các thôn xóm, vùng sâu vùng xa đều được lắp đặt 100% số xã. Tuy vậy mạng lưới truyền tải điện năng và các trạm biến áp còn hạn chế, chưa thể đáp ứng đủ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong tương lai mạng lưới điện nông thôn còn manh mún, chuyển tải thấp và tổn thất lớn. Đến năm 2000 có 90% số hộ được sử dụng điện để thấp sáng trong đó có 40% đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Điện thương phẩm cung cấp cho các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và sinh hoạt trong các năm qua không ngừng tăng lên. Phụ tải công nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong nhu cầu tiêu thụ điện.

1.5.3. Hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

****Cấp nước.***

+ *Khu Vực Đô Thị:* trước đây nguồn nước cho nhu cầu sản xuất và nhu cầu sinh hoạt thuộc khu vực thành phố Hải Dương chủ yếu là do nhà máy nước Bình Hàn và Tân Hải cung cấp. Nhưng đến nay đã sử dụng nguồn nước

của nhà máy nước Cẩm Thượng (hiện nay đang mở rộng bằng nguồn vốn ODA của Nhật Bản) với công suất 1000m³ nước/ ngày. Mức độ cung cấp nước đã được tăng cường ở một số thị trấn như: Ninh Giang, Cẩm Giàng, Nam Sách, Gia Lộc, Kim Thành, Kim Môn. Còn lại các thị trấn, huyện lỵ chưa có trạm cấp nước tập trung. Hiện nay hầu hết dân cư ở vùng nông thôn đều đang sử dụng nguồn nước từ giếng khơi, không đảm bảo vệ sinh làm hạn chế phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến hoa quả, lương thực. Tỷ lệ dân số ở thành phố, thị trấn được cung cấp nước máy còn thấp mới có khoảng 50% và đáp ứng 60 - 80 lít/người/ngày.

+ *Khu Vực Nông Thôn*: đến nay tỉnh đã chú ý đầu tư xây dựng 12 trạm cấp nước nhỏ, đạt được trên 227000 giếng khơi và 1000 giếng khoan. Đảm bảo cấp nước sạch vệ sinh cho khoảng 1,4 triệu người đưa tỷ lệ số dân được cấp nước sạch và hợp vệ sinh lên 80% vào năm 2006.

*** Thoát nước thải và vệ sinh môi trường.**

Vấn đề thoát nước và vệ sinh môi trường, đô thị cũng trở nên bức xúc ở hầu hết các đô thị trong tỉnh chủ yếu là mạng lưới chảy chung ở Thành Phố Hải Dương. Hệ thống điều hòa nước kém tác dụng do cột đáy bị nâng lên, cống dẫn nước ngầm và một số trạm bơm tiêu nước với công suất nhỏ (18000m³/h) không đảm bảo hiện nay tỉnh có kế hoạch tăng cường công tác thoát nước và vệ sinh môi trường nhất là khu đô thị mới.

Do nhu cầu phát triển kinh tế, khai thác nguồn tài nguyên nước gây ra những biến đổi, tác động cả mặt tích cực và mặt tiêu cực. Cũng phải kể đến việc thành lập các nhà máy, khu công nghiệp, khói bụi thải ra môi trường là nguyên nhân chủ yếu.

Tại các khu vực du lịch trọng điểm và các làng nghề môi trường cũng bị tác động lớn nhất là vấn đề rác thải, hóa chất trong các làng nghề, của du khách.... đó là những vấn đề cấp bách cần có biện pháp giải quyết.

1.5.4. Hệ thống thông tin liên lạc.

Trong những năm qua cùng với sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông cả nước Hải Dương đã lắp đặt nhiều trang thiết bị mới đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc trong tỉnh. Năm 2006 bình quân 15 máy điện thoại trên 100 dân so với 4,5 máy trên 100 dân năm 2001. Cho đến năm 2009 con số đó đã đạt 90% số dân được sử dụng điện thoại. 97% hộ dân thành thị và 82% hộ dân nông thôn có máy thu hình.

Như vậy mạng lưới thông tin liên lạc ở Hải Dương đã tỏa rộng tới các thôn xóm trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch về nhu cầu thông tin liên lạc, việc phủ sóng điện thoại di động đến hầu hết các vùng trong tỉnh góp phần phục vụ khách du lịch tốt hơn, thuận lợi hơn. Ngoài các dịch vụ như điện hoa, chuyển Fax nhanh, dịch vụ Internet... ở hầu khắp các xã trong tỉnh đều có trạm thu phát sóng. Tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch khai thác sử dụng trong thời gian tham quan, lưu trú trên địa bàn tỉnh.

Nói chung mạng lưới bưu chính viễn thông ở Hải Dương hiện nay có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đồng thời tạo ra kết cấu hạ tầng thuận lợi cho phát triển du lịch.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KINH DOANH DU LỊCH CỦA HẢI DƯƠNG

2.1. Tổ chức quản lý và quy hoạch du lịch.

2.1.1. Tình hình quản lý du lịch văn hóa tại Hải Dương.

Đối với các di tích lịch sử văn hoá của tỉnh cũng đang được quan tâm đầu tư tôn tạo. Trong 5 năm kể từ năm 2005 đến nay nhiều di tích lớn lần lượt được UBND tỉnh cho lập dự án tu bổ như năm 2001 khởi công xây dựng đền thờ Nguyễn Trãi tại khu di tích Côn Sơn (Chí Linh), năm 2003 khởi công tu bổ, tôn tạo di tích Văn Miếu Mao Điền (Cẩm Giàng), năm 2004 khởi công tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ nhà giáo Chu Văn An (Chí Linh). Riêng trong 2005 lần lượt khởi công 4 dự án: Tu bổ, tôn tạo đền thờ Khúc Thừa Dụ (Ninh Giang), đền thờ Yết Kiêu (Gia Lộc), đền thờ Danh Y Tuệ Tĩnh (Cẩm Giàng) và dự án tu bổ chùa Thanh Mai (Chí Linh). những di tích còn lại được tu bổ tôn tạo ở các mức độ khác nhau bằng nguồn vốn của trung ương và của tỉnh.

Tuy nhiên, đa số các di tích đều bị xuống cấp nghiêm trọng, việc đầu tư tôn tạo lại tập trung vào một số di tích lớn. Mặt khác trong quá trình tôn tạo, tu bổ di tích thì các hạng mục công trình thiếu tính đồng bộ, hiện đại đã làm mất đi sự cổ kính vốn có của di tích, thay vào đó là sự ketch cỡm như hệ thống các cột xi măng được thay thế cho các cột gỗ, nền xi măng thay thế cho nền đất, nền gạch truyền thống Việt Nam, hoặc người ta đưa vào một số những hiện vật không phù hợp với di tích. Nạn xâm lấn đất đai của cư dân địa phương và của các ngành công nghiệp là rất phổ biến như việc khai thác để san lấp các khu công nghiệp của tỉnh.

Một số làng nghề truyền thống đang có nguy cơ bị thất truyền. Các nghệ nhân già nua, lớp trẻ không mấy quan tâm tới các nghề truyền thống, nhiều người phải chuyển sang nghề khác để đảm bảo cuộc sống. Hiện nay chưa có chính sách cụ thể đối với việc bảo tồn làng nghề truyền thống.

Các lễ hội tuy đã được khôi phục và duy trì song nhiều trò chơi dân gian truyền thống chưa được quan tâm đúng mức.

Các loại hình nghệ thuật như hát chèo, múa rối nước tuy có sự quan tâm của các nhà chức trách như việc quảng bá, phát triển vẫn chưa được chú ý.

Nhiều di sản văn hoá chỉ được đưa vào sinh hoạt cộng đồng mỗi dịp hội đến còn thường xuyên bị bỏ ngỏ, quên lãng. Việc khai thác lễ hội cũng tràn lan không chú trọng tới bản sắc cổ truyền.

Với những hạn chế còn tồn tại đó hy vọng ngành văn hoá du lịch Hải Dương sớm khắc phục được để gìn giữ, phát huy được những giá trị văn hoá của địa phương và thu hút đông đảo du khách đến thăm Hải Dương.

2.1.2. Tình hình quản lý du lịch sinh thái tại Hải Dương

Tình hình quản lý du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian qua đã đạt được kết quả tương đối tốt. Điển hình như ở Đảo Cò Chi Lãng Nam lên tới 1,3 vạn khách năm 2008. Tại đây đã quy hoạch, phân khu thăm quan. Toàn đảo đã trang bị 15 chiếc thuyền do người dân địa phương chuyên chở (hoàn toàn không dùng xuồng máy), tỉnh đã có kế hoạch trồng mới thêm nhiều cây xanh cho đàn cò trú ngụ. Du lịch phát triển nên đời sống của cư dân địa phương ngày càng phát triển hơn.

Khu du lịch Động Kính Chủ hàng năm cũng đã thu hút rất đông du khách về trải hội, lễ phật và khám phá núi đồi Kim Môn. Phòng văn hóa huyện Kim Môn được sự chỉ đạo của sở văn hóa tỉnh đã quy hoạch lại các khu di tích, làm mới các làn đường lên trên đống, trùng tu tôn tạo lại các công trình bị hư hại. Hay các khu miệt vườn ven sông Hương (Thanh Hà) cũng được quan tâm trú trọng quy hoạch nhằm phục vụ du khách về thưởng ngoạn phong cảnh nơi đây. Khu hồ Bạch Đằng, Hồ Côn Sơn đã có những ban vệ sinh môi trường thường xuyên hoạt động vớt rác, bảo vệ cảnh quan môi trường hồ, tỷ lệ thuyền hoạt động trong hồ đúng quy định và được quản lý chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn...

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì tình hình quản lý du lịch sinh thái của Hải Dương vẫn còn tồn tại những hạn chế như công tác quản lý chưa được đồng bộ. Việc xây dựng quy hoạch và bảo vệ tài nguyên tự nhiên vẫn chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa được không triệt để. Giáo dục nhận thức cho nhân dân địa phương chưa cao như vẫn còn tình trạng khai thác trái phép đá ở dãy núi đá vôi Kính Chủ, hiện tượng chèo kéo khách du lịch như khu vực động Kính Chủ, khu bờ hồ Bạch Đằng. Hay những tồn tại về vấn đề đường đi và vệ sinh công cộng khu miệt vườn Thanh Hà. Một số loài động thực vật ở đây đang bị hủy diệt bởi sự vô ý thức của người dân do việc phá rừng, san lấp để xây dựng các ngành công nghiệp. Các đàn cò, vạc tại khu du lịch sinh thái Đảo Cò, việc bảo vệ cò lỏng lẻo, người dân địa phương vẫn lên đảo lấy trứng cò, bắt cò non... gây ảnh hưởng xấu tới đàn cò.

Đó là những hạn chế còn tồn tại ở những điểm du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Hy vọng trong thời gian ngắn nhất sở văn hóa và du lịch Hải Dương sớm khắc phục được những hạn chế đó để phát triển du lịch sinh thái một cách bền vững, thu hút đông đảo khách du lịch.

2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng một vai trò hết sức quan trọng tạo và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thỏa mãn những nhu cầu của du khách. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển của ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật. Để đi sâu tìm hiểu nhằm sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật cần chú ý các thành phần chủ yếu sau:

2.2.1. Cơ sở lưu trú.

Thực hiện phương châm xã hội hoá du lịch trong những năm qua tỉnh Hải Dương đã quan tâm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh tham gia đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch. Nhờ vậy hệ thống cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong những năm gần đây

phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng cũng như loại hình. Hiện trên địa bàn tỉnh đã hình thành tương đối rõ nét 3 khu du lịch tập trung: Thành phố Hải Dương, khu du lịch và danh thắng Côn Sơn và khu danh thắng núi Phượng Hoàng.

Nếu như năm 2001 hệ thống cơ sở lưu trú trên toàn tỉnh mới chỉ là 30 khách sạn và nhà nghỉ có tổng số 557 phòng và buồng nghỉ. Thì đến năm 2009 toàn tỉnh đã có 105 cơ sở lưu trú đảm bảo chất lượng đủ tiêu chuẩn trong đó có 2 khách sạn 4 sao với > 300 phòng nghỉ. 14 khách sạn 1 đến 2 sao với 412 phòng, 16 điểm dừng chân, > 7000 cơ sở kinh doanh lĩnh vực ăn uống... Còn lại là khách sạn, nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn. Các cơ sở lưu trú quan tâm nâng cao các thiết bị, tiện nghi phục vụ, đào tạo lao động, đa dạng hóa các dịch vụ. Nhiều khách sạn chú trọng khai thác bản sắc văn hoá dân gian trong việc bài trí phục vụ các món ăn như nhà hàng: Asean, Phả Lại, Đồng Xanh. Đặc biệt là sự có mặt của khách sạn 4 sao Nacimex với 157 phòng đã tạo thế mạnh về sức hấp dẫn khách du lịch và khả năng cạnh tranh của du lịch Hải Dương.

Cơ sở lưu trú chủ yếu tập trung trong trung tâm thành phố Hải Dương (63%) và Chí Linh là (25%) công suất sử dụng phòng luôn đạt từ 60 - 70%. Còn lại là ở các địa phương khác. Trong đó có một số địa phương không có khách sạn, cơ sở lưu trú như ở Nam Sách... Hay khu du lịch sinh thái Đảo Cò (Thanh Miện) có 1 nhà nghỉ, chất lượng còn rất thấp.

Những hạn chế trong vấn đề kinh doanh cơ sở lưu trú đó là những cơ sở lưu trú chủ yếu tập trung chủ yếu ở trung tâm thành phố hay một số khu du lịch lớn nên khả năng đáp ứng linh động nhu cầu lưu trú của khách là rất thấp. Chất lượng của các cơ sở lưu trú còn rất hạn chế, đội ngũ lao động trong các cơ sở lưu trú không được đào tạo bài bản...

Hy vọng trong những năm tới ngành du lịch Hải Dương nói chung và các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh sẽ có nhiều cải tiến và khắc phục những hạn chế để nâng cao chất lượng của các cơ sở lưu trú nhằm đón tiếp khách du lịch

một cách có hiệu quả. Không những chỉ phục vụ khách du lịch nội địa mà còn hướng tới nguồn khách du lịch quốc tế.

Bảng tổng hợp các cơ sở lưu trú du lịch giai đoạn 2005 – 2009

Năm/ chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Tăng trưởng (%)
Tổng lượt khách	354	472	631	720	851	1100	1500	1900	27,1
Khách lưu trú	113	122	151	203	251	303	365	420	20,6
Khách quốc tế	27	26	31	38	51	60	82	100	20,6
Khách nội địa	86	96	120	165	200	243	283	320	20,7
Khách không lưu trú	241	350	480	517	600	797	1185	1480	29,6
Khách quốc tế	115	163	216	232	289	374	556	637	
Khách nội địa	126	157	264	285	311	423	629	843	

(Nguồn sở Thương mại và du lịch Hải Dương)

*** Kinh doanh lữ hành**

Theo thống kê của sở hiện có 18 cơ sở hoạt động kinh doanh lữ hành, chủ yếu là nội địa. Trên địa bàn tỉnh chưa có kinh doanh quốc tế.

Một số doanh nghiệp đã thành lập trung tâm lữ hành hướng dẫn du lịch nội địa.

Hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh đang mới bắt đầu được khởi sắc cần có sự khuyến khích đầu tư mạnh mẽ hơn.

2.2.2. Phương tiện vận chuyển.

Tình hình mạng lưới phương tiện vận chuyển tại Hải Dương trong những năm gần đây tăng nhanh cả về quy mô và chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao nhu cầu của du khách đi du lịch. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 20 doanh nghiệp kinh doanh phương tiện vận chuyển với quy mô lớn. Bên cạnh đó có 1 số hộ cá thể kinh doanh vận chuyển khách du lịch với tổng số trên 700 xe các loại (Năm 2003 là 180 xe). Các xe phần lớn được trang bị những thiết bị mới, hiện đại, đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn, lịch sự, an toàn. Một số doanh nghiệp tiêu biểu như Trường Sơn, Thành Đạt...

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế trong việc kinh doanh phương tiện vận chuyên như: doanh nghiệp kinh doanh vận chuyên chủ yếu tập trung ở trung tâm thành phố, vẫn còn tình trạng thiếu xe trong những dịp lễ hội hay vào mùa du lịch, trình độ ngoại ngữ của lái xe còn kém nên chỉ phục vụ khách nội địa là chủ yếu. Mong rằng các doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh sớm khắc phục những hạn chế đó để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu du lịch của du khách.

2.2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật khác.

Cơ sở vật chất kỹ thuật khác đó là các khu vui chơi giải trí, trung tâm văn hóa, trung tâm mua sắm, hệ thống siêu thị nhà hàng, khu chăm sóc sức khỏe, khu nghỉ dưỡng. Nhìn chung những cơ sở vật chất này trên địa bàn Hải Dương còn tương đối ít, mật độ tập trung không cao. Trung tâm Thành Phố Hải Dương có 3 siêu thị, trung tâm mua sắm: Siêu thị Hải Dương, siêu thị Intermex. ...những mặt hàng ở đây còn rất ít, thiếu sự đa dạng. Còn lại một số sân tennis, phòng massage, karaoke, bể bơi, có 1 nhà thi đấu, 1 cung văn hóa, khu vui chơi giải trí 3... chất lượng bình thường, chủ yếu phục vụ khách du lịch nội địa, mà chủ yếu tập trung tại các trung tâm du lịch và thành phố còn ở hầu khắp các xã thị trấn khác thì con số này lại là rất ít, thậm chí không có.

2.2.4. Lao động trong ngành du lịch tại tỉnh Hải Dương.

Con người Hải Dương năng động nhiệt tình, cần cù, chịu khó. Hải Dương lại có nguồn nhân lực dồi dào. Như vậy có thể đáp ứng được nhu cầu về lao động nói chung và lao động trong ngành du lịch nói riêng.

Theo kết quả điều tra, thống kê của sở Thương Mại - Dịch Vụ du lịch Hải Dương (lấy 80 đơn vị trong tổng số các đơn vị kinh doanh hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh). Năm 2008 có gần 8000 lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch, trong đó lao động trực tiếp là 2.700 người.

Trình độ học vấn		Trình độ ngoại ngữ	
Trình độ	Tỷ lệ (%)	Ngoại ngữ	Tỷ lệ (%)
ĐH, trên ĐH	12,03	Tiếng Anh	25,25
Cao Đẳng, Trung Cấp	28	Tiếng Pháp	0,54
THPT	59,97	Tiếng trung	6,24
Nghiệp vụ quản lý	10,46	Tiếng Nhật	3,2
HDV	13,8	Tiếng Hàn	4,3
Lễ tân	6,93	Tiếng Đức	0,7
Buồng	6,83	Ngoại ngữ khác	10,5
bàn	12,72	Không biết ngoại ngữ	49,27
Bếp	6,34		
Lái xe	5,89		
N.v bán hàng, bảo vệ...			

Theo những số liệu trên cho ta thấy lao động trong ngành du lịch của Hải Dương hết sức dồi dào hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu về lao động trong ngành du lịch. Tuy nhiên số liệu cũng cho ta thấy rằng lao động có trình độ chuyên môn còn rất hạn chế. Nhất là hướng dẫn viên.

2.3.Kết quả kinh doanh.

Theo số liệu thống kê của Sở Thương Mại và du lịch Hải Dương thì số lượt khách du lịch đến Hải Dương ngày càng tăng trong đó khách do cơ sở lưu trú phục vụ năm 2008 là 57,7%. Trong những năm gần đây lượng du khách về với Côn Sơn – Kiếp Bạc ngày càng tăng: Từ năm 2005 - 2009, mỗi năm thu hút từ 1 đến 1,3 triệu lượt khách, tăng khoảng 12 - 37%.

Bảng: Số doanh thu và đóng góp vào ngân sách của ngành du lịch Hải

Dương giai đoạn 2005 – 2008

(đơn vị tính: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm								
	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Tốc độ tăng trưởng BQ
Tổng thu nhập	120	140	167	206	300	360	465	530	24,3
Hoạt động lữ hành	0,8	7,1	9,0	9,2	16,0	17,6	19,5	18	56
Thuê buồng	13,2	23	26,5	28,5	45	62	90,5	125	37,8
Bán hàng ăn uống	40,3	35,6	40,4	45,3	60	82,8	95	120	16,8
Bán hàng hóa	35,2	28,5	32,1	50	64	60	80	110	17,6
Vận chuyển	16,3	30,9	38,2	44,8	65	87,2	105	109	31,8
Vui chơi giải trí	13,4	13	15,7	21,2	35	36,4	50	35	14,7
Nguồn hu khác	0,8	1,9	5,1	7,0	15	14	25	13	

(Nguồn sở Thương mại và du lịch Hải Dương)

Mặc dù đã đạt được kết quả cao song ngành du lịch Hải Dương vẫn bộc lộ rất nhiều hạn chế, yếu kém. Sản phẩm du lịch thì nghèo nàn, thời gian lưu trú của khách rất ngắn, chi tiêu mua sắm và vui chơi giải trí thấp. Lượng khách quốc tế đến Hải Dương còn quá ít, khách du lịch thuần túy không nhiều. Phần lớn khách du lịch quốc tế đến Hải Dương là các doanh nhân, những người làm ăn đến để tìm kiếm cơ hội đầu tư, tìm kiếm thị trường và hợp tác với tỉnh.

Các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch ở quy mô nhỏ trình độ kỹ năng và chất lượng dịch vụ, tính chuyên nghiệp chưa cao. Đặc biệt tỉnh Hải Dương chưa có doanh nghiệp lớn chuyên kinh doanh lữ hành. Công tác quảng bá xúc tiến nặng về tuyên truyền, không có chiến lược cụ thể rõ ràng, phù hợp

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI DƯƠNG. XÂY DỰNG TUYẾN DU LỊCH “HÀ NỘI – CẨM GIÀNG – THANH MIỆN – NINH GIANG – CHÍ LINH – THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG”

3.1. Giải pháp về quản lý và quy hoạch du lịch.

Du lịch là một ngành “công nghiệp không khói” nó đem lại một nguồn thu nhập rất lớn cho những vùng, những địa phương có các tài nguyên du lịch. Lợi ích thì rất rõ ràng tuy nhiên để khai thác du lịch một cách hiệu quả thì không phải là một vấn đề đơn giản. Nó cần được định hướng, quy hoạch một cách tổng thể và có tầm nhìn xa hơn so với những gì đang có. Do vậy việc quy hoạch quản lý của các cấp các ngành hết sức quan trọng.

Trong những năm qua công tác quản lý và quy hoạch ở Hải Dương còn nhiều bất cập: ở các điểm du lịch Sở Thương mại – Du lịch Hải Dương phối hợp chưa có hiệu quả với chính quyền địa phương nơi có tài nguyên du lịch trong việc bảo vệ cảnh quan cũng như việc bày bán các hàng hóa tại các điểm du lịch, công tác quản lý, kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn còn lỏng lẻo do các cơ sở này hoạt động tự phát. Về việc quy hoạch tuy đã được tiến hành song quy hoạch còn chậm, quy hoạch treo, chưa có quy hoạch chi tiết... do đó chưa thu hút được đầu tư.

Để thực hiện tốt việc quản lý và quy hoạch trong lĩnh vực du lịch cần thực hiện:

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý ở các di tích, các điểm du lịch để họ có những kiến thức quản lý giúp cho việc bảo tồn các tài nguyên được tốt hơn. Đồng thời tăng cường quyền hạn cho các ban quản lý trong khi giải quyết tình trạng xâm lấn, phá hoại di tích.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy của Sở thương mại và du lịch để tăng cường quản lý Nhà Nước đối với cơ sở kinh doanh du lịch, các điểm tài nguyên. Đồng thời cần đưa ra một cơ chế quản lý phù hợp tránh sự chồng chéo về quản lý giữa chính quyền địa phương và ngành du lịch nhất là quản lý đất đai ở các khu, điểm du lịch.

Cần đưa ra một số biện pháp để quản lý tình trạng lộn xộn của các tổ chức kinh doanh, nhà hàng, khách sạn. Đặc biệt là phải chấn chỉnh các hộ kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh trong việc bày bán hàng hóa không theo đúng quy định, chèo kéo khách.

Trong khi tiến hành quy hoạch cần xác định phạm vi bảo vệ tuyệt đối cho các di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh... giúp cho việc bảo tồn các tài nguyên này được tốt hơn.

Nhanh chóng quy hoạch chi tiết điểm du lịch chức năng như quy hoạch bảo tồn khai thác các di tích lịch sử văn hóa, các làng nghề, các lễ hội... để thu hút đầu tư, nhanh chóng đưa vào khai thác, đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững.

Trong các giải pháp thực hiện quy hoạch thì ngành du lịch Hải Dương cần chú trọng việc ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong tỉnh kinh doanh du lịch.

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch

Tăng cường chất lượng dịch vụ trên cả ba góc độ: thái độ phục vụ, tính đa dạng, tiện nghi của hàng hóa, dịch vụ và khả năng sẵn sàng phục vụ dịch vụ, tiếp đón khách.

Thường xuyên tiến hành đánh giá xếp loại các cơ sở lưu trú, ăn uống, các loại phương tiện vận chuyển khách và hệ thống dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc gia quốc tế và có những quy định chặt chẽ về tiện nghi và chất lượng dịch vụ trong hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Trên cơ sở những quy định thống nhất, cần tiến hành kiểm tra thường xuyên để đảm bảo chất lượng các cơ sở vật chất kỹ thuật và hệ thống dịch vụ không bị xuống

cấp. Khuyến khích các cơ chế chính sách qua tâm trong việc đầu tư xây dựng các nhà hàng, khách sạn, các phương tiện vận chuyển khách, các cơ sở vui chơi giải trí cùng hệ thống dịch vụ có chất lượng cao.

3.3. Các giải pháp đầu tư du lịch.

Khuyến khích cả đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước (cả đầu tư nhà nước và đầu tư tư nhân)

Hải Dương là tỉnh có nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng. Việc khai thác các nguồn tài nguyên du lịch vào phát triển du lịch vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Vì vậy ngành du lịch Hải Dương cần phải tăng cường khai thác thu hút đầu tư để khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên đưa ngành du lịch của tỉnh ngày càng phát triển.

Chính sách thu hút đầu tư sẽ giúp cho việc bảo tồn tôn tạo tài nguyên như đầu tư nghiên cứu bảo vệ đàn cò đảm bảo sự lưu trú lâu dài của chúng hay đầu tư trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa đang bị xuống cấp nghiêm trọng... khi thu hút đầu tư tránh sự đầu tư dàn trải.

Về chính sách ưu đãi thu hút đầu tư thì ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có thể miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm đầu và giảm 50% thuế trong một năm tiếp theo hoặc như một số ưu đãi khác như lãi suất ngân hàng, trả chậm hay được tạo mọi điều kiện về thủ tục hành chính, đảm bảo thời gian nhanh nhất với cơ chế “Một cửa một đầu mối”.

Khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư vào các lĩnh vực như các cơ sở vui chơi giải trí hiện đại, các khách sạn hiện đại và tiện nghi 3 - 5 sao, các siêu thị lớn... để đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, mua sắm của du khách đặc biệt là khuyến khích đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường đây là khâu quan trọng trong đầu tư vào du lịch Hải Dương.

3.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch.

Thường xuyên tiến hành điều tra đánh giá, phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn bộ cán bộ nhân viên làm trong ngành của địa phương và của quốc

gia. Dựa trên kết quả điều tra tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể các cấp trình độ khác nhau, theo các chuyên ngành khác nhau cho phù hợp.

Tổ chức đào tạo lại và đào tạo mới ngày càng tốt hơn cán bộ công nhân viên ngành du lịch dưới hình thức tại chỗ, chính quy, ở trong nước, nước ngoài, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của ngành du lịch.

Xây dựng chương trình giáo dục nâng cao hiểu biết về du lịch, cách ứng xử với du khách và bảo vệ môi trường, đặc biệt ở những địa bàn có các điểm du lịch quan trọng.

Tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giữa các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Tổ chức các hội nghị hội thảo để trao đổi kinh nghiệm.

3.5. Giải pháp về giáo dục cộng đồng

Một trong những yếu tố quan trọng góp phần tích cực vào việc bảo vệ nguồn tài nguyên môi trường du lịch đó chính là việc giáo dục cộng đồng. Hiện nay các loại tài nguyên đặc biệt là tài nguyên nhân văn đang bị xuống cấp nghiêm trọng và bị mai một dần, môi trường ở các điểm du lịch đang bị ô nhiễm nghiêm trọng do hiện tượng vứt rác bừa bãi. Trong khi đó dân cư địa phương và du khách vẫn chưa thấy hết được các giá trị của tài nguyên, chưa có ý thức bảo vệ môi trường. Do đó cần có kế hoạch bảo vệ môi trường. Cần tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân và du khách về các giá trị của các tài nguyên, và giữ gìn cảnh quan môi trường:

Đối với cộng đồng dân cư địa phương cần tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về giá trị các tài nguyên môi trường với hoạt động du lịch. Giáo dục giúp cho nhân dân hiểu được hoạt động du lịch sẽ đem lại công ăn việc làm và làm giàu cho họ. Bên cạnh đó cần có thái độ ứng xử có văn hóa đối với du khách.

Tuyên truyền nhân dân có các công trình nhà ở phù hợp với cảnh quan thiên nhiên.

Hàng năm cần dành một tỷ lệ thỏa đáng từ nguồn thu du lịch cho các chương trình giáo dục nâng cao hiểu biết của cộng đồng đối với các loại tài nguyên và môi trường.

Đối với du khách thì cần tuyên truyền giáo dục họ không được xả rác bừa bãi cũng như không có hành động phá hoại tại các điểm du lịch như: viết, khắc tên lên cây, lên vách đá, sờ vào hiện vật có giá trị... Muốn vậy tại các điểm du lịch cần có hệ thống các thùng rác, các biển chỉ dẫn, báo hiệu hay các rào chắn để du khách làm theo.

3.6. Giải pháp nghiên cứu thị trường và quảng bá du lịch.

Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các thị trường hiện tại và thị trường tiềm năng là nhiệm vụ tất yếu đối với du lịch.

Cần xây dựng các chiến lược và kế hoạch để phát triển, mở rộng thị trường du lịch trong nước và ngoài nước nhằm hòa nhập vào với thị trường du lịch thế giới. Hiện nay đa số các du khách khi đến với du lịch Hải Dương đều thiếu những thông tin về các điểm đến. Các nguồn thông tin chính thức được phát hành thường ít và không phong phú. Do vậy nhiệm vụ đặt ra là:

Cần biên soạn và phát hành những ấn phẩm có chất lượng và thông tin chính xác về du lịch để giới thiệu với khách du lịch về con người, cảnh quan tài nguyên du lịch nơi đến, những thông tin cần thiết như hệ thống các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, các điểm vui chơi giải trí, giá cả sinh hoạt, đi lại, ăn uống... địa chỉ các đường dây nóng có thể hỗ trợ và tư vấn cho khách du lịch mọi lúc mọi nơi.

Mở rộng mối quan hệ đối với thị trường các vùng lân cận như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh để có thể kết hợp với các điểm du lịch có thể thành lập được các tuor tuyến du lịch hấp dẫn, kéo dài thời gian lưu trú của khách.

Tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm các làng nghề ở các hội chợ du lịch các chương trình Festival của Hải Dương với các chủ đề mang đặc trưng của mảnh đất này nhằm gây sự chú ý của khách .

Thường xuyên tạo ra các chương trình du lịch mới, hấp dẫn thu hút khách. Qua đó có thể giới thiệu hết được vẻ đẹp của Hải Dương tới bạn bè du khách gần xa.

3.7. Một số chương trình du lịch nội, ngoại tỉnh đang được triển khai ở Hải Dương.

3.7.1. Chương trình du lịch nội tỉnh

Chương trình 1: *Thành phố Hải Dương – Văn Miếu Mao Điền (Cẩm Giàng) – đình chùa, làng nghề vàng bạc Châu Khê – Nhà thờ Kẽ Sắt (Bình Giang) – làng Mộ Trạch – Đền Suối – Thành Phố Hải Dương.*

Chương trình 2: *Văn Miếu Mao Điền – Chùa Giám – Đền Tranh – Đền thờ Khúc Thừa Dụ - Đảo Cò.(1 ngày)*

Sáng: Khởi hành từ thành phố Hải Dương

Đến đảo Cò, đi thuyền tham quan đảo

Thăm quan đền thờ Khúc Thừa Dụ, thăm làng mộc Cúc Bồ và xem biểu diễn rối nước ở phường rối nước Hồng Phong.

Thăm quan đền Tranh

Ăn trưa tại Thị Trấn Ninh Giang và mua sắm đặc sản bánh gai

Chiều: Thăm quan văn miếu Mao Điền

Thăm quan chùa Giám

Về thành phố Hải Dương.

Chương trình 3: *Thành phố Hải Dương - làng gốm Chu Đậu – Vườn vải Thanh Hà – Thành phố Hải Dương.*

Chương trình 4: **“Du lịch về miền đất học”**

Văn Miếu Mao Điền (Cẩm Giàng) – Làng Mộ Trạch (Bình Giang) – Tiểu Ân Cổ Bích – Tinh Phi Cổ Tháp – Trạng Nguyên Cổ Đường.

Chương trình 5: **“ Về với doanh nhân”**

Đền thờ Nguyễn Trãi (Côn Sơn- Chí Linh) – Đền thờ Trần Hưng Đạo (Kiếp Bạc – Chí Linh) – Đền thờ Chu Văn An (Phượng Hoàng- Chí Linh) – Đền thờ Danh Y tuệ Tĩnh (Cẩm Giàng)

3.7.2. Chương trình du lịch liên tỉnh.

Chương trình 1: “Dấu ấn xứ đông”

*Hà Nội – Đền Quát – Đền Vàng – Làng thêu ren Xuân Nẻo (Tứ Kỳ) –
phường múa rối nước Hồng Phong – khu sinh thái Đảo Cò Chi Lăng Nam
(Thanh Miện) (2 ngày 1 đêm)*

Ngày 1: Tham gia và dự hội đền Quát – lễ hội truyền thống và tiêu biểu của vùng sông nước đồng bằng bắc bộ.

Ăn trưa tại thị trấn Gia Lộc

Chiều tham quan đền Vàng, tham quan làng nghề truyền thống thêu ren Xuân Nẻo (Tứ Kỳ)

Ăn tối và nghỉ tại Thành Phố Hải Dương

Ngày 2: Đến phường múa rối nước Hồng Phong.

Tham quan đình Cúc Bồ - Đình cổ với dáng cổ nghiêm trang.

Ăn trưa tại thị trấn Ninh Giang

Chiều thăm Đảo Cò

Về Hà Nội, kết thúc chương trình.

(Giá 861.000 vnd/khách. Đoàn 15 khách trở lên.)

Chương trình 2: “Hành trình du lịch gốm sứ”

Hoàng thành Thăng Long – Gốm Bát Tràng (Hà Nội) – Gốm sứ Thổ Hà (Bắc Giang) – Gốm Phù Lãng (Bắc Ninh) – Gốm Cây – Gốm Chu Đậu (Hải Dương) – Gốm Đông Triều (Quảng Ninh).

Chương trình 3: “Theo dấu chân thiền phái Trúc Lâm”

*Chùa Yên Tử (Quảng Ninh) – Chùa Thanh Mai – Chùa Côn Sơn –
Huyền Thiên Cổ Tự (Hải Dương)*

Chương trình 4: *Hà Nội - Hải Dương – Yên Tử - Hạ Long – Bái Tử Long
(2 ngày 1 đêm)*

Ngày 1: Hà Nội – Hạ Long

Sáng: xuất phát từ Hà Nội đi thăm Hạ Long

Trưa: Ăn trưa trên tàu và thăm vịnh (Động Thiên Cung, đảo Ti tốp)

Tối: xem biểu diễn nghệ thuật tại đảo Tuần Châu

Ngày 2: Hạ Long – Côn Sơn – Hà Nội

Sáng: từ Hạ Long về thăm Côn Sơn Kiếp Bạc, ăn trưa tạ Kiếp Bạc

Chiều: Thăm Côn Sơn và về Hà Nội.

Chương trình du lịch đường sông:

Sông Hồng (Hà Nội) tham quan làng gốm Bát Tràng – theo dòng sông Đuống hoặc Sông Cầu du khách tham quan Chùa Dâu, Chùa Bút Tháp, Làng Tranh Đông Hồ của Bắc Ninh – dọc Sông Thái Bình du khách sẽ tham quan làng gốm Chu Đậu (Nam Sách Hải Dương). Đến Bến Bình Than - Lục Đầu Giang (Quần thể di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc – Danh Thắng Phụng Hoàng, Chí Linh Bắc Cỗ...) theo dòng sông Kinh Thầy đến thăm các di tích đền gồm – Thị Trấn Phả Lại, di tích danh thắng An Phụ - Kính Chủ (Nam thiên đệ lục động), Làng Chạm Khắc Đá- Đền Cao hay xuôi theo dòng sông Kinh Thầy đến khu Nhị Chiểu thăm hệ thống hang động, chùa chiền. Từ Nhị Chiểu bằng đường thủy du khách có thể tiếp tục đến với Hạ Long - Một di sản thiên nhiên nổi tiếng thế giới. Hà Nội – Hưng Yên – Bắc Ninh – Côn Sơn – Kiếp Bạc và Quảng Ninh – Hải Phòng.

3.8. Xây dựng tour du lịch điển hình.

Chương trình du lịch “Thành Đông Điểm Hẹn”

Hà Nội - Cẩm Giàng – Thanh Miện – Ninh Giang – Chí Linh.

(2 ngày 1 đêm dành cho đoàn 30 người phương tiện vận chuyển ô tô)

Ngày 1:

Sáng: 6h00: Xe và hướng dẫn viên đón đoàn tại điểm hẹn đi Hải Dương

6h45: Đoàn dừng chân ăn sáng tại Hưng Yên

7h30: Đoàn đến thăm Văn Miếu Mao Điền – Nơi tôn vinh đạo học tỉnh Đông.

8h30: Đoàn đi thăm Đền Bia và Chùa Giám – nơi thờ vị Đại Danh Y Tuệ Tĩnh.

9h15: Đoàn đi Thanh Miện. Trên đường đi thăm Đảo Cò Chi Lãng Nam đoàn ghé thăm Làng Mộ Trạch – “*Lò Luyện Tiến Sĩ Xứ Đông*”

10h15: Đoàn lên thuyền thăm Đảo Cò – Khu du lịch sinh thái cấp quốc gia (cùng chiêm ngưỡng đời sống của đại gia đình các loài cò, vạc, chim nước)

11h20: Về Ninh Giang đến thăm đền thờ Khúc Thừa Dụ - cụm đình đền mang kiến trúc đặc sắc dân tộc.

12h00: Đoàn dừng chân tại thị trấn Ninh Giang- tìm hiểu và cùng tham gia làm bánh gai tại xưởng bánh gai Bà Tới. Thưởng thức và mua bánh gai Ninh Giang - Đặc sản Hải Dương.

12h30 : Đoàn ăn trưa tại Nhà hàng Xanh (Ninh Giang) – thưởng thức hương vị đồng quê của các món ăn.

Chiều:14h30: Đoàn về Chí Linh nhận phòng và nghỉ ngơi tại khách sạn Hồ Côn Sơn.

15h00: Đoàn thăm sân Golf Ngôi Sao Chí Linh “*sân golf thách thức nhất Việt Nam*”, tham gia tập chơi Golf.

17h00: Đoàn ăn tối tại khách sạn Hồ Côn Sơn

Tối: Đoàn tự do khám phá Hồ Côn Sơn về đêm.

Ngày 2:

Sáng: 6h00: Đoàn ăn sáng tại khách sạn

7h00: Đoàn Thăm Đền Thờ thầy giáo Chu Văn An – người thầy của muôn đời

8h30: Đoàn đến thăm, khu di tích, danh thắng Côn Sơn – tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của 3 vị tổ tiên phái Trúc Lâm - một thiên phái mang sắc thái dân tộc sâu sắc. Khám phá chinh phục núi rừng Chí Linh để đến với bàn cờ tiên.

Trưa :11h30: Đoàn trở về khách sạn ăn trưa, trả phòng.

Chiều:13h00: Đoàn thăm Kiếp Bạc và khu bày chiến của Trần Hưng Đạo giữa dòng Lục Đầu Giang.

15h00 : quý khách lên xe đi thăm quan các gian hàng trưng bày, bán sản phẩm tại thành phố Hải Dương. Quý khách tự do mua sắm đặc sản Hải Dương.

17h00 : Quý khách lên xe trở về Hà Nội. Kết thúc chương trình. Chia tay, hẹn gặp lại đoàn!

Chúc quý khách có chuyến du lịch an toàn, thú vị!

Đây là Tuor kết hợp du lịch văn hóa và hoạt động du lịch nghỉ dưỡng. Chỉ với 2 ngày du khách có thể tìm hiểu những địa danh nổi tiếng của Hải Dương – Nơi mang đậm các giá trị văn hóa Xứ Đông.

Tạm rời xa không khí náo nhiệt và ồn ã của trồn phố hoa đô thị du khách sẽ được hòa mình vào cảnh sắc thiên nhiên của hương rừng gió núi để được hít thở bầu không khí trong lành yên tĩnh, tận hưởng cảm giác thoải mái khi ngồi nghỉ ngơi dưới gốc thông già mấy trăm năm tuổi, ngửa mặt lên trời xanh thăm tìm cảm giác bay bổng lên thơ của Danh Nhân Văn Hóa Nguyễn Trãi xưa kia. Tìm hiểu về thiền phái Trúc Lâm. Hay thỏa sức phóng tầm mắt nhìn bầu trời rộng lớn trên đỉnh Bàn Cờ Tiên, còn được thử sức tài leo núi, xuyên rừng của mình, tận tay hái những quả sim chín mọng và đùa nghịch với dòng suối mát rượi của núi rừng Côn Sơn.

Tham gia chơi các môn thể thao Golf – một môn thể thao giành cho giới thượng lưu.

Hấp dẫn khi đi Tuor là du khách được tìm hiểu về cuộc đời sự nghiệp của nhà giáo Chu Văn An – người thầy của muôn đời, lưỡng quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi và xúc động, cảm phục khi nghe kể về chiến công lừng lẫy của nhà quân sư thiên tài Trần Hưng Đạo. Được tự tay gói những chiếc bánh gai tại cơ sở bánh gai Bà Tới (Thị trấn Ninh Giang) và thưởng thức tác phẩm của mình. Khi tham dự Tuor này quý khách sẽ được tìm hiểu về Ninh Giang một mảnh đất “Ngã ba sông” một huyện mang nhiều dấu ấn lịch sử của một vùng phồn hoa đô thị xứ đông xưa kia để tìm hiểu về lịch sử và những công lao sự nghiệp của họ Khúc tại cụm đình đền Khúc Thừa Dụ. Một điểm

du lịch mới được trùng tu và xây mới nhưng lại mang đậm nét truyền thống. Và quý khách có thể được thỏa thích mua sắm tại các trung tâm thương mại, giới thiệu sản phẩm tại các cửa hàng tại thành phố hải dương và rất rất nhiều những thú vị khác đang chờ các bạn khám phá.

***Đánh Giá:**

Đây là Tuor du lịch kết hợp sinh thái, nhân văn phù hợp với nhiều đối tượng. Đáp ứng trí tò mò, vui chơi cho đối tượng khách là các bạn trẻ học sinh sinh viên. Đáp ứng nhu cầu tìm hiểu dân tộc, kiến trúc mỹ thuật nghỉ dưỡng cho người già, giải trí đối với giới thượng lưu.

Khoảng cách khá thuận tiện: Văn Miếu Mao Điền cách đường 5A khoảng 200m. Chùa Giám cách Văn Miếu Mao Điền khoảng 4km, Đền Bia cách Chùa Giám 2km.

Đảo Cò cách thành phố Hải Dương 30km, giao thông rất thuận tiện.

Ninh Giang cũng là một điểm du lịch khá mới nhưng hấp dẫn, cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu của du khách. Giao thông được xây dựng mới khá hoàn thiện. Trên địa bàn huyện có rất nhiều khu vui chơi giải trí, ăn, nghỉ cho du khách.

Ngã ba Sao Đỏ rẽ theo quốc lộ 18 đến sân Golf Chí Linh, Đền Thờ Chu Văn An, Côn Sơn, Kiếp Bạc... Các khu du lịch này có đầy đủ các loại hình dịch vụ du lịch có thể đáp ứng được nhu cầu của du khách. Cơ sở vật chất tương đối hiện đại. Du khách có thể đến các tháng trong năm.

Hạn chế: Ngoài Côn Sơn – Kiếp Bạc có đầy đủ các loại hình dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên điếm, còn lại ở hầu hết các điểm thì chưa có hoặc có nhưng chất lượng chưa cao. Như ở Đảo Cò chỉ có duy nhất một nhà nghỉ nhưng chất lượng rất kém.

Minh Giang là một điểm du lịch khá mới nên còn lúng túng trong khâu tổ chức và tiếp đón khách.

Khách đến tham quan nhưng chưa gây được ấn tượng, hầu hết các khách chỉ đến thăm một lần và tái trở lại thì cần một thời gian khá dài. Khách tự tham quan tìm hiểu nên chưa cảm nhận hết được các giá trị của các điểm.

Các điểm đến còn ít các hoạt động vui chơi giải trí, mang nặng tính thời vụ. Khách đến chủ yếu vào các dịp lễ hội. Khách đến ngày thường thì không chiêm ngưỡng toàn bộ nét đẹp văn hóa riêng của mỗi vùng mà chỉ đơn thuần là tham quan di tích. Vào các dịp lễ hội thì thường đông nên gây ra hiện tượng chen lấn xô đẩy, không đảm bảo. Sân Golf còn phải mua vé nên không phổ cập đối với khách bình dân và học sinh sinh viên...

Các gian hàng trưng bày, bán sản phẩm tại thành phố Hải Dương còn nghèo nàn về chủng loại và số lượng. Các sản phẩm quen thuộc, thiếu sự mới lạ đối với du khách.

Các khoản chi phí chuyến đi:

Ô tô : 7.000.000vnd/2 ngày.

Vé thuyền thăm Đảo Cò : 10.000vnd/khách

Vé thăm quan Côn Sơn – Kiếp Bạc : 10.000/khách.

Vé thăm sân Golf : 50.000/khách.

Ăn : Bữa chính 80.000 x 3 bữa = 240.000/khách .

Ăn phụ 20.000 x 2 bữa = 40.000/khách

⇒ Ăn = 280.000/khách

Ngủ phòng đôi: 250.000 : 2 người = 125.000/ khách.

Hướng dẫn viên: 200.000/1 ngày x 2 ngày = 400.000/ đoàn

Hướng dẫn viên điểm : 100.000/đoàn

Bảo hiểm : 1.500/ ngày/ khách x 2 ngày = 3000/ khách

STT	Khoản chi phí	Chi phí cố định (FC)	Chi phí biến đổi (VC)
1	Vận chuyển (ô tô)	7.000.000	
2	Vé thuyền thăm Đảo Cò		10.000
3	Vé thăm Côn Sơn - Kiếp Bạc		10.000
4	Vé thăm sân Golf		50.000
5	Ăn		280.000
6	Ngủ		125.000
7	Hướng dẫn viên	400.000	
8	Bảo hiểm		3000
9	Hướng dẫn viên điếm	100.000	
Tổng		7.500.000	478.000

Xác định giá thành:

$$Z_k = \sum VC + \sum FC / Q$$

$$ZK = 478.000 + 7.500.000/30 = 728.000\text{vnd}/\text{người}$$

$$ZĐ = \sum VC \times Q + \sum FC$$

$$ZĐ = 478.000 \times 30 + 7.500.000 = 21.840.000\text{vnd}$$

Giá bán đã bao gồm thuế:

$$ZK = 728.000 \times 1.1 = 808.000 \text{ vnd}$$

$$ZĐ = 21.840.000 \times 1.1 = 24.024.000\text{vnd}$$

Vậy với giá **808.000** vnd quý khách đã có thể thưởng thức một Tour du lịch nhân văn sinh thái đầy thú vị.

Xin chúc quý khách một chuyến đi vui vẻ!

KẾT LUẬN

Hải Dương là một tỉnh có nhiều lợi thế, hội tụ đầy đủ các điều kiện tự nhiên, nhân văn để có thể trở thành một trong những điểm đến lý tưởng cho khách du lịch.

Để du lịch Hải Dương thực sự phát triển, khai thác được các lợi thế, tiềm năng của mình thì cần đòi hỏi có sự quản lý, định hướng khai thác một cách có hiệu quả, tầm nhìn lâu dài, bài bản. Và đặc biệt cần có sự chung tay góp sức của tất cả các ngành và của nhân dân địa phương cùng hợp tác khai thác, bảo tồn.

Qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và với tư cách là một người con quê hương em xin mạnh dạn đề xuất một số giải pháp và xây dựng một chương trình du lịch văn hóa sinh thái trên mong góp một tiếng nói nhằm góp phần đưa Hải Dương trở thành một điểm đến của du khách.

Tuy là một sinh viên đại học sắp tốt nghiệp nhưng kiến thức hiểu biết còn rất hạn chế. Kinh nghiệm thực tế không nhiều, các giải pháp đề xuất chỉ mang tính ý kiến cá nhân. Vì vậy rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô, các nhà khoa học, nghiên cứu và các bạn để em có thể bổ sung kiến thức cho bản thân được tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thực hiện đề tài” *Điều tra hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác nguồn tài nguyên du lịch để phát triển bền vững ở Hải Dương*” - UBND tỉnh Hải Dương, Sở Thương Mại - Du Lịch Hải Dương.
 2. Nguyễn Minh Tuệ “*Địa lý du lịch*“, nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, 1997.
 3. Hoàng Đức Thịnh, đặc điểm khí hậu tỉnh Hải Hưng, Ban Khoa học và kỹ thuật Hải Hưng, xuất bản 1982.
 4. TS.Hà Bạch Đằng Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương Chủ tịch hội đồng biên soạn, “*Địa Chí Hải Dương*”, NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
 5. Tăng Bá Hoành, *Hải Dương di tích và danh thắng*, Sở Văn Hoá Thông Tin - 1999
 6. Ngô Thúy Nguyên (chủ biên), *lịch sử tỉnh Hải Dương*, Sở Giáo Dục Đào Tạo tỉnh Hải Dương, 2000.
 7. Chu Viết Luân, *Hải Dương thế và lực mới trong thế kỉ XXI* - NXB chính trị quốc gia- 2004.
 8. Phạm Trung Lương, *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục.
 9. “*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương*”- UBND tỉnh Hải Dương, Sở Thương Mại- Du Lịch Hải Dương.
 10. Bùi Thị Xuyên, *ngiên cứu tài nguyên du lịch của tỉnh Hải Dương*, chuyên ngành địa lý kinh tế và chính trị. Luận án thạc sỹ khoa học địa lý địa chất, Hà Nội 1997
 11. Bùi Thị Hải Yên, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*.
 12. Bùi Thị Hải Yên, *Bài Giảng Quy Hoạch Du Lịch Việt Nam*.
- Internet**
13. Google.com.vn
 14. www.HaiDuong.gov.vn
 15. <http://vi.wikipedia.org>

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Một số tranh ảnh minh họa

PHỤ LỤC 2: Danh thắng và di tích xếp hạng của Hải Dương

PHỤ LỤC 3: Nghề cổ truyền ở Hải Dương

PHỤ LỤC 4: Lễ hội truyền thống Hải Dương

PHỤ LỤC 5: Bản Đồ



Sân Golf Ngôi Sao Chí Linh



Chùa Côn Sơn



Chùa Giám (Cẩm Giàng)



Khu di tích Kiếp Bạc



Đảo Cò Chi Lăng Nam (Thanh Miện)



Cụm Đình Đền Khúc Thừa Dụ (Ninh Giang)



Đền Bia (Cẩm Giàng)



Văn Miếu Mao Điền (Cẩm Giàng)



Đền Thờ Chu Văn An (Chí Linh)



Bánh Gai (Ninh Giang)



Bánh Đậu Xanh Hải Dương



Vải Thiều Thanh Hà



Gốm Sứ Chu Đậu



Nghệ nhân sản xuất gốm



PHỤ LỤC 2
126 di tích được xếp hạng quốc gia
(Tính đến hết năm 2003 của tỉnh Hải Dương)

TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM (XÃ, HUYỆN)	NỘI DUNG, Ý NGHĨA
Côn Sơn	Cộng Hòa – Chí Linh	Danh Thắng
Kiếp Bạc	Hưng Đạo – Chí Linh	Lịch Sử
Chùa Thanh Mai	Hoàng Hoa Thám – Chí Linh	Lịch Sử
Đền cao	An Lạc – Chí Linh	Lịch Sử
Đền Góm	Cổ Thành - Chí Linh	Lịch Sử
Đình Chí Linh	Nhân Huệ - Chí Linh	Kiến trúc nghệ thuật
Đền Sinh – Đền Hóa	Lê Lợi - Chí Linh	Lịch Sử
Khu Di tích Phượng Hoàng	Văn An - Chí Linh	Lịch Sử
Đền Quốc Phụ	Chí Minh- Chí Linh	Lịch Sử
Đình Nhân Lý	Thị Trấn – Nam Sách	Kiến trúc nghệ thuật
Chùa An Ninh	An Bình - Nam Sách	Lịch Sử
Đình Vạn Niên	Thị trấn Nam Sách	Lịch Sử
Từ Vũ Thượng Đáp	Nam Hồng - Nam Sách	Lịch Sử
Di tích khảo cổ học Chu Đậu	Nam Tân Nam Sách	Lịch Sử
Đình Đầu	Ái Quốc - Nam Sách	Kiến trúc nghệ thuật
Nghè Đồn	Ái Quốc - Nam Sách	Lịch Sử
Đền Long Động	Ái Quốc - Nam Sách	Lịch Sử
Đình, Chùa Vũ Thượng	Tiền Tiến – Thanh Hà	Kiến trúc nghệ thuật
Đình Chùa văn Xá	Thị Trấn Thanh Hà	Lịch Sử
Châu Cả	Thanh Xá - – Thanh Hà	Lịch Sử
Đình Lôi Động	Tân An – Thanh Hà	Lịch Sử
Đền Ngọc Hoa	Tân An - Thanh Hà	Lịch Sử
Đền An Liệt	Thanh An - Thanh Hà	Lịch Sử
Chùa Đồng Leo	Thanh Hải - Thanh Hà	Lịch Sử
Đình Thúy Lâm	Tiền Tiến - Thanh Hà	Lịch Sử
Đền Từ Hạ	Thanh Sơn - Thanh Hà	Lịch Sử
Miếu Từ Giáp	Tân An - Thanh Hà	Lịch Sử
Chùa ngọc Lộ	Tân Việt Thanh Hà	Kiến trúc nghệ thuật
Động Kính Chủ	Phạm Mệnh Kim Môn	Danh thắng
Đình Huê Trì	An Phụ Kim Môn	Lịch Sử
Đền Ngư Uyên	Long Xuyên Kim Môn	Lịch Sử
Đền An Phụ	An Sinh Kim Môn	Lịch Sử
Động Hàm Long, Tâm	Minh Tân Kim Môn	Danh thắng

Long, Đốc Tít		
Hang Chùa Mộ	Tân Dân Kim Môn	Danh thắng
Đình Chùa Khuê Bích	Thượng Quận Kim Môn	Lịch Sử
Đình Ninh Xá	Lê Linh Kim Môn	Lịch Sử
Đình chùa An Thủy	Hiển Thành Kim Môn	Lịch Sử
Chùa Linh Ứng- Cầu Đá Hà Tràng	Thăng Long Kim Môn	Kiến trúc nghệ thuật
Đình Đông Quan	Quang Trung Kim Môn	Lịch Sử
Đình Xạ Sơn	Quang Trung kim Môn	Lịch Sử
Đền Thiên Kỳ	Hoành Sơn Kim môn	Lịch Sử
Chùa Muống	Ngũ Phúc Kim Thành	Lịch Sử
Đình Chùa Dưỡng Thái	Đại Đức Kim Thành	Lịch Sử
Đình Kiên Lao	Kim Đính Kim Thành	Lịch Sử
Chùa Linh Quang	Kim Lương Kim Thành	Kiến trúc nghệ thuật
Đình Lương Xá	Kim Đính Kim Thành	Kiến trúc nghệ thuật
Cửu Phẩm Liên Hoa Chùa Khánh Quan	Đoàn Tùng Thanh Miện	Lịch Sử
Đình Đào Lâm	Thanh Tùng Thanh Miện	Lịch Sử
Đình Đông	Lam Sơn Thanh Miện	Lịch Sử
Đình Kim Trang	Tự cường Thanh Miện	Lịch Sử
Đình chùa Gia Cốc	Đoàn Kết Thanh Miện	Lịch Sử
Đình Thủ Pháp	Phạm Kha Thanh Miện	Lịch Sử
Đình Đạo Phái		Lịch Sử
Đình Đỗ Lâm Thượng	phạm Kha Thanh Miện	Lịch Sử
Đình Đỗ Lâm Hạ	Phạm Kha Thanh Miện	Lịch Sử
Đình Đoàn Lam và Lãng Đỗ uông	Thanh Tùng Thanh Miện	Lịch Sử
Đền Từ Xá	Đoàn kết Thanh Miện	Lịch Sử
Chùa Nhữ Xá	Hồng Quang Thanh Miện	Lịch Sử
Đàn Thiện	Tứ Cường Thanh Miện	Lịch Sử
Khu Di Tích Đình Văn Tả	Phường Quang Trung tp Hải Dương	Lịch Sử
Đình Đền Chùa Bảo Sái	Phường Phạm Ngũ Lão tp Hải Dương	Lịch Sử
Đình Đền Sượt	Phường Thanh Bình TP Hải Dương	Lịch Sử
Đình Ngọc Uyên	Phường Thanh Bình Tp Hải Dương	Lịch Sử
Đình Tự Đông	Phường Việt Hòa Tp Hải Dương	Lịch Sử

Đền Quát	Yết Kiêu Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Phương Điểm	Phương Hưng Gia Lộc	Lịch Sử
Khu di tích Nguyễn Chế Nghĩa	Thị Trấn Gia Lộc	Lịch Sử
Đình đền chùa Đồng Bào	Gia Xuyên Gia Lộc	Lịch Sử
Đền vàng	Gia Xuyên Gia lộc	Lịch Sử
Đình An Tân	Gia Tân Gia Lộc	Lịch Sử
Miếu Chợ Cốc	Gia Khánh Gia Lộc	Lịch Sử
Đền Đuôi	Thống Nhất Gia Lộc	Lịch Sử
Chùa Dâu	Nhật Tân Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Liễu Tràng	Tân Hưng Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Đồng Tái	Thống Kênh Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Quán Đào	Tân Tiến Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Vô Lượng	Thống Nhất Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Trình Xá	Gia Lương Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Cao Dương	Gia Khánh Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Xá Hạ	Lê Lợi Gia Lộc	Lịch Sử
Miếu Lai Cầu	Tân Tiến Gia Lộc	Lịch Sử
Đình Hậu Bồng	Thống Nhất Gia Lộc	Lịch Sử
Chùa Đông Dương	Quang Minh Gia Lộc	Lịch Sử
Chùa Phúc Duyên	Mình Đức Tứ Kỳ	Kiến trúc nghệ thuật
Chùa Khánh Linh	Tân Kỳ Tứ Kỳ	Lịch Sử
Miếu Lai Cầu	Phượng Kỳ Tứ Kỳ	Kiến trúc nghệ thuật
Đình Hậu Bồng	Ngọc Sơn Tứ Kỳ	Kiến trúc nghệ thuật
Chùa Đông Dương	Tân Kỳ Tứ Kỳ	Kiến trúc nghệ thuật
Chùa Phúc Duyên	Tân Kỳ Tứ Kỳ	Lịch Sử
Châu Khánh Linh	Đông Xuyên Ninh Giang	Lịch Sử
Miếu Phạm Xá	Nghĩa An Ninh Giang	Lịch Sử
Đình Quỳnh Côi	Hồng Phong Ninh Giang	Lịch Sử
Đình Ngọc Lâm	Kiến Quốc Ninh Giang	Lịch Sử
Chùa Đông Cao	Ứng Hòe Ninh Giang	Lịch Sử
Đình Trịnh Xuyên	Hưng Long Ninh Giang	Lịch Sử
Đình Bồ Dương	Thúc Kháng Ninh Giang	Lịch Sử
Đình Cúc Bồ	Tân Hồng Bình Giang	Lịch Sử
Đình Đỗ Xá	Thái Học Bình Giang	Lịch Sử
Chùa Hưng Long	Long Xuyên Bình Giang	Lịch Sử
Đình chùa Châu Khê	Thái Hòa Bình Giang	Lịch Sử
Đình mộ Trạch	Hùng Thắng Bình Giang	Lịch Sử
Nhà thờ Họ Nhữ	Tahis Học Bình Giang	Lịch Sử

Đền Chùa Cây	Nhân Quyền Bình Giang	Lịch Sử
Đền Cao xá	Nhân Quyền Bình Giang	Lịch Sử
Đình Nhân Kiệt	Tân Trường Bình Giang	Lịch Sử
Chùa Phú Khê	Nhân Quyền Bình Giang	Lịch Sử
Miếu Đan Loan	Thúc Kháng Bình Giang	Lịch Sử
Miếu Phạm Đình Hồ + lâu Bình Thơ	Cầm Sơn Cầm Giàng	Lịch Sử
Đình Mạc Xá	Cầm Vũ Cầm Giàng	Lịch Sử
Đình Bùi Xá	Cầm Điền Cầm Giàng	Lịch Sử
Đình Ngọc Cục	Kim Giang Cầm Giàng	Lịch Sử
Chùa Nghiêm Quang	Tân Trường Cầm Giàng	Lịch Sử
Đền Xưa	Cầm Văn Cầm Giàng	Lịch Sử
Văn Miếu Mao Điền	Cao An Cầm Giàng	Kiến trúc nghệ thuật
Đình Chùa Kim Quan	Cầm Hoàng Cầm Giàng	Lịch Sử
Đình Quý Dương	Cầm Hưng Cầm Giàng	Kiến trúc nghệ thuật
Đền Bia	Thạch Lỗi Cầm Giàng	Kiến trúc nghệ thuật
Chùa Vạn Thai	Cầm Văn Cầm Giàng	Lịch Sử
Chùa Đình Cao Xá	Cầm Vũ Cầm Giàng	Lịch Sử
Đình Kim Đôi	Cầm Định Cầm Giàng	Lịch Sử
Chùa Đình Đan Tràng	Đức Chính Cầm Giàng	Lịch Sử

PHỤ LỤC 3

Nghề cổ truyền ở Hải Dương

STT	TÊN NGHỀ	ĐỊA PHƯƠNG
1	Bánh đậu xanh Hải Dương	Thành phố Hải Dương
2	Chạm Khắc Đá Kính Chủ	Phạm Mệnh - Kim Môn
3	Mắm Rươi	Đại Đức - Kim Thành
4	Lò Vịt Đông Phan	Tân An - Thanh Hà
5	Gốm Quao	Phú Điền - Nam Sách
6	Chiếu hà Đông	Thanh Hà
7	Vải Thúi Lâm	Thanh Sơn - Thanh Hà
8	Hồng Lục – Liễu Tràng – Khắc ván in	Tân Hưng - Tứ Kỳ
9	Thêu Xuân Nẻo	Hưng Đạo - Tứ Kỳ
10	Đóng Giày Da Tam Lâm	Hoàng Diệu - Gia Lộc
11	Bún Đông Cạn	Tân Tiến - Gia lộc
12	Đan Chài Lưới Hạ Bì	Trùng Khánh - Gia Lộc
13	Chạm Khắc gộc Đồng Giao	Lương Điền - Cẩm Giàng
14	Nón Mao Điền	Cẩm Điền - Cẩm Giàng
15	Bột Lọc Quý Dương	Tân Trường - Cẩm Giàng
16	Giần Sàng Thị Chanh	Cẩm Vũ - Cẩm Giàng
17	Rượu Phú Lộc	Cẩm văn - cẩm Giàng
18	Thợ Làm Đấu Nga Hoàng	Thạch Lỗi - Cẩm Giàng
19	Tìm hiểu một vùng chèo	Cẩm Hưng - Cẩm Giàng
20	Chỉ Phú Khê	Thái Học - Bình Giang
21	Lược Vạc	Thái Học- Bình Giang
22	Gốm sứ Cậy	Long Xuyên - Bình Giang
23	Thợ vàng bạc Châu Khê	Thúc Kháng - Bình Giang
24	Cân Bái Dương	Thúc Kháng - Bình Giang
25	Bánh Đa Sắt	Thúc Kháng - Bình Giang
26	Nhuộm Đan Loan	Cổ bì - Bình Giang
27	Giường chòng tre Bùi Xá	Nhân Quyền - Bình Giang
28	Lược sừng Đồi môi	Thái Dương - bình Giang
29	Đũi Thông	Đoàn Thành - Thanh Miện
30	Vớt cá và ươm nuôi cá giống	Tiền Phong - Thanh Miện
31	Thúng đan Giáp	Diên Hồng - Thanh Miện
32	Thợ làm đình Cúc Bồ	Kiến Quốc- ninh Giang
33	Nghề đan giậm Văn Diệm	Văn Giang – Ninh Giang
34	Bánh gai Ninh Giang	Thị trấn Ninh Giang
35	Phường rôi nước Bồ Dương	Hồng Phong - Ninh Giang

PHỤ LỤC 4

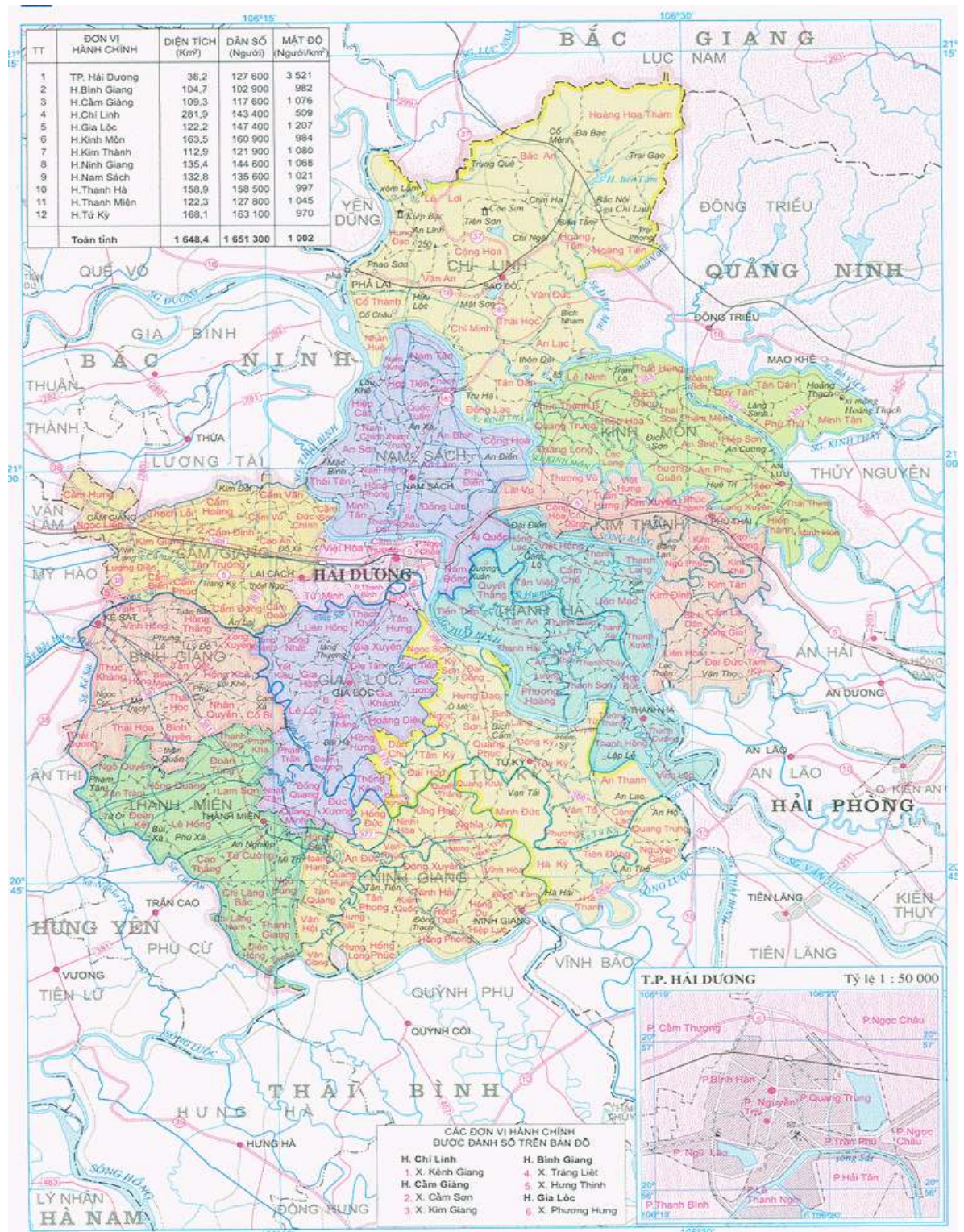
Các lễ hội truyền thống có trong năm ở Hải Dương

STT	Tên lễ hội, địa điểm	Thời gian (âm lịch)	Nội dung, nghi thức
1	Hội chùa Đông Ngộ - Tiên Tiến Thanh Hà	Mùng 3 tháng giêng	Lễ phật cầu lộc cầu tài
2	Hội chùa Hào Xá – Thanh Hà	Mùng 6 tháng giêng	Thờ phật và Trần Nhân Tông cùng 3 cư sĩ Nguyễn Nguyên, Nguyễn Danh, Lý Đình Khuê có công trong cuộc kháng chiến chống quân nguyên . Trò:boi chải, nấu cơm, thi bắt vịt
3	Hội đình Cao Xá – Thái Hòa – Bình Giang	Mùng 6 tháng giêng	Thờ tướng quân Phan Chí, Phan Khí, Phan Minh có công đánh giặc Ân thời Hùng Vương thứ 6 . tế rước tam vị tướng quân
4	Hội đèn Vàng – Gia Xuyên – Gia Lộc	Mùng 7 tháng giêng	Thờ Nguyễn Quý Minh có công dẹp giặc giữ nước thời Lê Thánh Tông Trò xông hệ
5	Hội Đình Vạn Niên – Nam Sách	12 tháng giêng	Thờ phật Lý Thần Tông và Huyền Quang. Lễ phật Văn Cảnh
6	Hội chùa Dương Nham – Động Kính Chủ - Phạm Mệnh – Kim Môn	12 tháng giêng	Thi ném pháo đất, cầu sấm, cầu mưa
7	Hội thi pháo đất Minh Đức – Tứ Kỳ	15 tháng giêng	Thờ Yết Kiêu người cận vệ trung thành của Trần Hưng Đạo có công lớn trong cuộc kháng chiến chống Nguyên lần thứ 2 và 3. Rước thần tế lễ. Trò đánh cờ, boi chải...

8	Hội đền Quát Yết Kiêu – Gia Lộc	15 tháng giêng	Thờ phật tam tòa thánh mẫu, yết Kiêu Lễ phật tưởng niệm Văn Cảnh
9	Hội chùa Hàm Long – Minh Tân Kim Môn	15 – 17/ tháng giêng	Thờ Đại tướng quân Phan Sĩ người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thế kỉ XIII và thờ Xuân Tín người có công khởi dựng nghề chạm bạc
10	Hội Đình Châu Khê	19 – 20/	
11	Hội Côn Sơn Cộng Hòa chí Linh	15 -22/ tháng giêng	Thờ Trúc Lâm Tam tổ
12	Hội Đền Cao – Chí Linh	22-25/ tháng giêng	Thờ năm anh em họ vương có công chống giặc Tống xâm lược
13	Hội đền An Liệt Thanh Hà	22 tháng giêng	Thờ ngũ vị đại vương
14	Hội chùa Muống Ngũ Phúc Kim thành	16 tháng giêng	Thờ phật, cầu lộc cầu tài
15	Hội chùa Cao Xá – Cẩm Giàng	4/2	Thờ phật và thân mẫu Tuấn Công Đại Vương
16	Hội đền Ngọc Hoa- thanh Hà	6/2	Thờ công chúa Trần thị Ngọc Hoa
17	Hội Đình Nhán Lý	15/2	Thờ Đào Tuấn Lương, tướng của Lý Nam Đế
18	Hội Đền Xưa cẩm Giàng	15/2	Thờ Tuệ Tĩnh vị thánh thuốc nam
19	Hội Văn Miếu Mao Điền Cẩm Giàng	15 – 18 / 2	Thờ phật và đại danh y Tuệ Tĩnh
20	Hội đền quan lớn Tuấn Tranh	25/2	Thờ nhân vật huyền thoại coi khúc sông Tuấn Tranh có nguồn gốc từ một loại rắn
21	Hội chùa Giám	15- 18/2	Thờ phật và Đại Danh y Tuệ Tĩnh

22	Hội chùa Thanh mai- Chí Linh	3/3	Thờ pháp loa đệ nhị trúc lâm tam tổ
23	Hội đình Hàn Giang- Tp Hải Dương	8-9/3	Thờ tướng quan Đinh Văn tả và 2 phụ nhân
24	Hội đình Bảo Sái- Bình Hàn Hải Dương	10/3	Thờ Tiên Dung công chúa
25	Hội đền Chùa cày	10/3	Thờ Bảo Phúc Đại Vương
26	Hội đình Đồng Niên	10/3	Thờ ông bà Trần Chí, Nguyễn Thị Hương và 3 con
27	Hội Đền Sặt Thanh Bình	10/3	Thờ Vũ Công Hựu
28	Hội Đền Cao	26/3-1/4	Thờ An Sinh Vương Trần Liễu thân phụ của Trần Quốc Toản
29	Hội Đền Bia	1/4	Thờ Tuệ Tĩnh
30	Hội Đền Cuối- Gia Lộc	26-28/8	Thờ Nguyễn Chế Nghĩa vị tướng của Trần Hưng Đạo

BẢN ĐỒ



Bản Đồ hành chính tỉnh Hải Dương

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
PHẦN MỞ ĐẦU	2
1. Lý do chọn đề tài	2
2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài:	3
2.1. Mục đích, ý nghĩa nghiên cứu:	3
2. Lịch sử nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Thời gian nghiên cứu.	3
5. Khó khăn và thuận lợi khi chọn đề tài.	4
6. Phương pháp nghiên cứu	4
6.1. Phương pháp thực địa và thu thập tài liệu :	4
6.2. Phương pháp so sánh tổng hợp thống kê:	4
6.3. Phương pháp biểu đồ và bản đồ:	4
6.4. Phương pháp toán học:	4
7. Kết cấu của khóa luận.	5
PHẦN NỘI DUNG	6
CHƯƠNG 1: CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ XÂY DỰNG TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI NHÂN VĂN Ở TỈNH HẢI DƯƠNG.	6
1.1. Khái quát chung về tỉnh Hải Dương	6
1.1.1. Vị trí địa lý và lịch sử hình thành – phát triển	6
1.1.2. Lịch sử hình thành.....	7
1.1.3. Dân số và nguồn nhân lực.....	8
1.2. Kiểm kê đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên.	9
1.2.1. Địa hình.....	9
1.2.2. Khí hậu	12
1.2.3. Nguồn nước.....	16
1.2.4. Tài nguyên sinh vật	18
1.2.4.1. Thực vật.....	18

1.2.4.2. Động vật.....	20
1.2.5. Một số điểm du lịch tự nhiên.	21
1.2.6. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch tự nhiên.	23
1.3. Tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên kinh tế kỹ thuật phục vụ du lịch ở Hải Dương.....	23
1.3.1. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.	24
1.3.1.1. Các di tích lịch sử văn hóa.	24
1.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể.	45
1.3.2.1. Lễ hội.....	45
1.3.2.2. Nghề và làng nghề thủ công truyền thống.	50
1.3.2.3. Văn hóa nghệ thuật.....	58
1.3.2.4. Nghệ thuật ẩm thực.	63
1.3.2.5. Đánh giá chung về các tài nguyên nhân văn của tỉnh.....	66
1.4. Dân cư và kinh tế - xã hội của Hải Dương năm 2009.	67
1.4.1. Dân cư	67
1.4.2. Tình hình kinh tế - xã hội của Hải Dương năm 2009.	67
1.5. Kết cấu hạ tầng.....	68
1.5.1. Mạng lưới giao thông vận tải.	68
1.5.2. Hệ thống cung cấp điện.....	70
1.5.3. Hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.	70
1.5.4. Hệ thống thông tin liên lạc.	72
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KINH DOANH DU LỊCH CỦA HẢI DƯƠNG.....	73
2.1. Tổ chức quản lý và quy hoạch du lịch.	73
2.1.1. Tình hình quản lý du lịch văn hóa tại Hải Dương.	73
2.1.2. Tình hình quản lý du lịch sinh thái tại Hải Dương	74
2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch.	75
2.2.1. Cơ sở lưu trú.....	75
2.2.2. Phương tiện vận chuyển.....	77

2.2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật khác.	78
2.2.4. Lao động trong ngành du lịch tại tỉnh Hải Dương.	78
2.3. Kết quả kinh doanh.	79
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI DƯƠNG. XÂY DỰNG TUYẾN DU LỊCH “HÀ NỘI – CẨM GIÀNG – THANH MIỆN – NINH GIANG – CHÍ LINH – THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG”	81
3.1. Giải pháp về quản lý và quy hoạch du lịch.	81
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch	82
3.3. Các giải pháp đầu tư du lịch.....	83
3.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch.....	83
3.5. Giải pháp về giáo dục cộng đồng.....	84
3.6. Giải pháp nghiên cứu thị trường và quảng bá du lịch.....	85
3.7. Một số chương trình du lịch nội, ngoại tỉnh đang được triển khai ở Hải Dương.....	86
3.7.1. Chương trình du lịch nội tỉnh.....	86
3.7.2. Chương trình du lịch liên tỉnh.	87
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95